



# CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ **TUẤN HẢI PHÁT**

MST: 3502350772

Địa chỉ: Tổ 10, đường Lê Văn Lộc, Khu phố  
Tân Phú, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ,  
Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam  
Hotline: 0966616839



CamScanner

Được quét bằng CamScanner



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP  
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Mã số doanh nghiệp: 3502350772**

*Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 12 năm 2017*

*Đăng ký thay đổi lần thứ: 7, ngày 14 tháng 08 năm 2024*

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

*Tổ 10, Đường Lê Văn Lộc, Khu phố Tân Phú, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam*

Điện thoại: 0915830930

Email:

Fax:

Website:

**3. Vốn điều lệ : 18.000.000.000 đồng.**

*Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng*

**4. Thông tin về chủ sở hữu**

Họ và tên: TRƯƠNG NGỌC ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 09/01/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079085006945

Ngày cấp: 26/09/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự  
xã hội

Địa chỉ thường trú: *Số 01 Lô 32 Phạm Thế Hiển, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 01 Lô 32 Phạm Thế Hiển, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

**5. Người đại diện theo pháp luật của công ty**



\* Họ và tên: TRƯƠNG NGỌC ANH TUẤN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 09/01/1985

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 079085006945

Ngày cấp: 26/09/2023

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật  
tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 01 Lô 32 Phạm Thế Hiển, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ  
Chí Minh, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 01 Lô 32 Phạm Thế Hiển, Phường 4, Quận 8, Thành phố Hồ Chí  
Minh, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Văn Trường



CamScanner

Được quét bằng CamScanner



**ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា**  
**ជាតិ សាសនា ព្រះមហាក្សត្រ**

**KINGDOM OF CAMBODIA**  
**Nation Religion King**  
**VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA**  
**Quốc Gia Tôn Giáo Quốc Vương**

**កិច្ចព្រមព្រៀង**

**ស្តីពី**

**ការផ្គត់ផ្គង់ ទិញ-លក់ ខ្សែចង្កឹកសាប (ខ្សែចង្កឹក)**  
**RIVER SAND SALE-PURCHASE AND SUPPLY AGREEMENT**  
**(RIVER SAND)**  
**HỢP ĐỒNG MUA BÁN VÀ CUNG CẤP (CÁT SÔNG)**

**រវាង**

**BETWEEN**  
**GIỮA**

**ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ រ៉ែសស៍ ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក**  
**(តទៅហៅថា ភាគី“ក”)**

**CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.**  
**(Hereinafter referred to as PARTY “A”)**  
**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK.**  
**(Sau đây được gọi là BÊN “A”)**

**និង**

**AND**  
**VÀ**

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUAN HAI PHÁT**  
**(តទៅហៅថា ភាគី“ខ”)**  
**(Hereinafter referred to as PARTY “B”)**  
**(Sau đây được gọi là BÊN “B”)**

**កិច្ចព្រមព្រៀងលេខ: Agreement No. Thỏa thuận số: EXP-143/2024**



**កិច្ចព្រមព្រៀងលើការផ្គត់ផ្គង់ និង លក់ ខ្សាច់ទឹកសាប (ខ្សាច់ទន្លេ)**  
**RIVER SAND SALE-PURCHASE AND SUPPLY AGREEMENT (RIVER SAND)**  
**HỢP ĐỒNG MUA BÁN VÀ CUNG CẤP (CÁT SÔNG)**

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះធ្វើនៅរាជធានីភ្នំពេញ ប្រទេសកម្ពុជា, ថ្ងៃទី១៨ ខែកក្កដា ឆ្នាំ២០២៤

This agreement is made at Phnom Penh, dated July 18, 2024  
Hợp đồng này lập ra tại Phnom Penh, ngày 18 tháng 07, năm 2024

**រវាង ភាគី "ក"**  
**BETWEEN PARTY "A"**  
**GIỮA BÊN "A"**

**ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ រ៉ែសសស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក** ដូចមានវិញ្ញាបនបត្រលេខ  
MOC-30752548 ពណ.ចបព ចុះថ្ងៃទី១២ ខែកុម្ភៈ ឆ្នាំ២០២០ ចេញដោយក្រសួងពាណិជ្ជកម្ម មាន  
ការិយាល័យ ស្ថិតនៅផ្លូវបេតុង ភូមិដើមម៉ាក់ភ្លើ សង្កាត់ច្បារអំពៅទី១ ខណ្ឌច្បារអំពៅ រាជធានីភ្នំពេញ  
ប្រទេសកម្ពុជា ដោយមានអ្នកតំណាងក្រុមហ៊ុនលោក **គ្រូច ស៊ីផា** ជាអគ្គនាយកក្រុមហ៊ុន ទូរស័ព្ទ:  
០១២ ៤២៦ ៧៧៧ អ៊ីម៉ែល: [chaktomukresourceupply1@gmail.com](mailto:chaktomukresourceupply1@gmail.com) ។

**CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.** is  
incorporating and existing under the company registration no. MOC-30752548 "MoC.Reg." dated  
February 12<sup>th</sup>, 2020 issued by the ministry of commerce, registering the head office at the concrete  
street, Derm Mak Khloeu village, Chbar Ampov 1 quarter, Chbar Ampov district, Phnom Penh  
capital, Kingdom of Cambodia, represented by Mr. **KRUOCH SIPHA**, company managing director,  
contact phone number: 012 426 777 Email: [chaktomukresourceupply1@gmail.com](mailto:chaktomukresourceupply1@gmail.com) .

**CÔNG TY TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK**,  
thành lập và tồn tại theo số đăng ký công ty MOC-30752548 "MoC.Reg." ngày 12 tháng 2 năm 2020  
cấp bởi Bộ thương mại, đăng ký trụ sở chính tại đường bê tông, làng Derm Mak Khloeu, khu Chbar  
Ampov 1, quận Chbar Ampov, thủ đô Phnom Penh, Vương quốc Campuchia, đại diện bởi ông  
**KRUOCH SIPHA**, giám đốc điều hành công ty, số điện thoại liên hệ: 012 426 777 Email:  
[chaktomukresourceupply1@gmail.com](mailto:chaktomukresourceupply1@gmail.com) .

**និង ភាគី "ខ"**  
**AND PARTY "B"**  
**VÀ BÊN "B"**

**CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN THUONG MAI VA DICH VU TUAN HAI PHAT** បាន  
ចុះបញ្ជីពាណិជ្ជកម្មលេខ ៣៥០២៣៥០៧៧២ ចុះថ្ងៃទី០១ ខែធ្នូ ឆ្នាំ២០១៧ អាសយដ្ឋាន Group 1, Tan  
Hanh Quarter, Phu My Ward, Phu My Town, Tinh Ra Ria - Vung Tau, Vietnam ដោយមានអ្នក  
តំណាងក្រុមហ៊ុនលោក **TRUONG NGOC ANH TUAN** ជាអគ្គនាយក កាន់លិខិតឆ្លងដែនលេខ: E01842497  
ចុះថ្ងៃទី១០ ខែឧសភា ឆ្នាំ២០២៤ ទូរស័ព្ទលេខ: +84915830930 អ៊ីម៉ែល [ctytuanhaiphath@gmail.com](mailto:ctytuanhaiphath@gmail.com) ។

**CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN THUONG MAI VA DICH VU TUAN HAI PHAT**, is incorporating and existing under the company registration no. 3502350772, Dated December  
01, 2017, issued by the ministry of commerce, Address Group 1, Tan Hanh Quarter, Phu My Ward,  
Phu My Town, Tinh Ra Ria - Vung Tau, Vietnam, represented by Mr. **TRUONG NGOC ANH TUAN**,  
hold passport number: E01842497 Dated May 10, 2024, managing director, contact phone number:  
+84915830930 Email: [ctytuanhaiphath@gmail.com](mailto:ctytuanhaiphath@gmail.com) .



**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẦN HẢI PHÁT**, Đăng ký kinh doanh số 3502350772 Ngày 01/12/2017, Địa chỉ: Tổ 1, Khu Phố Tân Hạnh, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Ra Ria - Vung Tau, Việt Nam, với người đại diện là ông. **TRUONG NGOC ANH TUAN**, Giám đốc, làm đại diện, Hộ chiếu số: E01842497, Ngày 10/05/2024, số điện thoại giám đốc điều hành, liên hệ: +84915830930 Email: [ctytuanhaiphat@gmail.com](mailto:ctytuanhaiphat@gmail.com).

**ភាគី“ក” និងភាគី“ខ”** អាចហៅកាត់ដាច់ដោយឡែកពីគ្នាថា “ភាគី” និងហៅថាកាត់ជាមួយគ្នាថា “គូភាគី” ។

PARTY “A” and PARTY “B” are individually called “party” and collectively called “parties”.  
BÊN “A” và BÊN “B” được gọi riêng là “bên” và được gọi chung là “các bên”.

### **ដោយហេតុថា**

**Whereas,  
Căn cứ**

- **ភាគី“ក”** ជាក្រុមហ៊ុនដែលទទួលបានអាជ្ញាបណ្ណបូមខ្សាច់ទន្លេ ពីរដ្ឋាភិបាលនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ដើម្បីផ្គត់ផ្គង់លក់ចេញទៅកាន់អតិថិជនក្នុង និងក្រៅប្រទេស ។
- PARTY “A” is a company incorporated under the river sand dredging license from royal government of the Kingdom of Cambodia for supplying and selling to the customers in local and abroad.
- PARTY “A” là công ty được thành lập theo giấy phép nạo vét cát sông của chính phủ Vương quốc Campuchia để cung cấp và bán cho khách hàng trong và ngoài nước,
- **ភាគី“ក”** មានបំណងផ្គត់ផ្គង់ និងលក់ខ្សាច់ទន្លេជូន**ភាគី“ខ”** ហើយ**ភាគី“ខ”** មានបំណងទទួលយក និងទិញខ្សាច់ទន្លេពី**ភាគី“ក”** ដើម្បីនាំចេញទៅក្រៅប្រទេស ក្នុងអាជីវកម្មរបស់ខ្លួនតាមការព្រមព្រៀងនូវលក្ខខណ្ឌដូចខាងក្រោម ៖
- PARTY “A” is willing to supply and sell river sand to PARTY “B” and PARTY “B” is willing to accept and purchase the river sand from PARTY “A” for exporting to abroad in its business operation upon the mutual agreement of following terms and conditions:
- BÊN “A” sẵn sàng cung cấp và bán cát sông cho BÊN “B” và BÊN “B” sẵn sàng mua cát sông từ BÊN “A” để xuất khẩu ra nước ngoài trong hoạt động kinh doanh của mình theo thỏa thuận của hai bên với các điều khoản và điều kiện sau:

**ប្រការ១ ៖ កម្មវត្ថុកិច្ចសន្យា សុពលភាព បរិមាណ និងតម្លៃ**

**Article1 ៖ Contract subject matter, validity, quantity and price**

**Điều1 ៖ Đối tượng hợp đồng, hiệu lực, khối lượng và giá cả**

**១.១ ភាគី“ក”** យល់ព្រមលក់ ហើយ**ភាគី“ខ”** យល់ព្រមទិញខ្សាច់ទន្លេ ក្នុងបរិមាណសរុបចំនួន ១,០០០,០០០ម<sup>៣</sup> (មួយលានម៉ែត្រគូប) ក្នុងតម្លៃ USD ៦.០០ (ប្រាំមួយដុល្លារអាមេរិក) គិតជាទឹកប្រាក់សរុបស្មើនឹងចំនួន USD ៦,០០០,០០០ (ប្រាំមួយលានដុល្លារអាមេរិក) (តទៅនេះហៅថា “ថ្លៃទិញលក់សរុប” មានសុពលភាពសំរាប់រយៈពេល ០១(មួយ) ឆ្នាំ ដោយគិតពី ថ្ងៃទី១៨ ខែកក្កដា ឆ្នាំ ២០២៤ រហូតដល់ ថ្ងៃទី១៨ ខែកក្កដា ឆ្នាំ២០២៥ ។ ចំពោះតម្លៃទិញ-លក់នេះ និងត្រូវប្រែប្រួលទៅតាមទីផ្សារជាក់ស្តែង បន្ទាប់ពីបរិមាណសរុបខាងលើ ត្រូវបាន**ភាគី“ខ”** ទទួលបានខ្សាច់គ្រប់ចំនួន ១០០% (មួយរយភាគរយ) ដូចនេះ**ភាគី**ត្រូវបង្កើតកិច្ចព្រមព្រៀងបន្តទៀត ដោយផ្អែកលើការពិភាក្សាគ្នាជាថ្មី ។



**1.1** PARTY “A” agrees to sell and PARTY “B” agrees to purchase river sand in the total quantities of 1,000,000m<sup>3</sup> (One million cubic meters Only) in the prices of US 6.00 (Six US dollars) calculating in the total prices of US 6,000,000 (Six Million US dollars) (hereinafter called “total selling-purchasing prices”) valid for 01 (one) year starting from July 18, 2024 to July 18, 2025. This selling-purchasing price will be changed upon the actual market value after the aforesaid total quantities is obtained by PARTY “B” for the full sand quantities of 100% (a hundred percentages only) therefore, the parties shall be entered into the renewal agreement based on the new mutual discussion.

**1.1** BÊN “A” đồng ý bán và BÊN “B” đồng ý mua cát sông với tổng số lượng là 1,000,000m<sup>3</sup> (Chỉ một triệu mét khối) với giá US 6,00 (Sáu đô la Mỹ) tính trên tổng số giá US 6,000,000 (Sáu triệu đô la Mỹ) (sau đây gọi là “tổng giá mua - bán”) có giá trị trong 01 (một) năm bắt đầu từ ngày 18 Tháng 07 năm 2024 đến ngày 18 tháng 07 năm 2025. Giá mua bán này sẽ là được thay đổi theo giá trị thị trường thực tế sau khi BÊN “B” thu được tổng số lượng nói trên đối với số lượng cát đầy đủ là 100% (chỉ một trăm phần trăm), do đó, các bên sẽ tham gia vào thỏa thuận gia hạn dựa trên sự thảo luận mới của cả hai.

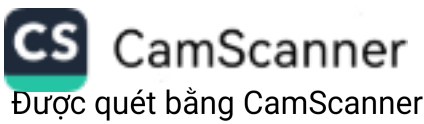
**១.២** ករណីបរិមាណទិញខ្សាច់ទន្លេសរុបចំនួន ១,០០០,០០០ម<sup>៣</sup> (មួយលានម៉ែត្រគូប) ត្រូវបានភាគី“ខ” ធ្វើការអ្នករកនូវគុណភាព និងដឹកជញ្ជូនខ្សាច់រួចរាល់គ្រប់ចំនួនទៅតាមបរិមាណនេះមុនកាលកំណត់ និងបានទូទាត់គ្រប់ចំនួន កិច្ចព្រមព្រៀងនេះនឹងត្រូវបានអស់សុពលភាពដោយស្វ័យប្រវត្តិ។ ករណីនេះ ភាគី“ខ” មានសិទ្ធិស្នើសុំបញ្ជាទិញបន្ថែមទៀតនៅពេលដែលទទួលបានសម្រេចលទ្ធផលចំនួន៧០% (ចិតសិបភាគរយ) នៃបរិមាណសរុបខាងលើ នោះភាគី“ខ” ត្រូវធ្វើលិខិតជូនដំណឹងជាលាយលក្ខណ៍អក្សរជូនភាគី“ក” ដោយភាគី“ក” ត្រូវទុកសិទ្ធិអាទិភាពមុនគេក្នុងការបង្កើតកិច្ចព្រមព្រៀងបន្តទៀត ដោយផ្អែកលើការពិភាក្សាគ្នាជាថ្មី ។

**1.2** In the case of total river sand purchasing quantities of 1,000,000m<sup>3</sup> (One million cubic meters) is monitored the quality by PARTY “B” and full quantities of sand transportation upon this quantity before the due date and completed the payment then this agreement will be automatically invalidated. In this case, PARTY “B” has the right to request more purchase orders when receives the achievement result of 70% (seventy percentages) of aforesaid total quantities, PARTY “B” shall make a written notice to PARTY “A” and PARTY “A” shall secure the priority right in renewing the agreement based on the new mutual discussion.

**1.2** Trong trường hợp tổng số lượng mua cát sông là 1,000,000m<sup>3</sup> (một triệu mét khối) được BÊN “B” giám sát chất lượng và vận chuyển toàn bộ số lượng cát theo số lượng này trước hạn và hoàn thành việc thanh toán thì hợp đồng này sẽ được tự động vô hiệu. Trong trường hợp này, BÊN “B” có quyền yêu cầu thêm đơn đặt hàng khi nhận được kết quả đạt 70% (bảy mươi phần trăm) tổng số lượng nói trên, BÊN “B” có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho BÊN “A” và BÊN “A” sẽ đảm bảo quyền ưu tiên trong việc gia hạn thỏa thuận dựa trên sự thảo luận mới giữa hai bên.

**ប្រការ២ : ការផ្គត់ផ្គង់ និងការចាប់ផ្តើម**  
**Article2 : Supply and commencement**  
**Điều2 : Cung cấp và khởi công.**

**២.១.** ភាគី“ក” មានកាតព្វកិច្ចរៀបចំស្នើសុំលិខិតអនុញ្ញាតពីក្រសួងពាក់ព័ន្ធដើម្បីធ្វើការបង់ពន្ធសួយសារ និងពន្ធគយនាំចេញ ជូនភាគី“ខ” ទៅតាមបរិមាណខ្សាច់ក្នុងប្រការ១.១ខាងលើ ចំណែកភាគី“ខ” មានកាតព្វកិច្ចរាល់ការចំណាយ និងទទួលខុសត្រូវស្វែងរកអ្នកជំនាញ ឧបករណ៍ គ្រឿងចក្រ (សាឡុង, អ៊ុប៊ុខ្សាច់) រួមទាំងកម្មករ ដើម្បីធ្វើការរុករានគុណភាពខ្សាច់ និងបូមខ្សាច់ដាក់ក្នុងសាឡុង ដើម្បីធ្វើការដឹកជញ្ជូនខ្សាច់ទន្លេដោយខ្លួនឯង តាមផ្លូវទឹករហូតដល់ចំណុច០(សូន្យ) (ចំណុច០គឺ





ព្រំប្រទល់ទន្លេរបស់ប្រទេសកម្ពុជា និងប្រទេសវៀតណាម) (តទៅនេះហៅថា ចំណុច០"សូន្យ") ក្រោមការចង្អុលបង្ហាញ និងការត្រួតពិនិត្យបច្ចេកទេសពីក្រសួង និងអាជ្ញាធរពាក់ព័ន្ធទាំងអស់នៅលើទីតាំងដែលភាគី"ក" ផ្តល់ឱ្យភ្ជាប់ជាមួយឧបសម្ព័ន្ធ ។ ចំណែកការនាំចេញបន្តលើសពីចំណុច០ (សូន្យ) ភាគី"ខ" ជាអ្នកទទួលខុសត្រូវរៀបចំដោយខ្លួនឯង រួមទាំងរាល់ការចំណាយក្នុងការស្នើសុំបែបបទ បង់ពន្ធសួយសារ និងពន្ធគយនាំចេញ មធ្យោបាយដឹកជញ្ជូន និងផ្សេងៗទាំងអស់នៅប្រទេសវៀតណាម និងបន្តទៅប្រទេសផ្សេងទៀត ជាបន្ទុករបស់ភាគី"ខ" ទាំងស្រុង ។

**2.1.** PARTY "A" is obliged to process the letters of authorization of relevant ministry of paying taxes, customs export to PARTY "B" upon the sand quantities as stipulated out in aforesaid clause 1.1. Otherwise, PARTY "B" is obliged to responsible for all expenses and finding the expert, equipment, machineries (barges, sand pumps) including workmen in order for exploring the sand quality and dredging sand putting into the barges in order to transport the river sand itself along the waterway to the zero point (zero point is the river border line of Cambodia and Vietnam) (hereinafter called "zero point") under the indication and technical control from all relevant ministries and authorities on the dredging site in which provided by PARTY "A" to attach as the appendix. Meanwhile, the next export process over the zero point, PARTY "B" shall responsible for processing itself. All expenses for requesting the tax payment process, customs export, means of transportation and other expenses in Vietnam will be fully borne for PARTY "B".

**2.1.** BÊN "A" có nghĩa vụ làm các công văn ủy quyền của Bộ liên quan nộp thuế, hải quan xuất khẩu cho BÊN "B" theo số lượng cát quy định tại khoản 1.1 nêu trên. Nếu không, BÊN "B" có nghĩa vụ chịu mọi chi phí và tìm chuyên gia, thiết bị, máy móc (sà lan, máy bơm cát) kể cả công nhân để thăm dò chất lượng cát và nạo vét cát đưa vào sà lan để vận chuyển cát sông dọc theo tuyến đường thủy đến điểm 0 (điểm 0 là đường biên giới sông Campuchia và Việt Nam) (sau đây gọi là "điểm không") dưới sự chỉ dẫn và kiểm soát kỹ thuật của tất cả các bộ, ngành có liên quan tại khu vực nạo vét do BÊN cung cấp "A" để đính kèm dưới dạng phụ lục. Trong khi đó, quá trình xuất khẩu tiếp theo qua điểm 0, BÊN "B" sẽ tự chịu trách nhiệm xử lý. Mọi chi phí cho việc yêu cầu quy trình nộp thuế, xuất hải quan, phương tiện đi lại và các chi phí khác tại Việt Nam sẽ do BÊN "B" chịu hoàn toàn.

**២.២** ភាគី"ក" នឹងរៀបចំស្នើសុំលិខិតអនុញ្ញាតឱ្យបូមខ្សាច់ពីក្រសួងរ៉ែ និងថាមពលជូនភាគី"ខ" ។ ក្រោយពីភាគី"ខ" ទទួលបានលិខិតអនុញ្ញាតឱ្យបូមខ្សាច់ពីក្រសួងរ៉ែ និងថាមពលពីភាគី"ក" រួចរាល់ ភាគី"ខ" ត្រូវចាប់ផ្តើមដំណើរការរុករកខ្សាច់ និងដឹកជញ្ជូនខ្សាច់ទន្លេ ក្រោមការចង្អុលបង្ហាញ និងត្រួតពិនិត្យបច្ចេកទេសពីក្រសួង និងអាជ្ញាធរពាក់ព័ន្ធទាំងអស់នៅលើទីតាំងដែលភាគី"ក" ផ្តល់ឱ្យភ្ជាប់ជាមួយឧបសម្ព័ន្ធ និងមិនឱ្យលើសរយៈពេល ៤៥ (សែសិបប្រាំ) ថ្ងៃ ។ បរិមាណខ្សាច់ទន្លេអប្បបរមាដែលភាគី"ខ" ត្រូវរុករក និងដឹកជញ្ជូនខ្សាច់ គឺមានចំនួន ២,០០០ម<sup>៣</sup>(ពីរពាន់ម៉ែត្រគូប) ទៅ ៥,០០០ម<sup>៣</sup>(ប្រាំពាន់ម៉ែត្រគូប) ក្នុង ០១(មួយ)ថ្ងៃ ។ ករណីភាគី"ខ" មិនបានចាប់ផ្តើមការរុករក និងដឹកជញ្ជូនតាមការកំណត់ដូចបានរៀបរាប់ខាងលើ កិច្ចព្រមព្រៀងនេះត្រូវបានរំលាយចោលដោយស្វ័យប្រវត្តិដោយភាគី"ខ" មិនអាចទាមទារប្រាក់កក់តាមចំណុច៣.១ នៃប្រការ៣ខាងក្រោមបានឡើយ ដោយភាគី"ខ" ត្រូវមានមូលហេតុច្បាស់លាស់ពីការរុករក និងដឹកជញ្ជូនមិនបានគ្រប់ចំនួនជូនមកភាគី"ក" ។

**2.2** PARTY "A" will organize the letter of authorization to dredge sand from ministry of mines and energy to PARTY "B". After PARTY "B" has already received the letter of authorization to dredge sand from ministry of mines and energy from PARTY "A", PARTY "B" shall start to process the sand exploration and river sand transportation under the indication and technical control from all relevant ministries and authorities on the dredging site in which provided by PARTY "A" to attach as the appendix without over 45 (Forty five) days. The minimum river sand quantities in which PARTY "B" needed to explore and transport sand is 2,000m<sup>3</sup> (Two



thousand cubic meters only) to 5,000m<sup>3</sup> (Five thousand cubic meters only) per day. In the case of PARTY "B" does not commence to explore and transport upon the aforesaid due date and term, this agreement will be automatically rescinded and PARTY "B" has no right to claim deposit upon clause 3.1. of article 3 below, PARTY "B" shall have clear reason for such defective exploration and transportation to PARTY "A".

**2.2** BÊN "A" sẽ trao giấy ủy quyền nạo vét cát từ Bộ khai thác mỏ và năng lượng cho BÊN "B". Sau khi BÊN "B" đã nhận được giấy ủy quyền từ BÊN "A", BÊN "B" sẽ bắt đầu tiến hành thăm dò cát và vận chuyển cát sông dưới sự chỉ dẫn và kiểm soát kỹ thuật của tất cả các bộ và cơ quan chức năng liên quan tại địa điểm nạo vét do BÊN "A" cung cấp, như phụ lục đính kèm, trong thời gian không quá 45 (Bốn mươi lăm) ngày. Lượng cát sông tối thiểu mà BÊN "B" cần để thăm dò và vận chuyển cát là 2.000m<sup>3</sup> (Chỉ hai nghìn mét khối) đến 5.000m<sup>3</sup> (Chỉ năm nghìn mét khối) mỗi ngày. Trong trường hợp BÊN "B" không bắt đầu việc thăm dò và vận chuyển vào thời hạn nói trên, hợp đồng này sẽ tự động bị hủy bỏ và BÊN "B" không có quyền hoàn tiền đặt cọc theo điều khoản 3.1. của điều 3 dưới đây, BÊN "B" phải có lý do rõ ràng và thông báo cho BÊN "A" về việc không thực hiện thăm dò và vận chuyển cát theo thời gian quy định.

**២.៣** ការប្រគល់-ទទួលខ្សាច់ទន្លេក្នុងសាឡង់ នឹងធ្វើឡើងតាមការវាស់វែងជាក់ស្តែងមួយកប៉ាល់ម្តងៗ ត្រង់ចំណុច០(សូន្យ) ដើម្បីកំណត់បរិមាណដោយមានលិខិតប្រគល់-ទទួល ជាលាយលក្ខណ៍អក្សរពីអ្នកតំណាងរបស់គូភាគី ដោយមានសមត្ថកិច្ចពាក់ព័ន្ធចូលរួម ។

**2.3** The river sand delivery in barge will be done upon actual measurement for a barge once at the zero point to limit the quantities with such written delivery letter from the representatives of parties with participating from all relevant competencies.

**2.3** Việc vận chuyển cát sông bằng sà lan sẽ được thực hiện sau khi sà lan được đo đạc thực tế một lần tại điểm 0, để giới hạn số lượng theo quy định với văn bản giao nhận của đại diện hai bên và sự tham gia của tất cả các cơ quan có liên quan.

**២.៤** ឯកសារនាំចេញដែលភាគី "ក" ត្រូវប្រគល់ជូនទៅភាគី "ខ" រួមមាន ៖

- វិក្កយបត្រទំនិញ
- បញ្ជីរាយមុខទំនិញ
- វិញ្ញាបនបត្របញ្ជាក់ការនាំចេញ
- វិញ្ញាបនបត្រប្រកាសដើមទំនិញ
- ប្រតិវិធីទំនិញ
- ប័ណ្ណទទួលទំនិញ

**2.4.** The export documents in which providing by PARTY "A" after the goods exported such as;

- Invoice
- Packing List
- Export Certificate
- Certificate of Origin
- Custom Declaration
- Manifest

**2.4** Hồ sơ xuất khẩu BÊN "A" giao cho BÊN "B" gồm có:

- Hóa đơn
- Danh mục hàng hóa
- Giấy chứng nhận xuất khẩu
- Giấy chứng nhận xuất xứ



- Tờ khai hải quan
- Phiếu nhận hàng

**ប្រការ៣ ៖ ប្រាក់កក់ និងការទូទាត់**

**Article3 ៖ Deposit and payment**

**Điều3 ៖ Đặt cọc và thanh toán**

### **៣.១ ប្រាក់កក់**

#### **3.1 Deposit**

#### **3.1 Đặt cọc**

**៣.១.១ ភាគី“ខ”** ត្រូវបង់ប្រាក់កក់ចំនួន USD ..... ( .....ដុល្លារអាមេរិក ) ជូនភាគី“ក”។

ប្រាក់កក់នេះគឺមិនមែនជាប្រាក់ថ្លៃផ្គត់ផ្គង់ទិញលក់ដែលភាគី“ខ” បានបង់ជាមុននោះទេ ប៉ុន្តែជាប្រាក់សម្រាប់ ធានាកាតព្វកិច្ចក្នុងការបង្កើត និងអនុវត្តកិច្ចសន្យារបស់ភាគី“ខ” រហូតដល់បញ្ចប់កិច្ចសន្យា។

**3.1.1** PARTY “B” shall pay the deposit USD ..... (..... US dollars) to PARTY “A”. This deposit is not the money for supplying, selling and purchasing price in which PARTY “B” made an advance payment, but it is the money for securing the obligation in entering into and performing the contract of PARTY “B” until the termination date.

**3.1.1** BÊN “B” sẽ thanh toán với số tiền là USD ..... (..... đô la Mỹ) cho BÊN “A”. Tuy nhiên, khoản tiền đặt cọc này không phải là tiền ứng trước của BÊN “B” cho việc mua bán cát sông theo các điều khoản của hợp đồng này, mà là tiền để đảm bảo nghĩa vụ giao kết và thực hiện hợp đồng của BÊN “B” cho đến ngày chấm dứt hợp đồng.

**៣.១.២ ប្រាក់កក់ដែលភាគី“ខ”** ប្រគល់ជូនភាគី“ក” តាមលិខិតប្រគល់-ទទួល ពុំមានការប្រាក់នោះឡើយ ហើយប្រាក់កក់នេះ នឹងត្រូវប្រគល់ជូនភាគី“ខ”វិញ ក្នុងករណីដែលកិច្ចព្រមព្រៀងនេះបានអនុវត្ត កាតព្វកិច្ចសន្យាពេញលេញ ដោយការបញ្ជាទិញខ្សាច់ត្រូវបានបញ្ជាទិញតាមបរិមាណដែលបានកំណត់ ក្នុងកិច្ចព្រមព្រៀង និងរហូតដល់កាលកំណត់នៃកិច្ចព្រមព្រៀង ។ ចំពោះការបញ្ចប់កិច្ចព្រមព្រៀងមុន កាលកំណត់លើកលែងប្រការ១.២ ខាងលើ ឬការទិញមិនគ្រប់បរិមាណតាមកាលកំណត់ក្នុងប្រការ១ ខាងលើ ឬរំលោភលើប្រការណាមួយ ប្រាក់កក់នឹងត្រូវរឹបអូសដោយភាគី“ក” ។

**3.1.2** The deposit provided by PARTY “B” to PARTY “A” upon the letter of delivery is not the interest amounts and this deposit will refund to PARTY “B” in the case of this agreement has fully performed all obligations of agreement as of the sand purchase order has been ordered upon the quantities as stipulated out in contract and until the agreement termination date. This deposit will be confiscated by PARTY “A” for the case of ending the agreement before the termination date except the aforesaid clause 1.2. or the purchase order is not satisfied the full quantities as stipulated out in aforesaid article 1 or breaching any terms and conditions.

**3.1.2** Khoản đặt cọc mà BÊN “B” thanh toán cho BÊN “A” không được tính lãi và sẽ được hoàn trả cho BÊN “B” sau khi các nghĩa vụ trong hợp đồng này đã được thực hiện đầy đủ như; đơn hàng cát đã được đặt theo số lượng như quy định trong hợp đồng và cho đến ngày kết thúc hợp đồng. Khoản tiền đặt cọc này BÊN “A” sẽ không hoàn trả cho BÊN “B” đối với trường hợp kết thúc hợp đồng trước thời hạn mà các điều khoản trong hợp đồng không được thực hiện đầy đủ như: đơn đặt hàng không đáp ứng đủ số lượng theo quy định tại điều 1, hoặc BÊN “B” vi phạm bất kỳ điều khoản và điều kiện nào ngoại trừ khoản 1.2 nêu ở trên

### **៣.២ ការទូទាត់**

#### **3.2 Payment**

#### **3.2 Thanh toán**

**៣.២.១ ការទូទាត់ប្រាក់ថ្លៃទិញខ្សាច់ទន្លេ** ត្រូវធ្វើការទូទាត់ប្រាក់ ជូនទៅភាគី“ក” ជាដើមរាល់០១(មួយ)ដើង



ម្តងៗ ពេលដែលភាគី“ខ” បានបូម ឬចាប់ខ្សាច់ដាក់សាឡង់របស់ខ្លួនរួចរាល់ ទើបភាគី“ខ”អាចបន្តដឹក ខ្សាច់ទៅចំណុច០ ( សូន្យ ) ( ចំណុចសូន្យ ជាប់ព្រំប្រទល់ទន្លេប្រទេសកម្ពុជា និងប្រទេសវៀតណាម ) នៅ ក្នុងធនាគារ ៖

ធនាគារឈ្មោះ ៖ BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF CAMBODIA PLC ( BIDC )  
ម្ចាស់គណនីឈ្មោះ ៖ CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO.,LTD  
លេខគណនី ៖ 703700306777  
Swift Code ៖ IDBCKHPP

**3.2.1** The payment for river sand purchase is made to Party "A" 01 (one) trip at a time when Party "B" has pumped or scraper sand on its ferry and then Party "B" can continue to transport sand to point 0 (point 0) (point 0 on the Cambodia and Vietnam River border) into the bank:  
Bank Name : BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF CAMBODIA PLC (BIDC)  
Account Name : CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD  
Account number : 703700306777  
Swift Code : IDBCKHPP

**3.2.1** Việc thanh toán tiền mua cát sông được thực hiện cho Bên “A” 01 (một) chuyến vào thời điểm Bên “B” đã bơm hoặc Cắp Lên Trên trên phà của mình và Bên “B” được tiếp tục thanh toán tiền mua cát sông, vận chuyển cát đến điểm 0 (điểm 0) (điểm 0 trên tuyến biên giới Campuchia và sông Việt Nam) vào ngân hàng:  
Tên ngân hàng : BANK FOR INVESTMENT AND DEVELOPMENT OF CAMBODIA PLC (BIDC)  
Tên chủ tài khoản : CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD  
Số tài khoản : 703700306777  
Mã Swift : IDBCKHPP

**៣.២.២** ករណីមានការយឺតយ៉ាវក្នុងការទូទាត់ ភាគី“ក” មានសិទ្ធិផ្អាក និងឃាត់សាឡង់របស់ភាគី“ខ” ក្នុងការ ដឹកជញ្ជូនខ្សាច់រហូតដល់មានការទូទាត់ប្រាក់គ្រប់ចំនួនឡើងវិញ ទើបអនុញ្ញាតឱ្យមានការបូមបន្ត ។ ការយឺតយ៉ាវក្នុងការទូទាត់នេះមិនអាចលើសរយៈពេល ០៣(បី)ថ្ងៃ បានឡើយ ប្រសិនបើលើសរយៈ ពេលនេះ ត្រូវចាត់ទុកថាជាការបំពានកិច្ចព្រមព្រៀងធ្ងន់ធ្ងរ ដែលអាចឈានទៅរកការបំពានកិច្ចព្រម ព្រៀង និងត្រូវរឹបអូសប្រាក់កក់ផងដែរ ។

**3.2.2** In the case of being late for the payment, PARTY “A” is entitled to postpone and arrest barges of PARTY “B” in sand transportation until the full payment has done then it will authorize to continue to dredge. The late case in this payment will not be later than 03 (three) days; if it is overdue, it will consider to breach the agreement severely in which reached the agreement rescission and deposit confiscation.

**3.2.2** Trong trường hợp chậm thanh toán, BÊN “A” được quyền hoãn việc cung cấp cát sông và giữ lại sà lan vận chuyển cát của BÊN “B” cho đến khi BÊN “B” hoàn tất việc thanh toán. Trường hợp chậm thanh toán này sẽ không quá 03 (ba) ngày; nếu quá hạn sẽ coi như vi phạm hợp đồng nghiêm trọng dẫn đến việc hủy hợp đồng và không hoàn trả tiền đặt cọc.

**ប្រការ៤ ៖ កាតព្វកិច្ច និងការធានារបស់ភាគី“ក”**  
**Article4 ៖ Obligations and warranties of PARTY “A”**  
**Điều4 ៖ Nghĩa vụ và quyền lợi của BÊN “A”**

**៤.១** ភាគី“ក” សហការរួមគ្នាជាមួយភាគី“ខ” ដើម្បីអនុវត្តកាតព្វកិច្ចលើទីតាំងបច្ចេកទេស និងបទដ្ឋាននានា ក្នុងការបូមខ្សាច់ ដោយត្រូវអនុវត្តតាមការចង្អុលបង្ហាញ និងលក្ខណៈបច្ចេកទេសពីក្រសួង ព្រមទាំងអាជ្ញា ធរពាក់ព័ន្ធទាំងអស់ ។

**4.1** PARTY “A” has jointly cooperated with PARTY “B” to perform obligations on site, techniques and other legal regulations in dredging sand by performing to the indication and



technical criteria from ministry including all relevant authorities.

**4.1** BÊN “A” cùng hợp tác với BÊN “B” để thực hiện các nghĩa vụ về địa điểm, kỹ thuật và các quy định pháp luật khác trong việc nạo vét cát theo các chỉ dẫn và tiêu chí kỹ thuật từ Bộ khai thác mỏ và năng lượng cùng tất cả các cơ quan có liên quan.

**៤.២** ភាគី“ក” ទទួលខុសត្រូវទាំងស្រុងលើការផ្តល់ឱ្យភាគី“ខ” នូវលិខិតអនុញ្ញាតផ្សេងៗរបស់អាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចគ្រប់ជាន់ថ្នាក់របស់រដ្ឋ និងទីតាំងបូមយកខ្សាច់ ស្របច្បាប់នៅចំណុចទន្លេដែលភាគី“ក” ទទួលបានអាជ្ញាបណ្ណត្រឹមត្រូវ ដើម្បីឱ្យភាគី“ខ” ដំណើរការរុករកខ្សាច់ និងដឹកជញ្ជូននាំខ្សាច់ចេញទៅក្រៅប្រទេស ដោយត្រឹមត្រូវតាមនីតិវិធី ។

**4.2** PARTY “A” shall be fully responsible for providing all letters of authorization to PARTY “B” of all levels of competent authorities for the state and legal sand dredging site at the river in which PARTY “A” legally obtained the license in order for PARTY “B” processing sand exploration and sand transportation for exporting to abroad legally to the lawful procedures.

**4.2** BÊN “A” chịu trách nhiệm cung cấp tất cả các giấy ủy quyền hợp pháp tại địa điểm mà BÊN “A” đã có giấy phép khai thác cát của tất cả các cấp, ban ngành có thẩm quyền của nhà nước cho BÊN “B” để BÊN “B” tiến hành thăm dò và vận chuyển cát xuất khẩu ra nước ngoài một cách hợp pháp.

**៤.៣** ភាគី“ក” ត្រូវផ្តល់អ្នកតំណាងរបស់ខ្លួនក្នុងការចុះវាស់វែងខ្សាច់ក្នុងកប៉ាល់ ឬសាឡង់ និងចុះហត្ថលេខាលើលិខិតប្រគល់-ទទួលខ្សាច់ក្នុងកប៉ាល់ ឬសាឡង់ឱ្យបានទាន់ពេលវេលាជាមួយសមត្ថកិច្ចពាក់ព័ន្ធ ។

**4.3** PARTY “A” shall appoint its authorized representative to measure sand quantities in the ship or barge and sign on the sand delivery letter in each ship or barge on time with relevant competencies.

**4.3** BÊN “A” sẽ cử đại diện được ủy quyền của mình để đo lượng cát trên tàu và ký vào giấy giao cát trên từng sà lan đúng thời hạn cùng với các cơ quan có thẩm quyền liên quan.

**៤.៤** ភាគី“ក” ត្រូវសម្របសម្រួលជាមួយអាជ្ញាធរគ្រប់ជាន់ថ្នាក់ ដើម្បីធានាប្រតិបត្តិការណ៍នៃការបូមខ្សាច់ចេញទៅក្រៅប្រទេស អោយមានភាពរលូនត្រឹមត្រូវ ។

**4.4** PARTY “A” shall coordinate with all levels of authorities to secure the operation of sand dredging to abroad correctly and smoothly.

**4.4** BÊN “A” phối hợp với các cấp chính quyền để đảm bảo hoạt động nạo vét cát và vận chuyển ra nước ngoài một cách hợp pháp.

**ប្រការ៥ ៖ អំពីភាគព្វកិច្ច និងការធានារបស់ភាគី“ខ”**

**Article5 ៖ Obligations and warranties of PARTY “B”**

**Điều5 ៖ Nghĩa vụ và quyền lợi của BÊN “B”**

**៥.១** ភាគី“ខ” ត្រូវផ្តល់រាល់ឯកសារដែលពាក់ព័ន្ធរបស់ខ្លួន នៅពេលដែលភាគី“ក” ស្នើសុំ ឬអាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចស្នើសុំ ។

**5.1** PARTY “B” shall provide all its relevant documents when PARTY “A” requests or competent authorities request.

**5.1** BÊN “B” sẽ cung cấp tất cả các tài liệu liên quan của mình khi BÊN “A” yêu cầu hoặc cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

**៥.២** ភាគី“ខ” ត្រូវគោរពតាមការណែនាំ អនុវត្ត និងសហការជាមួយភាគី“ក” គ្រប់ពេលវេលាដោយយកចិត្ត



ទុកដាក់បំផុតអំពីទីតាំង បទដ្ឋានបច្ចេកទេសក្នុងការរុករក និងដឹកជញ្ជូនខ្សាច់ ការថែរក្សា បរិស្ថាន និងគោលការណ៍ផ្សេងៗទៀត តាមការណែនាំរបស់ក្រសួង មន្ទីរ អាជ្ញាធរពាក់ព័ន្ធ ។ ករណីមិនគោរពតាមការណែនាំ និងអនុវត្តលើគោលការណ៍ណែនាំរបស់ភាគី“ក”បានផ្តល់អោយនោះ ភាគី“ខ” ត្រូវទទួលខុសត្រូវទាំងស្រុង ។

**5.2** PARTY “B” shall abide by the instructions, perform and cooperate with PARTY “A” all times carefully for the site, technical standard in processing sand exploration and sand transportation, environmental protection and other principles upon the instruction of relevant ministries, institutions and authorities. In the case of breaching the instruction and performing beyond the instruction principles provided by PARTY “A”, PARTY “B” shall be fully responsible for all.

**5.2** BÊN “B” phải luôn tuân thủ các hướng dẫn và hợp tác thực hiện với BÊN “A” một cách cẩn thận về địa điểm, tiêu chuẩn kỹ thuật trong nạo vét cát, bảo vệ môi trường và các nguyên tắc khác theo chỉ thị của các Bộ ngành và cơ quan chức năng có liên quan. Trong trường hợp vi phạm các hướng dẫn và thực hiện không đúng các nguyên tắc hướng dẫn do BÊN “A” cung cấp, BÊN “B” sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về tất cả các sự cố phát sinh.

**5.៣** ភាគី“ខ” ត្រូវធ្វើការទូទាត់ថ្លៃទិញខ្សាច់ និងចំណាយផ្សេងៗជូនភាគី“ក” ឱ្យទាន់ពេលវេលា និងគ្រប់ចំនួន ដោយមានវិក្កយបត្រ ឬលិខិតប្រគល់ទទួលប្រាក់ត្រឹមត្រូវ ។

**5.3** PARTY “B” shall pay the sand purchasing price and other expenses to PARTY “A” on time and in the full amounts with official invoices or money provision-reception letter.

**5.3** BÊN “B” phải thanh toán tiền mua cát và các chi phí khác cho BÊN “A” đầy đủ và đúng hạn theo hoá đơn chính thức bằng ủy nhiệm chi.

**5.៤** ភាគី“ខ” ត្រូវផ្តល់អ្នកតំណាងរបស់ខ្លួនក្នុងការចុះវាស់វែងខ្សាច់ក្នុងកប៉ាល់ ឬសាឡុង និងចុះហត្ថលេខាលើលិខិតប្រគល់-ទទួលខ្សាច់ក្នុងកប៉ាល់ ឬសាឡុងនីមួយៗ ឱ្យបានទាន់ពេលវេលាជាមួយសមត្ថកិច្ចពាក់ព័ន្ធ ។

**5.4** PARTY “B” shall appoint its authorized representative to measure sand quantities in ship or barge and sign on the sand delivery letter in ship or each barge on time with relevant competencies.

**5.4** BÊN “B” sẽ cử đại diện được ủy quyền của mình để đo lượng cát trên tàu và ký vào giấy giao cát trên tàu hoặc từng sà lan đúng thời hạn với BÊN “A” và các cơ quan có thẩm quyền liên quan.

**5.៥** ភាគី“ខ” មិនអាចប្រគល់ការងារ ឬម៉ៅការបន្តក្នុងការរុករក និងដឹកជញ្ជូនខ្សាច់នេះទៅអោយក្រុមហ៊ុន ឬតតិយជនផ្សេងទៀតបានឡើយ ដោយគ្មានការឯកភាពយល់ព្រមជាលាយលក្ខណ៍អក្សរជាមុនពីភាគី“ក” ជាដាច់ខាត ។ ករណីភាគី“ខ” នៅតែបំពាន ឬលួចលាក់មិនអោយភាគី“ក” ដឹង នោះភាគី“ខ” ត្រូវទទួលខុសត្រូវទាំងស្រុងរាល់ការខាងបង់របស់ភាគី“ក” ហើយភាគី“ក” មានសិទ្ធិរំលាយកិច្ចព្រមព្រៀងនេះចោល និងរឹបអូសប្រាក់កក់បូមរួមទាំងសំណងការខូចខាតផងដែរ ។ ទោះជាយ៉ាងណាក៏ដោយករណីនេះ ភាគី“ខ” មានសិទ្ធិក្នុងការស្វែងរក និងសហការជាមួយដៃគូរបស់ខ្លួនដែលមានគុណវុឌ្ឍិ និងជំនាញបច្ចេកទេសច្បាប់លាស់លើការរុករក និងដឹកជញ្ជូនខ្សាច់នាំចេញដើម្បីអោយដំណើរការនេះមានភាពរលូន ដោយភាគី“ខ” គ្រាន់តែជូនដំណឹង ជាលាយលក្ខណ៍អក្សរអំពីដំណើរការឬសកម្មភាពនេះអោយមកភាគី“ក” បានដឹងតែប៉ុណ្ណោះ ដោយភាគី“ខ” ត្រូវទទួលខុសត្រូវចំពោះមុខភាគី“ក” រាល់សកម្មភាពរបស់ខ្លួនជាមួយដៃគូ ។



**5.5** PARTY “B” is unable to assign the work or subcontract this processing sand exploration and sand transportation to other companies or third parties without such prior written consent from PARTY “A”. In the case of PARTY “B” remains breaching or does not want PARTY “A” to know, PARTY “B” shall be fully responsible for all damages of PARTY “A” and PARTY “A” has the right to rescind this agreement and confiscate all deposits including the damage reimbursement too. In this case; however, PARTY “B” has the right to find and cooperate with its qualified partners and clear technical experts on processing sand exploration and sand transportation export in order for this operation goes smoothly and PARTY “B” has just made written notice about the operation and this activity to PARTY “A” only as of PARTY “B” responsible before the presence of PARTY “A” for all its activities with partners.

**5.5** BÊN “B” không được giao công việc nạo vét cát cho công ty khác hoặc nhà thầu phụ hoặc bên thứ ba mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của BÊN “A” Trong trường hợp BÊN “B” cố tình vi phạm và không thông báo cho BÊN “A” biết, BÊN “B” sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm về mọi thiệt hại phát sinh của BÊN “A” và BÊN “A” có quyền hủy bỏ hợp đồng này, không hoàn trả tiền đặt cọc đồng thời yêu cầu khoản bồi thường thiệt hại. Trong trường hợp này; tuy nhiên, BÊN “B” có quyền tìm kiếm và hợp tác với các đối tác có năng lực với các chuyên gia giỏi về kỹ thuật nạo vét, vận chuyển và xuất khẩu để hoạt động này thực hiện thuận lợi và BÊN “B” sẽ thông báo bằng văn bản chính thức cho BÊN “A” và BÊN “B” chịu hoàn toàn trách nhiệm với BÊN “A” về tất cả các hoạt động của các đối tác.

**៥.៦** ក្នុងអំឡុងពេលកំពុងដំណើរការរុករកបូមខ្សាច់ និងដឹកជញ្ជូនខ្សាច់ទន្លេដោយប្រើប្រាស់គ្រឿងចក្រ ឧបករណ៍ និងសម្ភារៈ ធ្វើឱ្យប៉ះពាល់ដល់ប្រជាពលរដ្ឋ ភាគី“ខ” និងភាគី“ក” ចូលរួមសហការ ដោះស្រាយដើម្បីអោយដំណើរការមានភាពល្អនូវ ។

**5.6** During sand exploration process and river sand transportation by using machineries, equipment and materials to affect the local villagers, PARTY “B” and PARTY “A” shall be jointly cooperated to find resolution to be smoothly processed.

**5.6** Trong quá trình thăm dò cát và vận chuyển cát sông bằng máy móc, thiết bị, vật tư gây ảnh hưởng đến người dân địa phương, BÊN “B” và BÊN “A” sẽ cùng phối hợp tìm giải pháp xử lý thuận lợi.

**ប្រការ៦ ៖ ការបញ្ចប់កិច្ចសន្យាមុនកាលកំណត់របស់ភាគី“ក”**  
**Article6 ៖ Contract ending before termination date of PARTY “A”**  
**Điều6 ៖ BÊN “A” kết thúc hợp đồng trước thời hạn**

ភាគី“ក” មានសិទ្ធិបញ្ចប់កិច្ចសន្យាមុនកាលកំណត់បានក្នុងករណីដូចខាងក្រោម ៖

PARTY “A” has the right to end the contract before the termination date in following cases:

BÊN “A” có quyền kết thúc hợp đồng trước ngày chấm dứt trong các trường hợp sau:

**៦.១ ភាគី“ខ”** ខកខានមិនបានសំរេចទៅតាមបរិមាណកំណត់អប្បបរមាដូចមានចែងក្នុងចំណុច២.២ នៃប្រការ២ និងរំលោភក្នុងប្រការ៤ ឬប្រការ១១ ក្នុងកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ។

**6.1** PARTY “B” fails to achieve upon the due minimum quantities as stipulated out in clause 2.2. of article 2 and breaches article 5 or article 11 of this agreement.

**6.1** BÊN “B” không đạt được khối lượng tối thiểu đến hạn như quy định tại khoản 2.2. của Điều 2 và vi phạm Điều 5 hoặc Điều 11 của hợp đồng này.

**៦.២ ភាគី“ខ”** មានការយឺតយ៉ាវក្នុងការទូទាត់ជូនភាគី“ក” ជាច្រើនដង ច្រើនសារ ដូចមានចែងក្នុងចំណុច ៣.២.២ នៃប្រការ៣ ខាងលើ ។



**6.2** PARTY “B” is late to pay to PARTY “A” for many times as stipulated out in sub- clause 3.2.2. of aforesaid article 3

**6.2** BÊN “B” chậm thanh toán cho BÊN “A” nhiều lần theo quy định tại khoản 3.2.2. của điều 3 nói trên.

**៦.៣** ភាគី“ខ” អនុវត្តមិនបានត្រឹមត្រូវតាមបទដ្ឋានបច្ចេកទេស និងច្បាប់កំណត់នានានៃបច្ចេកទេសក្នុងការរុករក និងដឹកជញ្ជូនខ្សាច់ ដែលនាំឱ្យអាជ្ញាធរមានសមត្ថកិច្ចធ្វើការព្រមាន ឬព្យួរអាជ្ញាប័ណ្ណ ឬលុបចោលអាជ្ញាប័ណ្ណ ដែលនាំឱ្យភាគី“ក” ខាតបង់ ។ ករណីនេះភាគី“ក” មានសិទ្ធិរំលាយកិច្ចសន្យា និងបែងចែកប្រាក់ដូចចែងក្នុង ចំណុច៣.១ នៃប្រការ៣ ។

**6.3** PARTY “B” performs against the technical standard and applicable rules of processing sand exploration and sand transportation techniques causing competent authorities made a warning or pending the license or cancelling the license to cause PARTY “A” getting damages. In this case, PARTY “A” has the right to rescind the contract and confiscate all deposits as stipulated out in clause 3.1. of article 3.

**6.3** BÊN “B” thực hiện sai tiêu chuẩn kỹ thuật và các quy tắc hiện hành về kỹ thuật nạo vét cát khiến cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc cảnh cáo hoặc tạm ngưng hoặc hủy bỏ giấy phép khai thác cát khiến BÊN “A” bị thiệt hại. Trong trường hợp này, BÊN “A” có quyền hủy bỏ hợp đồng và không hoàn trả tiền đặt cọc theo quy định tại khoản 3.1. của điều 3.

**៦.៤** ករណីភាគីណាមួយបានប្រព្រឹត្តកំហុសក្នុងប្រការណាមួយនៃកិច្ចព្រមព្រៀង នោះគូភាគីគ្រាន់តែជូនដំណឹងអំពីការរំលាយកិច្ចព្រមព្រៀងជាស្រេច ។ ហើយគូភាគីពីរក៏អាចធ្វើការឯកភាពគ្នាជាលាយលក្ខណ៍អក្សរក្នុងការរំលាយកិច្ចព្រមព្រៀងនេះបានដែរ ។

**6.4** In the case of any party defaults any articles of agreement, the parties have just notified the agreement rescission and the parties can also make written approval in this contract rescission.

**6.4** Trong trường hợp một trong hai bên vi phạm bất kỳ điều khoản nào của hợp đồng, bên còn lại sẽ thông báo về việc hủy bỏ hợp đồng và việc hủy bỏ hợp đồng phải được sự chấp thuận của cả hai bên bằng văn bản.

**៦.៥** ត្រូវយកមកអនុវត្តផងដែរ ចំពោះចំណុច១.២ នៃប្រការ១ ខាងលើ ។

**6.5** It should be also taken into performance for clause 1.2 of aforesaid article 1.

**6.5** Nó cũng cần được thực hiện đối với khoản 1.2 của Điều 1 nói trên.

## **ប្រការ៧ ៖ អំពីការកែប្រែ និងបន្តកិច្ចសន្យា**

**Article7 ៖ Amendment and contract renewal**

**Điều7 ៖ Sửa đổi và gia hạn hợp đồng**

**៧.១** ភាគីណាមួយនៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះអាចធ្វើការកែប្រែទៅបាន លុះត្រាតែមានការឯកភាពជាលាយលក្ខណ៍អក្សរពីគូភាគីជាមុន ។

**7.1** An part of this agreement cannot be amended unless there is such prior written consent from the parties.

**7.1** Bất kỳ bên nào của hợp đồng này đều Không thể sửa đổi trừ khi có sự đồng ý trước bằng văn bản của cả hai bên.



**៧.២** កិច្ចព្រមព្រៀងនេះអាចធ្វើការកែប្រែមួយផ្នែក ឬលុបចោលផ្នែកណាមួយបាន តែក្នុងករណីដែលចែងក្នុង ប្រការ៥ ឬដោយច្បាប់រដ្ឋកំណត់ឱ្យផ្អាកឬបញ្ឈប់ការបូម ឬនាំចេញខ្សាច់ទូទាំងប្រទេស ឬតំបន់ដែលភាគី“ក” ទទួលបានសិទ្ធិ ឬមានគ្រោះធម្មជាតិ ដែលបង្កការអាក់ខានដល់ដំណើរការបូម និងនាំចេញខ្សាច់ ។

**7.2** This agreement can be partly amended or omitted any parts but in the case as stipulated out in article 5 or upon the applicable laws of state imposed to postpone or terminate sand dredging or sand export throughout the country or in the area in which PARTY “A” obtained the right or arising out of any natural disasters to disturb the sand dredging and exporting processes.

**7.2** Hợp đồng này có thể được sửa đổi một phần hoặc bỏ qua bất kỳ phần nào, nhưng trong trường hợp được quy định tại Điều 5 hoặc theo luật hiện hành của nhà nước áp dụng để hoãn hoặc chấm dứt hoạt động nạo vét cát hoặc xuất khẩu cát trong cả nước hoặc trong khu vực mà BÊN “A” được quyền hoặc phát sinh do bất kỳ thiên tai nào làm ảnh hưởng đến quá trình nạo vét và xuất khẩu cát.

**៧.៣** នៅពេលកិច្ចព្រមព្រៀងនេះដល់កាលកំណត់បញ្ចប់ដូចមានចែងក្នុងចំណុច១.១ នៃប្រការ១ ខាងលើភាគី“ក”ត្រូវផ្តល់អទិភាពដល់ភាគី“ខ” ក្នុងការបន្តកិច្ចព្រមព្រៀងនេះទៀតដោយផ្អែកលើការពិភាក្សាគ្នាជាថ្មី ។ ភាគី“ខ” ត្រូវជូនដំណឹងទៅភាគី“ក” អំពីការបន្តកិច្ចព្រមព្រៀង ឬមិនបន្តកិច្ចព្រមព្រៀងឱ្យបានយ៉ាងតិច ០៣(បី)ខែ ឬទទួលខ្សាច់បានសម្រេចលទ្ធផលចំនួន ៧០%(ចិតសិបភាគរយ) នៃបរិមាណសរុបមុនបញ្ចប់កិច្ចសន្យា បើពុំដូច្នោះទេកិច្ចព្រមព្រៀងនេះនឹងត្រូវបញ្ចប់តាមកាលបរិច្ឆេទកំណត់ខាងលើដោយស្វ័យប្រវត្តិ ។

**7.3** When this agreement reaches the termination date as stipulated out in clause 1.1. of aforesaid article 1, PARTY “A” shall give the priority right to PARTY “B” for renewing this agreement based on the new mutual discussion. PARTY “B” shall notify to PARTY “A” about the agreement renewal or do not renew the agreement at least 03 (three) months or receive sand with achievement results of 70% (seventy percentages only) of total quantities before terminating the contract; meanwhile, this agreement will be automatically terminated upon aforesaid due date.

**7.3** Khi hợp đồng này đến ngày chấm dứt theo quy định tại khoản 1.1. của điều 1 nói trên, BÊN “A” sẽ ưu tiên cho BÊN “B” để gia hạn hợp đồng dựa trên các điều khoản thỏa thuận mới căn cứ theo nhu cầu của đôi bên. BÊN “B” sẽ thông báo cho BÊN “A” về việc gia hạn hợp đồng hoặc không gia hạn hợp đồng ít nhất 03 (ba) tháng hoặc khi khối lượng cát nhận được 70% (bảy mươi phần trăm) so với tổng số lượng đã nhận được, nếu không hợp đồng này sẽ tự động chấm dứt vào ngày đến hạn nói trên.

**ប្រការ៨ ៖ អំពើប្រធានសក្តិ**  
**Article8 : Force majeure**  
**Điều8 : Bất khả kháng**

ក្នុងព្រឹត្តិការណ៍ដែលគូភាគី មិនអាចបំពេញកាតព្វកិច្ចរបស់ខ្លួនជាផ្នែក ឬទាំងស្រុងបានដោយសារករណីប្រធានសក្តិ នោះភាគីដែលយល់ថាមានករណីប្រធានសក្តិត្រូវធ្វើការជូនដំណឹងទៅភាគីម្ខាងទៀតដោយសរសេរជាលាយលក្ខណ៍អក្សរក្នុងរយៈពេល១៥ (ដប់ប្រាំ) ថ្ងៃយ៉ាងយូរ បន្ទាប់ពីព្រឹត្តិការណ៍នេះបានកើតឡើងដោយបញ្ជាក់ពីមូលហេតុអោយបានច្បាស់លាស់ ។



ប្រធានសក្តិមានជាអាទិ៍ គ្រោះធម្មជាតិ ទឹកជំនន់ ខ្យល់ព្យុះ សង្គ្រាម បាតុកម្ម ជម្លោះតួរតួ គ្រោះថ្នាក់ ចរាចរណ៍ ភ្លៀងថ្នាក់ជោគជាំ។ល។ និងរាល់ហេតុការណ៍ផ្សេងៗ ដែលកាលៈទេសៈទាំងនោះកើតចេញ ក្រៅពីឆន្ទៈរបស់គូភាគីមិនអាចដឹកជាមុនបាន និងមិនអាចទប់ស្កាត់បាន ។ ករណីប្រធានសក្តិនឹងនាំឱ្យ គូភាគីពីរព្យួរដោយស្វ័យប្រវត្តិ នូវកាតព្វកិច្ចរបស់ខ្លួន រហូតដល់ស្ថានភាពវិលមករកភាពប្រក្រតីវិញ ។

In all events of the parties are unable to perform its obligations as part or whole due to the events of force majeure, the suffered party from the force majeure shall make such written notice to other party during at least 15 (fifteen) days after this event occurs by confirming the clear reason.

The events of force majeure are natural disasters, flood, storm, war, riot, pandemic, traffic accident, heavy rain, etc. and other events as those circumstances rise out of the intention of the parties are unforeseen and uncontrolled. The events of force majeure will cause the parties pending its obligations automatically until such circumstance turns to normal.

Trong mọi trường hợp cả hai bên không thể thực hiện một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng, bên bị thiệt hại do sự kiện bất khả kháng phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trong thời hạn ít nhất 15 (mười lăm) ngày sau sự kiện này xảy ra bằng cách xác nhận lý do rõ ràng.

Các trường hợp bất khả kháng là thiên tai, bão lụt, chiến tranh, bạo loạn, đại dịch, tai nạn giao thông, mưa lớn ... và các trường hợp khác do các bên không lường trước được và không kiểm soát được. Trong các trường hợp bất khả kháng thì cả hai bên có trách nhiệm chờ đợi để hoàn thành nghĩa vụ của mình theo những thỏa thuận trong hợp đồng sau khi tình huống đó trở lại bình thường.

**ប្រការ៩ ៖ ទាយាត អ្នកស្មោះមរតក និងអ្នកទទួលសិទ្ធិដោយស្របច្បាប់**

**Article9 ៖ Heirs, successors and legal assigns**  
**Điều9 ៖ Người thừa kế và người đại diện hợp pháp**

ករណីភាគី“ក” និងភាគី“ខ” មិនអាចអនុវត្តសិទ្ធិ និងកាតព្វកិច្ចរបស់ខ្លួនបានដោយមូលហេតុ បណ្តាលមកពី មរណៈភាព ពិការភាព ឬអវត្តមាននៅក្នុងប្រទេស នោះរាល់សិទ្ធិ និងកាតព្វកិច្ច ទាំង អស់របស់ភាគីនោះត្រូវប្រគល់ជូនសន្តតិជន ទាយាទ ឬអ្នកស្នងមរតក ឬតំណាងស្របច្បាប់ ឬសមាជិក ហ៊ុនណាមួយរបស់ខ្លួនដោយស្វ័យប្រវត្តិ ។

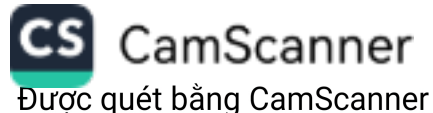
In case of PARTY “A” and PARTY “B” are unable to perform its rights and obligations due to the reason of death, disability or absence out of the local country, all rights and obligations of such party shall assign to its heirs, successors or descendants or legal representatives or members of shareholders automatically.

Trong trường hợp BÊN “A” và BÊN “B” không thể thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình vì lý do chết, bệnh tật hoặc vắng mặt ở nước sở tại thì mọi quyền và nghĩa vụ của bên đó sẽ tự động chuyển giao cho người thừa kế hợp pháp hoặc đại diện hợp pháp hoặc thành viên của các hội đồng quản trị.

**ប្រការ១០ ៖ ច្បាប់គ្រប់គ្រង និងការដោះស្រាយ**

**Article10 ៖ Governing law and resolution**  
**Điều10 ៖ Giải quyết tranh chấp**

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវប្រគល់ដោយច្បាប់នៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ហើយរាល់វិវាទដែលកើតមាន ទាក់ទង នឹងកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវធ្វើការពិភាក្សារកដំណោះស្រាយ ជាដំបូងដោយសន្តិវិធី មិត្តភាព និងការយោគយល់គ្នាខ្ពស់បំផុត និងនៅពេលមានការខ្វែងគំនិតគ្នាលើបញ្ហាបច្ចេកទេស គុណភាព និង





ប្រភេទខ្សាច់ គូភាគីនឹងធ្វើការចរចាវាងភាគី ឬមានការសម្របសម្រួលដោយមានការចូលរួមពីមេធាវី ក្នុងរយៈពេល៣០ (សាមសិប) ថ្ងៃ ដើម្បីរកដំណោះស្រាយដោយស្មោះត្រង់ និងឈរលើផលប្រយោជន៍ ទាំងសងខាង។ ក្នុងករណីដែលមិនអាចដោះស្រាយវិវាទដោយការចរចាក្នុងរយៈពេល៣០ (សាមសិប) ថ្ងៃ វិវាទនេះត្រូវដោះស្រាយដោយច្បាប់ជាធរមានរបស់កម្ពុជា និងតុលាការនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ។

This agreement is governed by the applicable laws of the Kingdom of Cambodia and all disputes rise out of this agreement shall discuss to find initial resolution in amicable, friendly and high understanding ways and when there is such discrepancy on technical, quality and types of sands, the parties will negotiate between the parties or coordinate with participating from attorney at law during 30 (thirty) days to find the resolution based on honest and mutual interests of the parties. In the case of unable to resolve the dispute by negotiation during 30 (thirty) days, this dispute shall resolve by the applicable laws of Cambodia and competent court of the Kingdom of Cambodia.

Hợp đồng này được soạn thảo và điều chỉnh theo luật hiện hành của Vương quốc Campuchia. Tất cả các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này sẽ được hai bên thảo luận để tìm ra giải pháp theo hướng hòa giải, thân thiện với sự hiểu biết. Khi có sự khác biệt về kỹ thuật khai thác, chất lượng loại cát, hai bên sẽ cùng thương lượng lại hoặc phối hợp với luật sư để tìm ra giải pháp, dựa trên lợi ích chung và trung thực của các bên trong thời gian 30 (ba mươi) ngày. Trong trường hợp không thể giải quyết tranh chấp bằng thương lượng trong vòng 30 (ba mươi) ngày, tranh chấp này sẽ được giải quyết theo luật hiện hành của Campuchia và tòa án có thẩm quyền của Vương quốc Campuchia.

**ប្រការ១១ ៖ ការរក្សាការសម្ងាត់**  
**Article11 ៖ Confidentiality**  
**Điều11 ៖ Bảo mật**

គូភាគីបានព្រមព្រៀងគ្នាថានឹងរក្សាការសម្ងាត់ឱ្យមានប្រសិទ្ធភាពខ្ពស់ដោយប្តេជ្ញាមិនបញ្ចេញផ្នែកណាមួយ ឬខ្លឹមសារនៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ឯកសារ ឬព័ត៌មានដទៃទៀតទៅឱ្យភាគីទីបី (តតិយជន) ដោយមិនមានការអនុញ្ញាតពីភាគីម្ខាងទៀតឡើយ ។ ការបញ្ចេញព័ត៌មានសម្ងាត់ទៅឱ្យបុគ្គលិករបស់គូភាគីត្រូវធ្វើឡើងក្នុងគោលបំណងចាំបាច់ សម្រាប់ក្នុងកិច្ចព្រមព្រៀងនេះតែប៉ុណ្ណោះ ។ មុនពេលទទួលបានព័ត៌មានសម្ងាត់នេះ បុគ្គលទាំងនោះត្រូវហាមដាច់ខាតមិនឱ្យបញ្ចេញបន្ត ទៅភាគីផ្សេងទៀតឡើយ ។ លើកលែងករណីដែល ភាគី“ខ” យកកិច្ចព្រមព្រៀងទាំងនេះដាច់ធនាគារ គយ និងអាជ្ញាធរព្រំដែនខាងវៀតណាម ដើម្បីឱ្យដំណើរការនៃអាជីវកម្មរបស់ខ្លួនមានភាពរលូនត្រឹមត្រូវ តែការផ្តល់ឱ្យទាំងនេះត្រូវមានលិខិត-ប្រគល់ច្បាស់លាស់ ដើម្បីបង្ហាញជូនមកភាគី“ក” អោយបានដឹងៗ ។

The parties agree to secure the confidentiality with high effectiveness by committing not to disclose any part or detail contents of this agreement, documents or other information to third parties without the prior consent from other party. The disclosure of confidential information to staffs of the parties shall be done in the necessary purpose for this agreement only. Before obtaining this confidential information, those staffs will be strictly prohibited to disclose to other persons. Except the case of PARTY “B” submits these agreements to the bank, customs and authorities at Vietnamese border line in order for processing its business operation undergoing smoothly, but those provisions shall have clear letter of provision for presenting to PARTY “A” to know.

Các bên đồng ý đảm bảo bí mật bằng cách cam kết không tiết lộ bất kỳ phần nào hoặc nội dung chi tiết nào của hợp đồng này, các hồ sơ tài liệu hoặc thông tin nào khác cho bên thứ ba mà không có sự đồng ý trước của bên kia. Việc tiết lộ thông tin bảo mật cho nhân viên của cả hai bên chỉ được thực hiện với mục đích cần thiết cho hợp đồng này. Trước khi có được thông tin bí mật này, các nhân viên đó sẽ tuyệt đối bị nghiêm cấm tiết lộ cho bên thứ ba. Ngoại trừ trường



hợp BÊN “B” nộp hợp đồng này cho ngân hàng, hải quan và các cơ quan chức năng ở biên giới Việt Nam để xử lý hoạt động kinh doanh của mình được suôn sẻ, nhưng việc cung cấp đó phải có thư cung cấp rõ ràng đề BÊN “A” biết.

**ប្រការ១២ ៖ ការជូនដំណឹង**

**Article12 : Notice**

**Điều12 : Lưu ý**

ការជូនដំណឹងណាមួយរួមទាំងវិក្កយបត្រសំណើ ឬឯកសារផ្សេងៗ និងការទំនាក់ទំនងផ្សេងទៀត រវាងគូភាគីដែលស្ថិតក្រោមលក្ខខណ្ឌនៃកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ ត្រូវតែធ្វើឡើងជាលាយលក្ខណ៍អក្សរជាភាសាខ្មែរ ឬភាសាអង់គ្លេស ឬវៀតណាម តាមរយៈការប្រគល់ជូនដោយផ្ទាល់ដៃ តាមប៊ុស្តិ៍ប្រៃណីយ៍ តាមរយៈសេរ៉ាកក្នុង ដឹកជញ្ជូនឆាប់រហ័ស ឬតាមសារអេឡិចត្រូនិចទៅភាគីម្ខាងទៀតតាមអាសយដ្ឋាន និងព័ត៌មានដូចខាងលើ ។

Any notice including invoices, requests or other documents and other communications between the parties under the terms and conditions of this agreement shall have to make in written document in Khmer language or English language or Vietnamese language by providing directly in hand, registered post or express courier or electronic mail to other party to the aforesaid written addresses and information.

Mọi thông báo bao gồm: hóa đơn, yêu cầu hoặc các tài liệu khác và các thông tin liên lạc khác giữa các bên theo điều khoản và điều kiện của hợp đồng này sẽ phải được thực hiện bằng văn bản bằng tiếng Khmer hoặc tiếng Anh hoặc tiếng Việt. Các văn bản phải được gửi qua thư điện tử hoặc bưu điện hoặc chuyển phát nhanh hoặc trực tiếp cho bên kia, phải đảm bảo cho văn bản của các bên đến các địa chỉ nêu trên.

**ប្រការ១៣ ៖ ឯកសារតម្កល់**

**Article13 : Document retention**

**Điều13 : Lưu giữ**

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះធ្វើឡើងមានចំនួន ០៣ (បី) ច្បាប់ ជាភាសាខ្មែរ អង់គ្លេស និងវៀតណាម ០១ (មួយ) ច្បាប់សម្រាប់ភាគី“ក” ០២ (ពីរ) ច្បាប់ សម្រាប់ភាគី“ខ” ។

This contract is made in 03(three) contract document in Khmer English and Vietnamese language 02 (Two) copies for PARTY “A” 01 (one) copy, PARTY “B” 01 (one) copy.

Hợp đồng này được lập thành 03 (ba) văn bản thỏa thuận bằng tiếng Khmer tiếng Anh và tiếng Việt 02 (Hai) bản cho BÊN “A” 01 (một) bản, BÊN “B” 01 (một) bản.

**ប្រការ១៤ ៖ អនុភាពអនុវត្ត**

**Article14 : Effectiveness**

**Điều14 : Hiệu lực**

កិច្ចព្រមព្រៀងនេះមានអនុភាពចាប់ពីពេលភាគីទាំងពីរបានចុះហត្ថលេខាលើកិច្ចព្រមព្រៀងនេះ គូភាគីពិតជាបានអាន បានពិនិត្យ និងបានយល់ព្រម គ្រប់ប្រការទាំងអស់ ។

THIS AGREEMENT is taken into effect when both parties affixed right Signature on this contract. The parties have fully and clearly read, checked and agreed with all terms and conditions.



HỢP ĐỒNG NÀY có hiệu lực khi cả hai bên đóng dấu ấn Chữ ký lên hợp đồng này. Các bên đã đọc đầy đủ và rõ ràng, kiểm tra và đồng ý với tất cả các điều khoản và điều kiện.

**ហត្ថលេខាតំណាងរបស់ភាគីទាំងពីរ**

**Signatures by party representatives**

**Chữ ký đại diện của Hai Bên**

**ភាគី "ក"**

**PARTY "A"**

**Bên A**



**គ្រួស សុផា**

**ភាគី "ខ"**

**PARTY "B"**

**Bên B**



**GIÁM ĐỐC**

**Trương Ngọc Anh Tuấn**



## SALE PURCHASE

No.: CTMHP01/2024

Date: July 18, 2024

Valid for 01 (one) year starting from July 18, 2024 to July 18, 2025.

Between: **CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.**

Address: Concrete street, Derm Mak Khloeuvillage, Chbar Ampov 1 quarter, Chbar Ampov district, Phnom Penh capital, Kingdom of Cambodia

VAT: L001-902002817/ TEL: 012 426 777

Represented by Mr. **KRUOCH SIPHA**, Manager Director.

Hereinafter referred to as Party A.

And: **CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN THUONG MAI VA DICH VU TUAN HAI PHAT**

Address: Group 1, Tan Hanh Quarter, Phu My Ward, Phu My Town, Tinh Ra Ria - Vung Tau, Vietnam

Represented by Mr. **TRUONG NGOC ANH TUAN**, Director.

TEL: +84915830930

Hereinafter referred to as Party B.

The above parties hereby agreed that Seller shall sell and buy the following commodity with the follow terms and conditions:

- 1/ COMMODITY: River sand
- 2/ QUANTITY: 1,000,000 M3 (5% more or less)
- 3/ PACKING: in barge
- 4/ SHIPMENT: PARTIAL SHIPMENT IS ALLOWED.

Loading port: any port in Cambodia

Discharging port: any port in Viet Nam.

5/ PRICE: USD 6.00/MT-CFR THUONG PHUOC PORT, DONG THAP PROVINCE, VIET NAM.

6/ PAYMENT: T/T

7/ THE DOCUMENTS FOR NEGOTIATION:

- Commercial Invoice/ Packing list
- Export Certificate
- Certificate of Original
- Custom Declaration
- Manifest, bill of lading.

7/ APPLICABLE: This Sale purchase shall be governed by and construed according to the laws of Viet Nam.

8/ FORCE MAJEURE: The Force Majeure (Exemption) Clause of the International Chamber of Commerce (ICC Publication No.412) is hereby incorporated in this contract.

9/ OTHERS: The trade terms used herein shall be inpreted in accordance 1980 including its amendments.

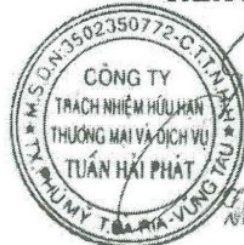
This sale purchase is done in Phnom Penh Capital, July 18, 2024 in 04 (fours) english ogrinals, 02 (two) for each party.

PARTY A



KROUCH SIPHA

PARTY B



GIÁM ĐỐC

Truong Ngoc Anh Tuan



CamScanner

Được quét bằng CamScanner



## HỢP ĐỒNG MUA BÁN

Số: CTMHP01/2024

Ngày 18/07/2024

Có giá trị trong 01 (một) năm bắt đầu từ ngày 18/07/2024 đến 18/07/2025.

Giữa: **CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.**

Địa chỉ: Concrete street, Derm Mak Khloeu village, Chbar Ampov 1 quarter, Chbar Ampov district, Phnom Penh capital, Kingdom of Cambodia

Mã số thuế GTGT: L001-902002817/SĐT: 012 426 777

Người đại diện: Ông **KRUOCH SIPHA**, Giám đốc Điều hành

Sau đây gọi tắt là Bên A.

**VÀ CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT**

Địa chỉ: Tổ 1, Khu Phố Tân Hạnh, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Người đại diện: Ông **TRƯƠNG NGỌC ANH TUẤN**, Giám đốc

SĐT: +84915830930

Sau đây gọi tắt là Bên B.

Hai bên nói trên đồng ý rằng Bên bán sẽ bán và Bên mua sẽ mua mặt hàng sau đây theo các điều khoản và điều kiện như sau:

1/ MẶT HÀNG: Cát sông

2/ SỐ LƯỢNG: 1,000,000 M3 ( $\pm 5\%$ )

3/ ĐÓNG GÓI: Bằng sà lan

4/ GIAO HÀNG: CHO PHÉP GIAO HÀNG TỪNG ĐỢT

Cảng lên hàng: bất kỳ cảng nào tại Campuchia

Cảng xuống hàng: bất kỳ cảng nào tại Việt Nam

5/ GIÁ CẢ: USD 6.00/TẤN-CFR CẢNG THƯỜNG PHƯỚC, TỈNH ĐỒNG THÁP, VIỆT NAM

6/ THANH TOÁN: BẰNG ĐIỆN CHUYỂN TIỀN

- CHỨNG TỪ ĐỀ THƯƠNG THẢO HỢP ĐỒNG:

- Hóa đơn thương mại/phiếu đóng gói hàng hóa

- Giấy chứng nhận xuất khẩu

- Giấy chứng nhận bản gốc

- Tờ khai hải quan

- Bản kê khai hải quan, vận đơn.

7/ ĐIỀU KHOẢN ÁP DỤNG: Hợp đồng mua bán này sẽ được điều chỉnh và diễn giải theo luật pháp Việt Nam.

8/ ĐIỀU KHOẢN BẤT KHẢ KHÁNG: Điều khoản bất khả kháng (Miễn trừ trách nhiệm) của Phòng thương mại quốc tế (Công bố ICC 412) nay được xác lập trong hợp đồng này.

9/ KHÁC: Các thuật ngữ thương mại sử dụng trong hợp đồng này sẽ được diễn giải theo sửa đổi năm 1980.

Hợp đồng mua bán này được lập tại Thủ đô Phnom Penh vào ngày 18/07/2024 thành 04 (bốn) bản gốc bằng tiếng Anh, mỗi bên giữ 02 (hai) bản.

**BÊN A**

(đã ký và đóng dấu)

**KRUOCH SIPHA****BÊN B****GIÁM ĐỐC**

(đã ký và đóng dấu)

**Trương Ngọc Anh Tuấn**

CamScanner

Được quét bằng CamScanner



Tôi, TRẦN THỊ BÍCH HẠNH, CCCD số: 066189012755, cấp ngày: 12/08/2021, tại Cục Trưởng Cục Cảnh Sát Quản Lý Hành Chính về Trật Tự Xã Hội, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ngày 19 tháng 07 năm 2024  
Người dịch

TRẦN THỊ BÍCH HẠNH

Ngày 19 tháng 07 năm 2024  
(Ngày mười chín tháng bảy năm hai ngàn không trăm hai mươi bốn)  
Tại Ủy Ban Nhân Dân quận 10- TP Hồ Chí Minh  
Tôi, *Nguyễn Thị Ánh Loan*  
Là Phó Trưởng Phòng Tư Pháp Quận 10

**CHỨNG THỰC**

Bà TRẦN THỊ BÍCH HẠNH  
Là người đã ký vào bản dịch này.

00092456

Số chứng thực: .....quyển số: 07-SCT/CKND  
Ngày 19 tháng 07 năm 2024



*Nguyễn Thị Ánh Loan*





## APPENDIX 02

### PHỤ LỤC 02

(For Contract No: EXP-143/2024 date 18/07/2024)

(Áp dụng cho Hợp đồng số: EXP-143/2024 ngày 18/07/2024)

Date: 12 July, 2025

Ngày: 12 tháng 07 năm 2025

**THE SELLER (PARTY A): CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.**

**Address:** Concrete Street, Derm Mak Khloeu village, Chbar Ampov 1 quarter, Chbar Ampv district, Phnom Penh capital, Kingdom of Cambodia.

VAT: L001-902002817/ TEL: 012 426 777.

Represented by Mr. **KROUCH SIPHA**, Manager Director.

Hereinafter referred to as Party A.



**NGƯỜI BÁN (BÊN A): CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.**

**Địa chỉ:** Đường Concrete, làng Derm Mak Khloeu, khu phố Chbar Ampov 1, quận Chbar Ampov, thủ đô Phnom Penh, Vương quốc Campuchia.

VAT: L001-902002817/ TEL: 012 426 777.

Người đại diện là ông **KROUCH SIPHA**, Tổng giám đốc.

Sau đây gọi là Bên A.

**THE BUYER (PARTY B): CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN THUONG MAI VA DICH VU TUAN HAI PHAT**

**Address:** Group 10, Le Van Loc Street, Tan Phu Quarter, Phu My Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam

Business code: 3502350772

Represented by Mr. **TRUONG NGOC ANH TUAN**, Director.

Hereinafter referred to as Party B.



**BÊN MUA (BÊN B): CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẦN HẢI PHÁT**

**Địa chỉ:** Tổ 10, Đường Lê Văn Lộc, Khu Phố Tân Phú, Phường Phú Mỹ, Thành Phố Hồ Chí Minh. Việt Nam

Mã số thuế: 3502350772

Người đại diện là Ông **TRUONG NGOC ANH TUAN**, Giám đốc.

Sau đây gọi là Bên B.

**Two above parties have agreed to sign on this Appendix on following conditions and terms:**

**Hai bên trên đã đồng ý ký vào Phụ lục này với các điều kiện và điều khoản sau:**

#### **Article 1: Contract extension**

Two parties agree to extend the term of Contract No. EXP-143/2024 for an additional period of 01 (one) year, from 12 July, 2025 to 12 July, 2026.

#### **Điều 1: Gia hạn hợp đồng**

Hai bên đồng ý gia hạn thời hạn của Hợp đồng số EXP-143/2024 thêm 01 (một) năm, từ ngày 12 tháng 07 năm 2025 đến ngày 12 tháng 07 năm 2026.

This Appendix is an integral part of the Contract and shall be read and interpreted in conjunction with the Contract.

Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng và sẽ được đọc và diễn giải cùng với Hợp đồng.



This Appendix is made in Phnom Penh, the Capital, on 12 July, 2025, in 04 (four) original English copies, 02 (two) for each party.  
Phụ lục này được thực hiện tại Thủ đô Phnom Penh, ngày 12 tháng 07 năm 2025 bằng 04 (bốn) bản gốc tiếng Anh, 02 (hai) bản cho mỗi bên.

FOR THE SELLER

BÊN BÁN



KROUCH SIPHA

FOR THE BUYER

BÊN MUA



GIÁM ĐỐC  
*Trương Ngọc Anh Tuấn*







**BMI**  
INSPECTION AND SERVICE

# CHỨNG NHẬN HỢP QUY

Số: 0724.13.19/CN-BMI

Chứng nhận sản phẩm:

## CÁT TỰ NHIÊN DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA

Được nhập khẩu bởi:

### CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT

Địa chỉ: Tổ 1, Khu phố Tân Hạnh, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ,  
Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

Đơn vị được cấp phép khai thác và xuất khẩu:

### CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.

Địa chỉ: The Concrete street, Derm Mak Khloeu village, Chbar Ampov 1 quarter,  
Chbar Ampov district, Phnom Penh capital, Kingdom of Cambodia

Phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia: **QCVN 16:2023/BXD**

Phương thức chứng nhận: **Phương thức 1**

(Theo Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12 tháng 12 năm 2012, Thông tư số  
02/2017/TT-BKHCN ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Giấy chứng nhận có hiệu lực từ ngày 26/07/2024 đến ngày 18/07/2025

Mẫu dấu hợp quy



Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 07 năm 2024

**TUQ. GIÁM ĐỐC**

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM BMI**



**NGUYỄN CÔNG TRUNG**

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ VÀ GIÁM ĐỊNH BẢO MINH**

Văn phòng giao dịch: Số 13, Đường 3, Phường An Khánh, Tp Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh  
Email: Info@baominhinspection.com



Kính gửi: **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT**

Nhằm tuyên truyền, quảng bá và khẳng định sản phẩm, hàng hóa của Quý Công ty đã được đánh giá, chứng nhận phù hợp Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD, Công ty Cổ phần Dịch vụ và Giám định Bảo Minh xin gửi đến Quý Công ty biểu tượng dấu chứng nhận dưới đây:



**Dấu chứng nhận được sử dụng trong các trường hợp sau:**

- a) Trực tiếp trên sản phẩm hoặc bao bì sản phẩm thuộc phạm vi chứng nhận;
- b) Trong các tiếp đầu thư, công văn giao dịch, tài liệu kỹ thuật, tài liệu đào tạo, quảng cáo sản phẩm, hàng hóa;
- c) Trong các chương trình quảng cáo công cộng, quảng bá sản phẩm trên thị trường, vv...

**Dấu chứng nhận không được sử dụng trong các trường hợp sau:**

- a) Gây hiểu nhầm là BMI đã chứng nhận hay công nhận tính pháp lý của nhãn hiệu thương mại của sản phẩm hoặc bất cứ một cách hiểu nhầm khác;
- b) Gây hiểu nhầm là BMI đã chứng nhận chất lượng cho tất cả các loại sản phẩm do Tổ chức sản xuất, gia công, đóng gói, ....;
- c) Hết hiệu lực chứng nhận hoặc không tuân thủ các yêu cầu của chứng nhận;

**Chú ý khi sử dụng:**

- a) Dấu chứng nhận có thể được in đúng theo màu như miêu tả cụ thể/ dùng màu đen/ chạm khắc không màu trên sản phẩm một cách thích hợp kèm theo tên và phiên bản của Tiêu chuẩn/ Quy chuẩn chứng nhận;
- b) Dấu chứng nhận có thể phóng to hoặc thu nhỏ một cách đồng nhất, tuy nhiên phải đủ lớn để phần chữ có thể đọc được rõ ràng.
- c) Giấy chứng nhận và Dấu chứng nhận không được chuyển nhượng hoặc ủy quyền.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT.

**TUQ. GIÁM ĐỐC**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM BMI**  
  
**HUỲNH CÔNG TRUNG**



**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc cấp giấy chứng nhận Hợp quy**

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14;
- Căn cứ Giấy phép số 0315978642 do Sở KH&ĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận số 17/CNĐKCN-BXD của Bộ Xây Dựng cấp ngày 17 tháng 01 năm 2024;
- Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 16:2023/BXD;
- Căn cứ các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến từng loại hình sản phẩm;
- Căn cứ vào kết quả đánh giá và thẩm tra hồ sơ của Tổ chức đăng ký chứng nhận.

**QUYẾT ĐỊNH**

Điều 1: cấp giấy chứng nhận (GCN) số 0724.13.19/CN-BMI cho sản phẩm, hàng hóa **CÁT TỰ NHIÊN DÙNG CHO BÊ TÔNG VÀ VỮA** phù hợp Quy chuẩn QCVN 16:2023/BXD do **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT** nhập khẩu.

Điều 2: giấy chứng nhận này có hiệu lực từ ngày 26/07/2024 đến ngày 18/07/2025 và được giám sát thông qua việc thử nghiệm mẫu mỗi lần nhập khẩu

Điều 3: trong thời hạn hiệu lực ghi trên giấy, **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT** phải thực hiện đúng các quy định quyền và trách nhiệm theo quy định Nhà nước hiện hành./.

Nơi nhận:

- **CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT;**
- Lưu VT.

**TUQ. GIÁM ĐỐC**  
**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM BMI**  
  
**HUỲNH CÔNG TRUNG**





# CERTIFICATE

*Certify that the quality management system of:*

## **TUAN HAI PHAT TRADING AND SERVICES COMPANY LIMITED**

**Address:** Group 10, Le Van Loc Street, Tan Phu Quarter, Phu My Ward, Phu My Town,  
Ba Ria - Vung Tau Province, Vietnam

*Has audited and found to be in conformance with the requirements set forth by:*

## **ISO 9001:2015** **QUALITY MANAGEMENT SYSTEMS**

*For the following activities:*

Exploiting and trading natural sand for concrete, mortar, and leveling.

**Certificate no:** VNC01.3502350772

**Issue date:** 23/09/2024

**Expired date:** 22/09/2027



VNC01.3502350772



VNCERT



ISO 9001:2015



**DIRECTOR**

**NGUYEN THI MINH HIEN**

**VNCERT SCIENCE – TECHNOLOGY – ENGINEERING JOINT STOCK COMPANY**

No 70 Binh Chieu Street, Binh Chieu Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam

Tel: 0869970466 - Email: info.vncert@gmail.com - website: vncert.com.vn



CamScanner

Được quét bằng CamScanner





# GIẤY CHỨNG NHẬN

*Chứng nhận hệ thống quản lý của:*

## CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT

**Địa chỉ:** Tổ 10, Đường Lê Văn Lộc, Khu phố Tân Phú, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

*Được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu tiêu chuẩn:*

## ISO 9001:2015 HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

*Cho phạm vi:*

Khai thác và kinh doanh cát tự nhiên dùng cho bê tông, vữa, san lấp.

**Số giấy chứng nhận:** VNC01.3502350772

**Ngày cấp:** 23/09/2024

**Hiệu lực đến:** 22/09/2027



VNC01.3502350772



VNCERT



ISO 9001:2015



**GIÁM ĐỐC**

**NGUYỄN THỊ MINH HIỀN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ – KỸ THUẬT VNCERT**  
70 đường Bình Chiểu, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh  
Tel: 0869970466 - Email: info.vncert@gmail.com - website: vncert.com.vn



CamScanner

Được quét bằng CamScanner



Số: 22/TB-VNCERT

TP Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2024

## **THÔNG BÁO**

### **Về việc sử dụng mẫu dấu chứng nhận**

**Kính gửi: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT**

**CTCP KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ – KỸ THUẬT VNCERT** thông báo đến **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT** được sử dụng dấu chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp yêu cầu tiêu chuẩn ISO 9001:2015 và chịu sự đánh giá giám sát định kỳ không quá 12 tháng/lần, tương ứng tối thiểu 02 lần đánh giá giám sát trong 03 năm giấy chứng nhận có hiệu lực.

1. Dấu chứng nhận hệ thống quản lý có thể được sử dụng trên các tài liệu kỹ thuật, hồ sơ năng lực, tờ rơi, tài liệu kỹ thuật, tài liệu giao dịch thương mại, thư tín hoặc các phương tiện thông tin đại chúng khác để tuyên truyền, quảng bá.
2. Dấu hợp chuẩn có thể được phóng to hoặc thu nhỏ nhưng phải đảm bảo đúng tỷ lệ và nhận biết được bằng mắt thường.
3. Dấu chứng nhận hợp chuẩn phải có màu sắc đúng với màu đã cấp hoặc thể hiện cùng một màu.
4. Không sử dụng dấu chứng nhận hệ thống quản lý trên sản phẩm, bao bì sản phẩm hay bất cứ cách thức nào mà có thể gây hiểu lầm rằng sản phẩm được chứng nhận phù hợp.
5. Không sử dụng dấu chứng nhận hệ thống quản lý trên báo cáo hoặc giấy chứng nhận thử nghiệm, hiệu chuẩn, chứng thư giám định.
6. Hình dạng của logo theo quy định bên dưới:



**Nơi lưu:**

- Như trên;
- Lưu VP.

**GIÁM ĐỐC**  
  
*Nguyễn Thị Minh Hiền*



Số: 22/QĐ-VNCERT

TP Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 09 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với  
các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 9001:2015**

**GIÁM ĐỐC CTCP KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ – KỸ THUẬT VNCERT**

- Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chứng nhận số 744/TĐC-HCHQ ngày 06 tháng 03 năm 2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trực thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Căn cứ vào báo cáo kết quả của đoàn chuyên gia đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;
- Theo đề nghị của Trưởng phòng chứng nhận.

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Cấp giấy chứng nhận số VNC01.3502350772 cấp ngày 23 tháng 09 năm 2024, chứng nhận cho **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT**:

Địa chỉ: Tổ 10, Đường Lê Văn Lộc, Khu phố Tân Phú, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Địa chỉ sản xuất: Tổ 10, Đường Lê Văn Lộc, Khu phố Tân Phú, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam

Có hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2015 với phạm vi chứng nhận: Khai thác và kinh doanh cát tự nhiên dùng cho bê tông, vữa, san lấp.

**Điều 2.** **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT** được phép sử dụng giấy chứng nhận và dấu phù hợp tiêu chuẩn theo quy định của CTCP Khoa học – Công nghệ – Kỹ thuật VNCERT trong thời gian chứng nhận còn hiệu lực.

**Điều 3:** Quyết định này có hiệu lực 03 năm kể từ ngày ký. **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT** được cấp chứng nhận phải duy trì đánh giá giám sát định kỳ không quá 12 tháng/lần, tương ứng 02 lần trong 03 năm hiệu lực của giấy chứng nhận. Trường hợp không đánh giá giám sát định kỳ theo quy định, CTCP Khoa học – Công nghệ – Kỹ thuật VNCERT sẽ đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận và không chịu bất kỳ trách nhiệm về việc công ty công bố còn duy trì hiệu lực của giấy chứng nhận.

**Nơi lưu:**

- Như điều 1;
- Lưu VP.



**GIÁM ĐỐC**



**CamScanner**

Được quét bằng CamScanner



UBND TỈNH ĐỒNG THÁP  
**SỞ XÂY DỰNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2356/SXD-KT&VLXD

Đồng Tháp, ngày 28 tháng 8 năm 2024

V/v miễn kiểm tra nhà nước  
về chất lượng sản phẩm, hàng  
hóa nhập khẩu của Công ty  
TNHH Thương mại và Dịch  
vụ Tuấn Hải Phát

Kính gửi: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tuấn Hải Phát

Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp tiếp nhận Công văn số 01/2024 ngày 24/8/2024 của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tuấn Hải Phát về việc xin miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu đối với mặt hàng Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa (*cát oxit silic*).

Sau khi xem xét Hồ sơ xin miễn kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu của Công ty, Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp có ý kiến như sau:

**1. Căn cứ xét đề nghị miễn giảm:**

Căn cứ Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN ngày 10/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018, Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09/11/2018 và Nghị định số 119/2017/NĐ-CP ngày 01/11/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 04/2023/TT-BXD ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 16:2023/BXD về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;

Căn cứ Kết quả thẩm định Hồ sơ xin miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tuấn Hải Phát do Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng thẩm định.

**2. Kết quả xét đề nghị miễn giảm:**

- Tên Công ty: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tuấn Hải Phát.
- Mã số thuế: 3502350772.





- Địa chỉ: Tổ 10, đường Lê Văn Lộc, khu phố Tân Phú, phường Phú Mỹ, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Với sản phẩm: Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa (*cát oxit silic*); địa điểm sản xuất: Chaktomuk Resources Supply Import Export Co.,ltd, Cambodia; Khối lượng theo đơn đăng ký 1.000.000m<sup>3</sup> (một triệu mét khối); Mã hàng hóa nhập khẩu (HS) 2505.10.00.

Căn cứ hồ sơ xin miễn giảm kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tuấn Hải Phát: sau 03 lần nhập khẩu liên tiếp, có kết quả đánh giá phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN 16:2023/BXD; mã HS 2505.10.00), sản phẩm nêu trên của Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tuấn Hải Phát được miễn kiểm tra nhà nước về chất lượng trong thời hạn 02 năm kể từ ngày ký Văn bản này.

### 3. Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tuấn Hải Phát có trách nhiệm:

3.1. Định kỳ 03 tháng (*trước ngày 25 của tháng cuối trong kỳ báo cáo*), báo cáo bằng văn bản về tình hình nhập khẩu sản phẩm hàng hóa được miễn giảm kiểm tra kèm theo kết quả đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng cho Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp để theo dõi và thực hiện công tác hậu kiểm. Nội dung báo cáo thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 7 Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN.

3.2. Trong thời hạn được miễn giảm kiểm tra, nếu định kỳ 03 tháng người nhập khẩu không báo cáo tình hình nhập khẩu kèm theo kết quả đánh giá sự phù hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, tiêu chuẩn công bố áp dụng cho cơ quan kiểm tra để theo dõi và thực hiện công tác hậu kiểm hoặc trong thời hạn được miễn giảm kiểm tra quy định tại điểm c khoản 8 Điều 7 Nghị định số 132/2008/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 74/2018/NĐ-CP, cơ quan kiểm tra có văn bản thông báo dừng áp dụng chế độ miễn giảm kiểm tra theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Thông tư số 06/2020/TT-BKHCN.

Trên đây là ý kiến của Sở Xây dựng tỉnh Đồng Tháp, chuyển đến Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tuấn Hải Phát biết thực hiện./.

#### Nơi nhận:

- UBND Tỉnh (b/c);
- Cục Hải quan tỉnh Đồng Tháp (biết);
- GD và các PGD Sở;
- Các Phòng và Đơn vị thuộc Sở;
- Website Sở XD;
- Lưu: VT; P.KT&VLXD(Thanh).

**KT.GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Lê Văn Ngọt**



|                                                                                                                                                                                                                |                                                |                                                                                                                                                         |                                                                     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| <b>Shipper:</b><br><b>CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.</b><br>ADD: CONCRETE STREET, PHUM DOEUM MAKLEU, SANGKAT CHBAR AMPOV1,<br>KHAN CHBAR AMPOV, PHNOM PENH, CAMBODIA.                      |                                                | <b>BILL OF LADING</b><br>B/L HP076/2024EX                                                                                                               |                                                                     |
| <b>Consigner:</b><br><b>CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN THUONG MAI VA DICH VU TUAN HAI PHAT</b><br>ADD: Group 10, Le Van Loc street, Tan Phu Quarter, Phu My ward, Phu My Twon<br>BaRia-Vung Tau Province, Vietnam |                                                |                                                                       |                                                                     |
| <b>Notify Party:</b><br>SAME AS CONSIGNEE                                                                                                                                                                      |                                                |                                                                                                                                                         |                                                                     |
| <b>Name of Barge:</b><br>ST-06436                                                                                                                                                                              | <b>Vessel Barge:</b><br>KAORM SAMNOR, CAMBODIA | <b>Port of Discharging:</b><br>THUONG PHUOC - VIET NAM                                                                                                  |                                                                     |
| <b>Description of Goods</b>                                                                                                                                                                                    |                                                | <b>Gross Weight (MT)</b>                                                                                                                                | <b>MEASUREMENT (CBM)</b>                                            |
| RIVER SAND                                                                                                                                                                                                     |                                                | 1,344.000 MTs                                                                                                                                           | 840.00 M³                                                           |
| <b>Remark:</b><br>1 Cubi Meter(M³)=1.6 Metric Ton(MT)                                                                                                                                                          |                                                | <b>SAID TO:</b><br><b>CLEAN ON BOARD</b><br>The Carrir not deing responsible for<br>loss or damage however arising,<br>the Shipper will be responsible. |                                                                     |
| <b>Freight Term:</b><br>FREIGHT COLLECT                                                                                                                                                                        |                                                | <b>Number of Original</b><br>03                                                                                                                         | <b>Place and Date of Issue:</b><br>KAORM SAMNOR<br>October 24, 2024 |
| <b>SHIPPER/CARRIER</b><br><br><b>VICHETH REASEY</b>                                                                       |                                                |                                                                                                                                                         |                                                                     |





ចតុមុខ

វិសាស ស៊ីម៉ង់ត៍ អ៊ីម៉ង់ត៍ អិចផ្កា ឯ.ក  
CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD

ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា  
ជាតិ សាសនា ព្រះមហាក្សត្រ

INVOICE

No: HP076/2024EX

Date: October 24, 2024

BUYER NAME:

CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN THUONG MAI VA DỊCH VỤ TUAN HAI PHAT

ADD: Group 10, Le Van Loc street, Tan Phu Quarter, Phu My ward, Phu My Town, Ba Ria- Vung Tau Province, Vietnam

SELLER NAME:

CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.

ADD: Concrete street, Derm Mak Khloeu village, Chbar Ampov 1 quarter, Chbar Ampov district,  
Phnom Penh capital, Kingdom of Cambodia

VAT: L001-902002817

TEL: 012 426 777



FROM: KAARM SAMNOR, CAMBODIA.

ORIGIN: CAMBODIA

TO: VIETNAM

SHIPPED ON BOARD: ST-06436

| No                                | Description | QUANTITY(M³) | UNIT PRICE<br>CUBIC METER | Amount      |
|-----------------------------------|-------------|--------------|---------------------------|-------------|
| 1                                 | RIVER SAND  | 840.00       | \$ 6.00                   | \$ 5,040.00 |
| TOTAL EXW Cambodia (Kaarm Samnor) |             |              |                           | \$ 5,040.00 |

SAY IN WORDS: Five Thousand Forty Dollars and No Cents

Note: 1 Cubic Meter (M³)=1.6 Metric Ton (MT)

Value for Customs Purposes Only

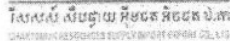
SIGNATURE



VICHETH REASEY

ចុះលេខ២៣១២ ថ្ងៃទី២៤ ខែតុលា ឆ្នាំ២០២៤ សង្កាត់ច្បារអំពៅទី១ ខណ្ឌច្បារអំពៅ រាជធានីភ្នំពេញ ទូរស័ព្ទលេខ(Tel): (885) 12 262 784  
#2312, St 642 Phum Daeum Machloea, Sangkat Chbar Ampov1, Khan Chbar Ampov, PP. Email: Chaktomukresourcesupply1@gmail.com





## PACKING LIST

No: HP076/2024EX

Date: October 24, 2024

BUYER NAME:

CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN THUONG MAI VA DICH VU TUAN HAI PHAT

ADD: Group 10, Le Van Loc street, Tan Phu Quarter, Phu My ward, Phu My Town, Ba Ria- Vung Tau Province, Vietnam

**SELLER NAME:**

CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.

Phnom Penh capital, Kingdom of Cambodia

VAT: L001-902002817

TEL: 012 426 777

FROM: KAARM SAMNOR, CAMBODIA.

ORIGIN: CAMBODIA

TO: VIETNAM

SHIPPED ON BOARD: ST-06436

| No                | Description | WEIGHT (MT) | MEASUREMENT(M³) |
|-------------------|-------------|-------------|-----------------|
| 1                 | RIVER SAND  | 1,344.000   | 840.00          |
| TOTAL AMOUNT (M³) |             |             | 840.00          |

Note: 1 Cubic Meter (M<sup>3</sup>)=1.6 Metric Ton (MT)

SIGNATURE



VICHETH REASEY

ផ្ទះលេខ២៣១Z២ ផ្លូវលេខ ៦៤២ ភូមិដើមម៉ាក់ត្នើ សង្កាត់ច្បារអំពៅទី១ ខណ្ឌច្បារអំពៅ រាជធានីភ្នំពេញ  
#231Z2, St 642 Phum Daeum Machloea, Sangkat Chbar Ampov1, Khan Chbar Ampov, PP

ទំនាក់ទំនង(Tel): (855) 12 262 784  
Email: Chaktomukresourcesupply1@gmail.com

Cục Hải quan Đồng Tháp  
CC HQ CK Thường Phước Đồng Tháp



Ngày 28 tháng 10 năm 2024

**DANH SÁCH HÀNG HÓA**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN**  
**Tờ khai không phải niêm phong**



1. Chi cục hải quan giám sát: CC HQ CK Thường Phước Đồng Tháp - 49BBGGBB: CCHQCK THUONG PHUOC  
- 6  
2. Đơn vị XNK: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT  
3. Mã số thuế: 3502350772  
4. Số tờ khai: 106676261860  
5. Trạng thái tờ khai: Thông quan  
6. Ngày tờ khai: 25/10/2024 - 26/10/2024  
7. Loại hình: Nhập kinh doanh tiêu dùng  
8. Luồng: Vàng  
9. Số quản lý hàng hóa : HP076/2024EX

| STT | SỐ LƯỢNG HÀNG<br>(1) | TỔNG TRỌNG LƯỢNG HÀNG<br>(2) | LƯỢNG HÀNG HÓA<br>THỰC TẾ QUA KHU VỰC<br>GIÁM SÁT HẢI QUAN<br>(3) | XÁC NHẬN CỦA<br>CÔNG CHỨC HẢI QUAN<br>(4) |
|-----|----------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1   | 1 OTHER              | 1344 Tấn                     |                                                                   |                                           |

Kết xuất dữ liệu lúc: 28/10/2024 09:16 AM

Ghi chú:

- Cột số (1) lấy từ tiêu chí "Số lượng" trên phần "General" của tờ khai hải quan.
- Cột số (2) lấy từ tiêu chí "Tổng trọng lượng hàng" trên phần "General" của tờ khai hải quan.
- Trường hợp hàng hóa được đưa qua KVGS nhiều lần thì đối với từng lần đưa hàng qua KVGS, công chức hải quan thực hiện:
  - + Cột số (3): ghi rõ lượng hàng từng lần qua KVGS.
  - + Cột số (4): ghi ngày, tháng, năm; ký, đóng dấu công chức.
- Trường hợp giá trị tại cột (1):
  - + khác 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (1);
  - + bằng 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (2).



Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

0667626186

Số tờ khai 10667626186 Số tờ khai đầu tiên / Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 2505  
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng Mã loại hình A11 6 [ 4 ] Mã bộ phận xử lý tờ khai 00  
Mã phân loại kiểm tra 2 Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai THPHUOCDT Thời hạn tái nhập/ tái xuất  
Ngày đăng ký 25/10/2024 18:01:42 Ngày thay đổi đăng ký

Người nhập khẩu  
Mã 3502350772  
Tên CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT  
Mã bưu chính 84  
Địa chỉ Tổ 10, Đường Lê Văn Lộc, Khu phố Tân Phú, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu  
Số điện thoại 0915830930  
Người ủy thác nhập khẩu  
Mã  
Tên



Người xuất khẩu  
Mã  
Tên CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.  
Mã bưu chính  
Địa chỉ CONCRETE STREET, DERM MAK KHLOOEU VILLAGE, CHBAR AMPOV 1 QUATER  
Mã nước KH CAPITAL, KINGDOM OF CAMBODIA

Người ủy thác xuất khẩu  
Đại lý Hải quan Mã nhân viên Hải quan  
Số vận đơn Địa điểm lưu kho 49BBGBB CCHQCK THUONG PHUOC  
1 HP076/2024EX Địa điểm dỡ hàng VNTHC CK THUONG PHUOC (DT)  
2 Địa điểm xếp hàng KHZZZ OTHER  
3 Phương tiện vận chuyển 9999 ST-06436  
4 Ngày hàng đến 26/10/2024  
5 Ký hiệu và số hiệu  
Số lượng 1 ZZ  
Tổng trọng lượng hàng (Gross) 1.344 TNE  
Số lượng container  
Ngày được phép nhập kho đầu tiên  
Mã văn bản pháp quy khác NM

Số hóa đơn A - HP076/2024EX  
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử  
Ngày phát hành 24/10/2024  
Phương thức thanh toán KC  
Tổng trị giá hóa đơn A - EXW - USD - 5.040  
Tổng trị giá tính thuế 155.462.160  
Tổng hệ số phân bổ trị giá 5.040 -  
Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu  
1 - 2 - 3 -  
4 - 5 -  
Mã phân loại khai trị giá 6  
Khai trị giá tổng hợp  
Các khoản điều chỉnh  
Phí vận chuyển A - USD - 756  
Phí bảo hiểm D - -  
Mã tên Mã phân loại Trị giá khoản điều chỉnh Tổng hệ số phân bổ  
1 N AD USD - 420  
2 - - -  
3 - - -  
4 - - -  
5 - - -

Chi tiết khai trị giá  
Phương thức thanh toán: TT. Miễn kiểm số 2356/SXD-KT&VLXD ngày 28/08/2024.

| Tên sắc thuế  | Tổng tiền thuế | Số dòng tổng |                         |                |  |        |
|---------------|----------------|--------------|-------------------------|----------------|--|--------|
| 1 V Thuế GTGT | 15.546.216 VND | 1            | Tổng tiền thuế phải nộp | 15.546.216 VND |  |        |
| 2             | VND            |              | Số tiền bảo lãnh        | VND            |  |        |
| 3             | VND            |              | Tỷ giá tính thuế        | USD -          |  | 25.010 |

4  
5  
6

VND  
VND  
VND

-  
-

Mã xác định thời hạn nộp thuế  
Mã lý do đề nghị BP

D

Người nộp thuế  
Phân loại nộp thuế

1  
A  
1

Tổng số trang của tờ khai

3

Tổng số dòng hàng của tờ khai

2350  
CÔNG  
H NHIỆM  
G MẠI V  
AN HẢI  
1841



CamScanner

Được quét bằng CamScanner



Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

|                                        |                                                                                                   |                       |             |                                     |      |
|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------|-------------------------------------|------|
| Số tờ khai                             | 106676261860                                                                                      | Số tờ khai đầu tiên   | /           |                                     |      |
| Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng |                                                                                                   |                       |             |                                     |      |
| Mã phân loại kiểm tra                  | 2                                                                                                 | Mã loại hình          | A11 6 [ 4 ] | Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai | 2505 |
| Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai |                                                                                                   | THPHUOCDT             |             | Mã bộ phận xử lý tờ khai            | 00   |
| Ngày đăng ký                           | 25/10/2024 18:01:42                                                                               | Ngày thay đổi đăng ký |             | Thời hạn tái nhập/ tái xuất         |      |
| Số đính kèm khai báo điện tử           | 1                                                                                                 |                       | 2           |                                     | 3    |
| Phần ghi chú                           | Hợp đồng vận chuyển và bơm cát số 02/HĐVCHH ngày 06/08/2024, HĐMB số EXP-143/2024 ngày 18/07/2024 |                       |             |                                     |      |

|                                    |                          |       |
|------------------------------------|--------------------------|-------|
| Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp | Số quản lý người sử dụng | 00078 |
| Phân loại chỉ thị của Hải quan     |                          |       |

|    | Ngày | Tên | Nội dung |
|----|------|-----|----------|
| 1  | / /  |     |          |
| 2  | / /  |     |          |
| 3  | / /  |     |          |
| 4  | / /  |     |          |
| 5  | / /  |     |          |
| 6  | / /  |     |          |
| 7  | / /  |     |          |
| 8  | / /  |     |          |
| 9  | / /  |     |          |
| 10 | / /  |     |          |

|                                             |                                     |
|---------------------------------------------|-------------------------------------|
| Mục thông báo của Hải quan                  |                                     |
| Tên trưởng đơn vị Hải quan                  | Đội Thường Phước-CC HQ Thường Phước |
| Ngày cấp phép                               | 28/10/2024 09:09:43                 |
| Ngày hoàn thành kiểm tra                    | 26/10/2024 08:41:20                 |
| Phân loại thẩm tra sau thông quan           |                                     |
| Ngày phê duyệt BP                           | / /                                 |
| Ngày hoàn thành kiểm tra BP                 | / /                                 |
| Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu |                                     |
| Tổng số tiền thuế chậm nộp                  |                                     |

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

| Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành) | Địa điểm | Ngày đến | Ngày khởi hành |
|---------------------------------------------------|----------|----------|----------------|
| Thông tin trung chuyển                            | 1        | / /      | ~ / /          |
|                                                   | 2        | / /      | ~ / /          |
|                                                   | 3        | / /      | ~ / /          |
| Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế             |          | / /      |                |



Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai 106676261860 Số tờ khai đầu tiên /  
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng  
Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 6 [ 4 ] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 2505  
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai THPHUOCDT Mã bộ phận xử lý tờ khai 00  
Ngày đăng ký 25/10/2024 18:01:42 Ngày thay đổi đăng ký Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<01>

Mã số hàng hóa 25051000 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận gi [ ]  
Mô tả hàng hóa Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa (Cát oxit silic)

Số của mục khai khoản điều chỉnh 1  
Trị giá hóa đơn 5.040  
Thuế nhập khẩu  
Trị giá tính thuế(S) 155.462.160 VND  
Số lượng tính thuế  
Thuế suất A 0% -  
Số tiền thuế VND  
Số tiền miễn giảm VND  
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng  
Danh mục miễn thuế nhập khẩu -  
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

Số lượng (1) 840 MTQ  
Số lượng (2) 1.344.000 KGM  
Đơn giá hóa đơn 6 USD MTQ  
Trị giá tính thuế(M) -  
Đơn giá tính thuế 185.074 - VND - MTQ  
Mã áp dụng thuế tuyệt đối  
Nước xuất xứ KH - CAMBOD - B01  
Mã ngoài hạn ngạch

Thuế và thu khác

|   |                   |                 |                                           |       |
|---|-------------------|-----------------|-------------------------------------------|-------|
| 1 | Tên               | Thuế GTGT       | Mã áp dụng thuế suất                      | VB901 |
|   | Trị giá tính thuế | 155.462.160 VND | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         | 10%             | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | 15.546.216 VND  |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND             |                                           |       |
| 2 | Tên               |                 | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế | VND             | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                 | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | VND             |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND             |                                           |       |
| 3 | Tên               |                 | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế | VND             | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                 | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | VND             |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND             |                                           |       |
| 4 | Tên               |                 | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế | VND             | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                 | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | VND             |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND             |                                           |       |
| 5 | Tên               |                 | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế | VND             | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                 | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | VND             |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND             |                                           |       |





|                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                         |                                                                     |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| <b>Shipper:</b><br><b>CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.</b><br>ADD: CONCRETE STREET, PHUM DOEUM MAKLEU, SANGKAT CHBAR AMPOV1,<br>KHAN CHBAR AMPOV, PHNOM PENH, CAMBODIA.                       |                                                                                                                                                                                     | <b>BILL OF LADING</b><br>B/L HP079/2024EX                                                                                                               |                                                                     |
| <b>Consigner:</b><br><b>CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN THUONG MAI VA DICH VU TUAN HAI PHAT</b><br>ADD: Group 10, Le Van Loc street, Tan Phu Quarter, Phu My ward, Phu My Twon<br>Ba Ria-Vung Tau Province, Vietnam |                                                                                                                                                                                     |                                                                       |                                                                     |
| <b>Notify Party:</b><br>SAME AS CONSIGNEE                                                                                                                                                                       |                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                         |                                                                     |
| <b>Name of Barge:</b><br>AG-18555                                                                                                                                                                               | <b>Vessel Barge:</b><br>KAORM SAMNOR, CAMBODIA                                                                                                                                      | <b>Port of Discharging:</b><br>THUONG PHUOC - VIET NAM                                                                                                  |                                                                     |
| <b>Description of Goods</b>                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                                                                     | <b>Gross Weight (MT)</b>                                                                                                                                | <b>MEASUREMENT (CBM)</b>                                            |
| RIVER SAND                                                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                                                                     | 1,568.000 MTs                                                                                                                                           | 980.00 M³                                                           |
|                                                                                                                                                                                                                 | <b>Remark:</b><br>1 Cubi Meter(M³)=1.6 Metric Ton(MT)                                                                                                                               | <b>SAID TO:</b><br><b>CLEAN ON BOARD</b><br>The Carrir not deing responsible for<br>loss or damage however arising,<br>the Shipper will be responsible. |                                                                     |
|                                                                                                                                                                                                                 | <b>Freight Term:</b><br>FREIGHT COLLECT                                                                                                                                             | <b>Number of Original</b><br>03                                                                                                                         | <b>Place and Date of Issue:</b><br>KAORM SAMNOR<br>October 25, 2024 |
|                                                                                                                                                                                                                 | <b>SHIPPER/CARRIER</b><br><div style="text-align: center;"> <br/> <b>VICHETH REASEY</b> </div> |                                                                                                                                                         |                                                                     |

ចតុមុខ

ហ្វែមស៊ី ធនធាន ផ្គត់ផ្គង់ អន្តរជាតិ ខ.ក

ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា  
ជាតិ សាសនា ព្រះមហាក្សត្រ

INVOICE

No: HP079/2024EX

Date: October 25, 2024

BUYER NAME:

CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN THUONG MAI VA DICH VU TUAN HAI PHAT

ADD: Group 10, Le Van Loc street, Tan Phu Quarter, Phu My ward, Phu My Town, Ba Ria- Vung Tau Province, Vietnam



SELLER NAME:

CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.

ADD: Concrete street, Derm Mak Khloeu village, Chbar Ampov 1 quarter, Chbar Ampov district,

Phnom Penh capital, Kingdom of Cambodia

VAT: L001-902002817

TEL: 012 426 777

FROM: KAARM SAMNOR, CAMBODIA.

ORIGIN: CAMBODIA

TO: VIETNAM

SHIPPED ON BOARD: AG-18555

| No                                | Description | QUANTITY(M <sup>3</sup> ) | UNIT PRICE<br>CUBIC METER | Amount      |
|-----------------------------------|-------------|---------------------------|---------------------------|-------------|
| 1                                 | RIVER SAND  | 980.00                    | \$ 6.00                   | \$ 5,880.00 |
| TOTAL EXW Cambodia (Kaarm Samnor) |             |                           |                           | \$ 5,880.00 |

SAY IN WORDS: Five Thousand Eight Hundred Eighty Dollars and No Cents

Note: 1 Cubic Meter (M<sup>3</sup>)=1.6 Metric Ton (MT)

Value for Customs Purposes Only

SIGNATURE

VICHETH REASEY

ចុះលេខ២៣១២ ថ្ងៃទី២៥ ខែតុលា ឆ្នាំ២០២៤ ភូមិដើមម៉ាក់ត្នោត សង្កាត់ច្បារអំពៅទី១ ខណ្ឌច្បារអំពៅ រាជធានីភ្នំពេញ ទូរស័ព្ទលេខ(Tel): (855) 12 262 784



ចតុមុខ

វិសេស ស៊ីម៉ង់ត៍ អ៊ីម៉ង់ត៍ អិចផ្ទួរ ឯ.ក  
CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD

ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា  
ជាតិ សាសនា ព្រះមហាក្សត្រ

**PACKING LIST**

No: HP079/2024EX

Date: October 25, 2024

**BUYER NAME:**

CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN THUONG MAI VA DICH VU TUAN HAI PHAT

ADD: Group 10, Le Van Loc street, Tan Phu Quarter, Phu My ward, Phu My Town, Ba Ria- Vung Tau Province, Vietnam

**SELLER NAME:**

CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.

ADD: Concrete street, Derm Mak Khloeu village, Chbar Ampov 1 quarter, Chbar Ampov district,

Phnom Penh capital, Kingdom of Cambodia

VAT: L001-902002817

TEL: 012 426 777



FROM: KAARM SAMNOR, CAMBODIA.

ORIGIN: CAMBODIA

TO: VIETNAM

SHIPPED ON BOARD: AG-18555

| No                             | Description | WEIGHT (MT) | MEASUREMENT(M <sup>3</sup> ) |
|--------------------------------|-------------|-------------|------------------------------|
| 1                              | RIVER SAND  | 1,568.000   | 980.00                       |
| TOTAL AMOUNT (M <sup>3</sup> ) |             |             | 980.00                       |

Note: 1 Cubic Meter (M<sup>3</sup>)=1.6 Metric Ton (MT)

SIGNATURE

VICHETH REASEY

ផ្ទះលេខ៣១២ ផ្លូវលេខ ៦៤២ ភូមិដើមម្កាង ឃុំ សង្កាត់ច្បារអំពៅទី១ ខណ្ឌច្បារអំពៅ រាជធានីភ្នំពេញ ទូរស័ព្ទលេខ(Tel): (885) 12 262 784

Cục Hải quan Đồng Tháp  
CC HQ CK Thường Phước Đồng Tháp



Ngày 28 tháng 10 năm 2024

**DANH SÁCH HÀNG HÓA**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN**  
**Tờ khai không phải niêm phong**



1. Chi cục hải quan giám sát: CC HQ CK Thường Phước Đồng Tháp - 49BBGBB: CCHQCK THUONG PHUOC  
- 6  
2. Đơn vị XNK: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT  
3. Mã số thuế: 3502350772  
4. Số tờ khai: 106676271920  
5. Trạng thái tờ khai: Thông quan  
6. Ngày tờ khai: 25/10/2024 - 26/10/2024  
7. Loại hình: Nhập kinh doanh tiêu dùng  
8. Luồng: Vàng  
9. Số quản lý hàng hóa : HP079/2024EX

| STT | SỐ LƯỢNG HÀNG<br>(1) | TỔNG TRỌNG LƯỢNG HÀNG<br>(2) | LƯỢNG HÀNG HÓA<br>THỰC TẾ QUA KHU VỰC<br>GIÁM SÁT HẢI QUAN<br>(3) | XÁC NHẬN CỦA<br>CÔNG CHỨC HẢI QUAN<br>(4) |
|-----|----------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1   | 1 OTHER              | 1568 Tấn                     |                                                                   |                                           |

Kết xuất dữ liệu lúc: 28/10/2024 09:17 AM

Ghi chú:

- Cột số (1) lấy từ tiêu chí "Số lượng" trên phần "General" của tờ khai hải quan.
- Cột số (2) lấy từ tiêu chí "Tổng trọng lượng hàng" trên phần "General" của tờ khai hải quan.
- Trường hợp hàng hóa được đưa qua KVGS nhiều lần thì đối với từng lần đưa hàng qua KVGS, công chức hải quan thực hiện:
  - + Cột số (3): ghi rõ lượng hàng từng lần qua KVGS.
  - + Cột số (4): ghi ngày, tháng, năm; ký, đóng dấu công chức.
- Trường hợp giá trị tại cột (1):
  - + khác 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (1);
  - + bằng 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (2).



Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

0667627192

Số tờ khai 106676271920 Số tờ khai đầu tiên / Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 2505  
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng Mã loại hình A11 6 [ 4 ] Mã bộ phận xử lý tờ khai 00  
Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình THPHUOCDT Thời hạn tái nhập/ tái xuất  
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai Ngày đăng ký 25/10/2024 18:12:24 Ngày thay đổi đăng ký

Người nhập khẩu  
Mã 3502350772  
Tên CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT  
Mã bưu chính 84  
Địa chỉ Tổ 10, Đường Lê Văn Lộc, Khu phố Tân Phú, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa -Vùng Tàu  
Số điện thoại 0915830930  
Người ủy thác nhập khẩu  
Mã  
Tên



Người xuất khẩu  
Mã  
Tên CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.  
Mã bưu chính  
Địa chỉ CONCRETE STREET, DERM MAK KHLOOEU VILLAGE, CHBAR AMPOV 1 QUATER  
CHBAR AMPOV DISTRICT, PHNOM PENH CAPITAL, KINGDOM OF CAMBODIA  
Mã nước KH

Người ủy thác xuất khẩu  
Đại lý Hải quan Mã nhân viên Hải quan  
Số vận đơn Địa điểm lưu kho 49BBGBB CCHQCK THƯƠNG PHUOC  
1 HP079/2024EX Địa điểm dỡ hàng VNTHC CK THUONG PHUOC (DT)  
2 Địa điểm xếp hàng KHZZZ OTHER  
3 Phương tiện vận chuyển 9999 AG - 18555  
4 Ngày hàng đến 26/10/2024  
5 Ký hiệu và số hiệu  
Số lượng 1 ZZ  
Tổng trọng lượng hàng (Gross) 1.568 TNE  
Số lượng container  
Ngày được phép nhập kho đầu tiên  
Mã văn bản pháp quy khác NM

Số hóa đơn A - HP079/2024EX  
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử  
Ngày phát hành 25/10/2024  
Phương thức thanh toán KC  
Tổng trị giá hóa đơn A - EXW - USD - 5.880  
Tổng trị giá tính thuế 181.372.520  
Tổng hệ số phân bổ trị giá 5.880 -  
Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu  
1 - 2 - 3 -  
4 - 5 -  
Mã phân loại khai trị giá 6  
Khai trị giá tổng hợp - -  
Các khoản điều chỉnh  
Phí vận chuyển A - USD - 882  
Phí bảo hiểm D - -  
Mã tên Mã phân loại Trị giá khoản điều chỉnh Tổng hệ số phân bổ  
1 N - AD - USD - 490  
2 - - -  
3 - - -  
4 - - -  
5 - - -

Chi tiết khai trị giá  
Phương thức thanh toán: TT. Miễn kiểm số 2356/SXD-KT&VLXD ngày 28/08/2024.

| Tên sắc thuế  | Tổng tiền thuế | Số dòng tổng | Tổng tiền thuế phải nộp | Tỷ giá tính thuế | VND    |
|---------------|----------------|--------------|-------------------------|------------------|--------|
| 1 V Thuế GTGT | 18.137.252     | VND 1        | 18.137.252              |                  | VND    |
| 2             |                | VND          |                         |                  | VND    |
| 3             |                | VND          |                         | USD -            | 25.010 |

4  
5  
6

VND  
VND  
VND

-  
-

Mã xác định thời hạn nộp thuế  
Mã lý do đề nghị BP

D

Người nộp thuế  
Phân loại nộp thuế

1  
A  
1

Tổng số trang của tờ khai

3

Tổng số dòng hàng của tờ khai

1

50235  
CỘNG HÒA  
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA  
VIỆT NAM  
TUẦN 1  
HUY T. B.



CamScanner

Được quét bằng CamScanner



Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

|                                        |                                                                                                   |                       |             |                                     |      |
|----------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------|-------------------------------------|------|
| Số tờ khai                             | 106676271920                                                                                      | Số tờ khai đầu tiên   | /           |                                     |      |
| Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng |                                                                                                   |                       |             |                                     |      |
| Mã phân loại kiểm tra                  | 2                                                                                                 | Mã loại hình          | A11 6 [ 4 ] | Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai | 2505 |
| Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai |                                                                                                   | THPHUOCDT             |             | Mã bộ phận xử lý tờ khai            | 00   |
| Ngày đăng ký                           | 25/10/2024 18:12:24                                                                               | Ngày thay đổi đăng ký |             | Thời hạn tái nhập/ tái xuất         |      |
| Số đính kèm khai báo điện tử           | 1                                                                                                 |                       | 2           | 3                                   |      |
| Phần ghi chú                           | Hợp đồng vận chuyển và bơm cát số 01/HĐVCHH ngày 23/06/2024, HĐMB số EXP-143/2024 ngày 18/07/2024 |                       |             |                                     |      |

|                                    |                          |          |
|------------------------------------|--------------------------|----------|
| Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp | Số quản lý người sử dụng | 00079    |
| Phân loại chi thị của Hải quan     |                          |          |
| Ngày                               | Tên                      | Nội dung |
| 1                                  | / /                      |          |
| 2                                  | / /                      |          |
| 3                                  | / /                      |          |
| 4                                  | / /                      |          |
| 5                                  | / /                      |          |
| 6                                  | / /                      |          |
| 7                                  | / /                      |          |
| 8                                  | / /                      |          |
| 9                                  | / /                      |          |
| 10                                 | / /                      |          |

|                                             |                                     |
|---------------------------------------------|-------------------------------------|
| Mục thông báo của Hải quan                  | Đội Thường Phước-CC HQ Thường Phước |
| Tên trưởng đơn vị Hải quan                  |                                     |
| Ngày cấp phép                               | 28/10/2024 09:00:22                 |
| Ngày hoàn thành kiểm tra                    | 26/10/2024 08:29:15                 |
| Phân loại thẩm tra sau thông quan           |                                     |
| Ngày phê duyệt BP                           | / /                                 |
| Ngày hoàn thành kiểm tra BP                 | / /                                 |
| Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu |                                     |
| Tổng số tiền thuế chậm nộp                  |                                     |

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

|                                                   |          |          |                |
|---------------------------------------------------|----------|----------|----------------|
| Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành) | Địa điểm | Ngày đến | Ngày khởi hành |
| Thông tin trung chuyển                            | 1        | / /      | ~ / /          |
|                                                   | 2        | / /      | ~ / /          |
|                                                   | 3        | / /      | ~ / /          |
| Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế             |          | / /      |                |



Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai 106676271920 Số tờ khai đầu tiên /  
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng  
Mã phân loại kiểm tra 2 Mã loại hình A11 6 [ 4 ] Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 2505  
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai THPHUOCDT Mã bộ phận xử lý tờ khai 00  
Ngày đăng ký 25/10/2024 18:12:24 Ngày thay đổi đăng ký Thời hạn tái nhập/ tái xuất

<01>

Mã số hàng hóa 25051000 Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận gi: [ ]  
Mô tả hàng hóa Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa (Cát oxit silic)

Số của mục khai khoản điều chỉnh 1  
Trị giá hóa đơn 5.880  
Thuế nhập khẩu  
Trị giá tính thuế(S) 181.372.520 VND  
Số lượng tính thuế  
Thuế suất A 0% -  
Số tiền thuế VND  
Số tiền miễn giảm VND  
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng  
Danh mục miễn thuế nhập khẩu -  
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

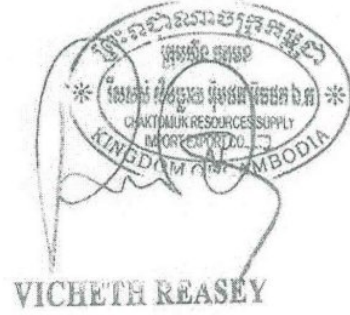
Số lượng (1) 980 MTQ  
Số lượng (2) 1.568.000 KGM  
Đơn giá hóa đơn 6 USD MTQ  
Trị giá tính thuế(M) -  
Đơn giá tính thuế 185.074 - VND - MTQ  
Mã áp dụng thuế tuyệt đối  
Nước xuất xứ KH - CAMBOD - B01  
Mã ngoài hạn ngạch

Thuế và thu khác

|   |                   |                 |                                           |       |
|---|-------------------|-----------------|-------------------------------------------|-------|
| 1 | Tên               | Thuế GTGT       | Mã áp dụng thuế suất                      | VB901 |
|   | Trị giá tính thuế | 181.372.520 VND | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         | 10%             | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | 18.137.252 VND  |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND             |                                           |       |
| 2 | Tên               |                 | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế | VND             | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                 | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | VND             |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND             |                                           |       |
| 3 | Tên               |                 | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế | VND             | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                 | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | VND             |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND             |                                           |       |
| 4 | Tên               |                 | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế | VND             | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                 | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | VND             |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND             |                                           |       |
| 5 | Tên               |                 | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế | VND             | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                 | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | VND             |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND             |                                           |       |





|                                                                                                                                                                                                                |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                   |                                                                     |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| <b>Shipper:</b><br><b>CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.</b><br>ADD: CONCRETE STREET, PHUM DOEUM MAKLEU, SANGKAT CHBAR AMPOV1,<br>KHAN CHBAR AMPOV, PHNOM PENH, CAMBODIA.                      |                                                                                                                                          | <b>BILL OF LADING</b><br>B/L HP080/2024EX                                                                                                         |                                                                     |
| <b>Consigner:</b><br><b>CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN THUONG MAI VA DICH VU TUAN HAI PHAT</b><br>ADD: Group 10, Le Van Loc street, Tan Phu Quarter, Phu My ward, Phu My Twon<br>BaRia-Vung Tau Province, Vietnam |                                                                                                                                          |                                                                 |                                                                     |
| <b>Notify Party:</b><br>SAME AS CONSIGNEE                                                                                                                                                                      |                                                                                                                                          |                                                                                                                                                   |                                                                     |
| <b>Name of Barge:</b><br>AG-25888                                                                                                                                                                              | <b>Vessel Barge:</b><br>KAORM SAMNOR, CAMBODIA                                                                                           | <b>Port of Discharging:</b><br>THUONG PHUOC - VIET NAM                                                                                            |                                                                     |
| <b>Description of Goods</b>                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                          | <b>Gross Weight (MT)</b>                                                                                                                          | <b>MEASUREMENT (CBM)</b>                                            |
| RIVER SAND                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                                          | 2,188.800 MTs                                                                                                                                     | 1,368.00 M³                                                         |
|                                                                                                                                                                                                                | <b>Remark:</b><br>1 Cubi Meter(M³)=1.6 Metric Ton(MT)                                                                                    | <b>SAID TO:</b><br><b>CLEAN ON BOARD</b><br>The Carrir not deing responsible for loss or damage however arising, the Shipper will be responsible. |                                                                     |
|                                                                                                                                                                                                                | <b>Freight Term:</b><br>FREIGHT COLLECT                                                                                                  | <b>Number of Original</b><br>03                                                                                                                   | <b>Place and Date of Issue:</b><br>KAORM SAMNOR<br>October 25, 2024 |
|                                                                                                                                                                                                                | <b>SHIPPER/CARRIER</b><br><br><b>VICHETH REASEY</b> |                                                                                                                                                   |                                                                     |



CamScanner

Được quét bằng CamScanner

ចតុមុខ

វិសេស ស៊ីម៉ង់ត៍ អ៊ីម៉ង់ត៍ អិចប៊ុន ឯ.ក  
CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD

ជាតិ សាសនា ព្រះមហាក្សត្រ

INVOICE

No: HP080/2024EX

Date: October 25, 2024

BUYER NAME:

CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN THUONG MAI VA DICH VU TUAN HAI PHAT

ADD: Group 10, Le Van Loc street, Tan Phu Quarter, Phu My ward, Phu My Town, Ba Ria- Vung Tau Province, Vietnam



SELLER NAME:

CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.

ADD: Concrete street, Derm Mak Khloe village, Chbar Ampov 1 quarter, Chbar Ampov district,

Phnom Penh capital, Kingdom of Cambodia

VAT: L001-902002817

TEL: 012 426 777

FROM: KAARM SAMNOR, CAMBODIA.

ORIGIN: CAMBODIA

TO: VIETNAM

SHIPPED ON BOARD: AG-25888

| No                                | Description | QUANTITY(M <sup>3</sup> ) | UNIT PRICE<br>CUBIC METER | Amount      |
|-----------------------------------|-------------|---------------------------|---------------------------|-------------|
| 1                                 | RIVER SAND  | 1,368.00                  | \$ 6.00                   | \$ 8,208.00 |
| TOTAL EXW Cambodia (Kaarm Samnor) |             |                           |                           | \$ 8,208.00 |

SAY IN WORDS: Eight Thousand Two Hundred Eight Dollars and No Cents

Note: 1 Cubic Meter (M<sup>3</sup>)=1.6 Metric Ton (MT)

Value for Customs Purposes Only

SIGNATURE

  
VICHETH REASEY

ចុះលេខ២១២២ ថ្ងៃទី២៥ ខែតុលា ឆ្នាំ២០២៤ ភ្នំពេញ កម្ពុជា សង្កាត់ច្បារអំពៅទី១ ខណ្ឌច្បារអំពៅ រាជធានីភ្នំពេញ ទូរស័ព្ទលេខ(Tel): (855) 12 262 784



ចតុមុខ

សេវាស៊ីបដោយ អ៊ីម៉ង់ត អ៊ីម៉ង់ត ឯ.ក  
CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD

ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា  
ជាតិ សាសនា ព្រះមហាក្សត្រ

**PACKING LIST**

No: HP080/2024EX

Date: October 25, 2024

**BUYER NAME:**

CONG TY TRACH NHIEM HUU HAN THUONG MAI VA DICH VU TUAN HAI PHAT

ADD: Group 10, Le Van Loc street, Tan Phu Quarter, Phu My ward, Phu My Town, Ba Ria- Vung Tau Province, Vietnam



**SELLER NAME:**

CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.

ADD: Concrete street, Derm Mak Khloeu village, Chbar Ampov 1 quarter, Chbar Ampov district,

Phnom Penh capital, Kingdom of Cambodia

VAT: L001-902002817

TEL: 012 426 777

FROM: KAARM SAMNOR, CAMBODIA.

ORIGIN: CAMBODIA

TO: VIETNAM

SHIPPED ON BOARD: AG-25888

| No                | Description | WEIGHT (MT) | MEASUREMENT(M³) |
|-------------------|-------------|-------------|-----------------|
| 1                 | RIVER SAND  | 2,188.800   | 1,368.00        |
| TOTAL AMOUNT (M³) |             |             | 1,368.00        |

Note: 1 Cubic Meter (M³)=1.6 Metric Ton (MT)

SIGNATURE

VICHETH REASEY

ចុះ: ២៥/១០/២០២៤ លេខ ២៤២ ភូមិដើមម៉ាត់ត្រើ សង្កាត់ច្បារអំពៅទី១ ខណ្ឌច្បារអំពៅ រាជធានីភ្នំពេញ ទូរស័ព្ទលេខ (Tel): (885) 12 262 784

Cục Hải quan Đồng Tháp  
CC HQ CK Thường Phước Đồng Tháp



Ngày 28 tháng 10 năm 2024

**DANH SÁCH HÀNG HÓA**  
**ĐỦ ĐIỀU KIỆN QUA KHU VỰC GIÁM SÁT HẢI QUAN**  
**Tờ khai không phải niêm phong**



1. **Chi cục hải quan giám sát:** CC HQ CK Thường Phước Đồng Tháp - 49BBGBB: CCHQCK THUONG PHUOC
- 6
2. **Đơn vị XNK:** CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT
3. **Mã số thuế:** 3502350772
6. **Ngày tờ khai:** 26/10/2024 - 26/10/2024
4. **Số tờ khai:** 106677186710
7. **Loại hình:** Nhập kinh doanh tiêu dùng
5. **Trạng thái tờ khai:** Thông quan
8. **Luồng:** Vàng
9. **Số quản lý hàng hóa :** HP080/2024EX

| STT | SỐ LƯỢNG HÀNG<br>(1) | TỔNG TRỌNG LƯỢNG HÀNG<br>(2) | LƯỢNG HÀNG HÓA<br>THỰC TẾ QUA KHU VỰC<br>GIÁM SÁT HẢI QUAN<br>(3) | XÁC NHẬN CỦA<br>CÔNG CHỨC HẢI QUAN<br>(4) |
|-----|----------------------|------------------------------|-------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1   | 1 OTHER              | 2188.8 Tấn                   |                                                                   |                                           |

Kết xuất dữ liệu lúc: 28/10/2024 09:18 AM

Ghi chú:

- Cột số (1) lấy từ tiêu chí “Số lượng” trên phần “General” của tờ khai hải quan.
- Cột số (2) lấy từ tiêu chí “Tổng trọng lượng hàng” trên phần “General” của tờ khai hải quan.
- Trường hợp hàng hóa được đưa qua KVGS nhiều lần thì đối với từng lần đưa hàng qua KVGS, công chức hải quan thực hiện:
  - + Cột số (3): ghi rõ lượng hàng từng lần qua KVGS.
  - + Cột số (4): ghi ngày, tháng, năm; ký, đóng dấu công chức.
- Trường hợp giá trị tại cột (1):
  - + khác 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (1);
  - + bằng 1 thì theo dõi lượng hàng tại cột (3) tương ứng theo cột (2).



Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

0667718671

Số tờ khai 106677186710 Số tờ khai đầu tiên / Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai 2505  
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng Mã loại hình A11 6 [ 4 ] Mã bộ phận xử lý tờ khai 00  
Mã phân loại kiểm tra 2 THPHUOCDT Thời hạn tái nhập/ tái xuất  
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai Ngày đăng ký 26/10/2024 12:56:03 Ngày thay đổi đăng ký

Người nhập khẩu  
Mã 3502350772  
Tên CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT  
Mã bưu chính 84  
Địa chỉ Tổ 10, Đường Lê Văn Lộc, Khu phố Tân Phú, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu  
Số điện thoại 0915830930  
Người ủy thác nhập khẩu  
Mã  
Tên



Người xuất khẩu  
Mã  
Tên CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.  
Mã bưu chính  
Địa chỉ CONCRETE STREET, DERM MAK KHLOOEU VILLAGE, CHBAR AMPOV 1 QUATER  
CHBAR AMPOV DISTRICT, PHNOM PENH CAPITAL, KINGDOM OF CAMBODIA  
Mã nước KH

Người ủy thác xuất khẩu  
Đại lý Hải quan Mã nhân viên Hải quan  
Số vận đơn Địa điểm lưu kho 49BBGBB CCHQCK THUONG PHUOC  
1 HP080/2024EX Địa điểm dỡ hàng VNTHC CK THUONG PHUOC (DT)  
2 Địa điểm xếp hàng KHZZZ OTHER  
3 Phương tiện vận chuyển 9999 AG-25888  
4 Ngày hàng đến 26/10/2024  
5 Ký hiệu và số hiệu  
Số lượng 1 ZZ  
Tổng trọng lượng hàng (Gross) 2.188,8 TNE  
Số lượng container  
Ngày được phép nhập kho đầu tiên  
Mã văn bản pháp quy khác NM



Số hóa đơn A - HP080/2024EX  
Số tiếp nhận hóa đơn điện tử  
Ngày phát hành 25/10/2024  
Phương thức thanh toán KC  
Tổng trị giá hóa đơn A - EXW - USD - 8.208  
Tổng trị giá tính thuế 253.181.232  
Tổng hệ số phân bổ trị giá 8.208 -  
Mã kết quả kiểm tra nội dung

Giấy phép nhập khẩu  
1 - 2 - 3 -  
4 - 5 -  
Mã phân loại khai trị giá 6  
Khai trị giá tổng hợp - -  
Các khoản điều chỉnh  
Phí vận chuyển A - USD - 1.231,2  
Phí bảo hiểm D - -  
Mã tên Mã phân loại Trị giá khoản điều chỉnh Tổng hệ số phân bổ  
1 N AD - USD - 684  
2 - - -  
3 - - -  
4 - - -  
5 - - -

Chi tiết khai trị giá  
Phương thức thanh toán: TT. Miễn kiểm số 2356/SXD-KT&VLXD ngày 28/08/2024.

| Tên sắc thuế  | Tổng tiền thuế | Số dòng tổng | Tổng tiền thuế phải nộp | Số tiền bảo lãnh | Tỷ giá tính thuế |
|---------------|----------------|--------------|-------------------------|------------------|------------------|
| 1 V Thuê GTGT | 25.318.123     | VND 1        | 25.318.123              | VND              |                  |
| 2             |                | VND          |                         | VND              |                  |
| 3             |                | VND          |                         | USD -            | 25.010           |

4  
5  
6

VND  
VND  
VND

-  
-

|                               |   |                               |   |
|-------------------------------|---|-------------------------------|---|
| Mã xác định thời hạn nộp thuế | D | Người nộp thuế                | 1 |
| Mã lý do đề nghị BP           |   | Phân loại nộp thuế            | A |
| Tổng số trang của tờ khai     | 3 | Tổng số dòng hàng của tờ khai | 1 |

3507;  
CÔNG T  
NHIỆM H  
G MẠI VÀ  
N HẢI  
T. B. A. P.



CamScanner

Được quét bằng CamScanner



Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai

106677186710

Số tờ khai đầu tiên

/

Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng

Mã phân loại kiểm tra

2

Mã loại hình

A11 6 [ 4 ]

Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai

2505

Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai

THPHUOCDT

Mã bộ phận xử lý tờ khai

00

Ngày đăng ký

26/10/2024 12:56:03

Ngày thay đổi đăng ký

Thời hạn tái nhập/ tái xuất

Số đính kèm khai báo điện tử

1

Số định kèm khai báo điện tử

1

Phần ghi chú

Hợp đồng vận chuyển và bơm cát số 05/HĐVCHH ngày 06/10/2024, HĐMB số EXP-143/2024 ngày 18/07/2024

| Số quản lý của nội bộ doanh nghiệp | Số quản lý người sử dụng | 00080    |
|------------------------------------|--------------------------|----------|
| Phân loại chỉ thị của Hải quan     |                          |          |
| Ngày                               | Tên                      | Nội dung |
| 1                                  | / /                      |          |
| 2                                  | / /                      |          |
| 3                                  | / /                      |          |
| 4                                  | / /                      |          |
| 5                                  | / /                      |          |
| 6                                  | / /                      |          |
| 7                                  | / /                      |          |
| 8                                  | / /                      |          |
| 9                                  | / /                      |          |
| 10                                 | / /                      |          |

Mục thông báo của Hải quan

Tên trưởng đơn vị Hải quan

Đội Thường Phước-CC HQ Thường Phước

Ngày cấp phép

28/10/2024 09:01:23

Ngày hoàn thành kiểm tra

26/10/2024 14:28:22

Phân loại thẩm tra sau thông quan

Ngày phê duyệt BP

/ /

Ngày hoàn thành kiểm tra BP

/ /

Số ngày mong đợi đến khi cấp phép nhập khẩu

Tổng số tiền thuế chậm nộp

Dành cho VAT hàng hóa đặc biệt

| Thời hạn cho phép vận chuyển bảo thuế (khởi hành) | Địa điểm | Ngày đến | Ngày khởi hành |
|---------------------------------------------------|----------|----------|----------------|
| Thông tin trung chuyển                            | 1        | / /      | ~ / /          |
|                                                   | 2        | / /      | ~ / /          |
|                                                   | 3        | / /      | ~ / /          |
| Địa điểm đích cho vận chuyển bảo thuế             |          | / /      |                |

## Tờ khai hàng hóa nhập khẩu (thông quan)

Số tờ khai **106677186710** Số tờ khai đầu tiên /  
Số tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng  
Mã phân loại kiểm tra **2** Mã loại hình **A11 6 [ 4 ]** Mã số hàng hóa đại diện của tờ khai **2505**  
Tên cơ quan Hải quan tiếp nhận tờ khai **THPHUOCDT** Mã bộ phận xử lý tờ khai **00**  
Ngày đăng ký **26/10/2024 12:56:03** Ngày thay đổi đăng ký Thời hạn tái nhập/ tái xuất

&lt;01&gt;

Mã số hàng hóa **25051000** Mã quản lý riêng Mã phân loại tái xác nhận gik [ ]  
Mô tả hàng hóa **Cát tự nhiên dùng cho bê tông và vữa (Cát oxit silic)**

Số của mục khai khoản điều chỉnh **1** Số lượng (1) **1.368** MTQ  
Trị giá hóa đơn **8.208** Số lượng (2) **2.188.800** KGM  
Thuế nhập khẩu Đơn giá hóa đơn **6 USD** MTQ  
Trị giá tính thuế(S) **253.181.232 VND** Trị giá tính thuế(M) **-**  
Số lượng tính thuế Đơn giá tính thuế **185.074 - VND -** MTQ  
Thuế suất **A 0% -** Mã áp dụng thuế tuyệt đối  
Số tiền thuế **VND** Nước xuất xứ **KH - CAMBOD - B01**  
Số tiền miễn giảm **VND** Mã ngoài hạn ngạch  
Số thứ tự của dòng hàng trên tờ khai tạm nhập tái xuất tương ứng  
Danh mục miễn thuế nhập khẩu **-**  
Miễn / Giảm / Không chịu thuế nhập khẩu

## Thuế và thu khác

|   |                   |                  |                                           |       |
|---|-------------------|------------------|-------------------------------------------|-------|
| 1 | Tên               | Thuế GTGT        | Mã áp dụng thuế suất                      | VB901 |
|   | Trị giá tính thuế | 253.181.232 VND  | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         | 10%              | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | 25.318.123,2 VND |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND              |                                           |       |
| 2 | Tên               |                  | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế | VND              | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                  | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | VND              |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND              |                                           |       |
| 3 | Tên               |                  | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế | VND              | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                  | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | VND              |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND              |                                           |       |
| 4 | Tên               |                  | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế | VND              | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                  | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | VND              |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND              |                                           |       |
| 5 | Tên               |                  | Mã áp dụng thuế suất                      |       |
|   | Trị giá tính thuế | VND              | Số lượng tính thuế                        |       |
|   | Thuế suất         |                  | Miễn / Giảm / Không chịu thuế và thu khác |       |
|   | Số tiền thuế      | VND              |                                           |       |
|   | Số tiền miễn giảm | VND              |                                           |       |



**VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA**  
**Dân tộc - Tôn giáo - Quốc vương**

**Bộ Mỏ và Năng lượng**  
**Số: 0124**

**THÔNG BÁO**  
**VỀ**  
**ĐIỀU KIỆN CỦA GIẤY PHÉP MỎ LỘ THIÊN VÀ MỎ ĐÁ**  
**(ĐỐI VỚI KHAI THÁC CÁT)**  
\*\*\*\*\*

**BỘ TRƯỞNG BỘ MỎ VÀ NĂNG LƯỢNG**

- Căn cứ Hiến pháp Vương quốc Campuchia;
- Căn cứ Sắc lệnh số 0823/1981 ngày 22/08/2023 về việc bổ nhiệm Chính phủ Hoàng gia Vương quốc Campuchia;
- Căn cứ Sắc luật số 0618/012 ngày 28/06/2018 ban hành luật về tổ chức và hoạt động của Nội các chính phủ;
- Căn cứ Sắc luật số 1213/017 ngày 09/12/2013 ban hành Luật về thành lập Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Sắc luật số 0701/09 ngày 13/07/2001 ban hành Luật về quản lý và khai thác tài nguyên khoáng sản;
- Căn cứ Sắc luật số 0618/009 ngày 21/06/2018 ban hành Luật sửa đổi bổ sung Điều 3, Điều 23, Điều 30, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, và Điều 40 của Luật về quản lý và khai thác tài nguyên khoáng sản, đã được ban hành theo Sắc luật số 0701/09 ngày 13/07/2001;
- Căn cứ Nghị định số 137 ngày 31/10/2018 về tổ chức và hoạt động của Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ số 72 ngày 08/04/2014 về quy định nguyên tắc quản lý và khai thác tài nguyên cát;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 191 ngày 26/04/2016 về việc phân loại đánh giá tác động môi trường đối với dự án khai thác các loại khoáng sản xây dựng hoặc các khoáng sản khác có tính chất thủ công hoặc khai thác quy mô nhỏ giữa Bộ Môi trường và Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 664 ngày 08/06/2016 về quy định giá thuê đất khu vực giấy phép tài nguyên khoáng sản giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;



- Căn cứ Thông báo chung số 128 ngày 03/02/2017 về việc điều chỉnh Bảng phụ lục của Thông cáo chung số 1451 ngày 03/11/2015 về việc cung cấp dịch vụ công và xử phạt bổ sung tiền mặt của Bộ Mỏ và Năng lượng;

- Căn cứ Thông báo liên bộ số 760 ngày 28/09/2020 về tỉ lệ phí đối với giá trị các khoáng sản và thủ tục đóng phí giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;

- Căn cứ Thông báo liên bộ số 740 ngày 05/11/2021 về việc thành lập Quỹ khoáng sản hỗ trợ công tác phát triển cộng đồng địa phương giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;

- Căn cứ Thông báo liên bộ số 134 ngày 21/02/2024 về thủ tục và quy trình đóng nghĩa vụ tài chính không phải là thuế đối với việc xuất khẩu sản phẩm khoáng sản giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;

- Căn cứ Thông báo số 0210 ngày 14/09/2022 về thủ tục, quy trình và điều kiện đề nghị xin gia hạn và chuyển nhượng giấy phép khai thác mỏ lộ thiên và mỏ đá, và sự thay đổi thành phần cổ đông và/hoặc thay đổi người quản lý công ty/hoặc doanh nghiệp khai thác mỏ cát xây dựng, đất pha cát và sỏi từ sông, hồ, kênh, ao, suối và biển;

- Căn cứ văn bản số 334 ngày 05/03/2020 của Hội đồng Bộ trưởng;

- Căn cứ văn bản số 678 ngày 04/05/2020 của Bộ Nguồn nước và Khí tượng;

- Căn cứ Giấy phép khai thác mỏ lộ thiên và mỏ đá số 0087 ngày 27/07/2022 của Bộ Mỏ và Năng lượng.

- Căn cứ đơn xin gia hạn Giấy phép mỏ lộ thiên và mỏ đá để khai thác cát xây dựng của Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK ngày 09/04/2024;

- Căn cứ Biên bản cuộc họp về các điều khoản Giấy phép giữa Cục khai thác khoáng sản cát xây dựng và Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK ngày 13/05/2024;

- Căn cứ Biên bản cuộc họp về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác giữa Cục khai thác khoáng sản cát xây dựng và Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK ngày 06/07/2020;

- Căn cứ dự kiến kế hoạch sản xuất khai thác cát xây dựng của Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK ngày 13/05/2024;

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Điều 1: Mục đích**

Thông báo này nhằm quy định điều kiện cho phép Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK, có địa chỉ tại Plov Betong, thôn Deum Makhleu, phường Chba Ampov I, quận Chba Ampov, thủ đô Phnom Penh, tiến hành khai thác cát dọc hạ lưu sông Mê Kông ở xã Koki Thom và xã Samronung Thom, huyện Kien Svay, và xã Kampong Phnom, huyện Leuk Dek, tỉnh Kandal và xã Peam



Meanchey, huyện Peam Ro, tỉnh Prey Veng với diện tích 136,10 héc-ta, có điểm tọa độ theo hệ thống WGS\_1984 UTM Zone 48N như dưới đây:

| Điểm | Hoành độ | Tung độ   | Điểm | Hoành độ | Tung độ   |
|------|----------|-----------|------|----------|-----------|
| A    | 5 28 394 | 12 55 335 | F    | 5 29 950 | 12 50 102 |
| B    | 5 28 546 | 12 55 335 | G    | 5 29 578 | 12 50 101 |
| C    | 5 28 549 | 12 54 824 | H    | 5 29 516 | 12 51 282 |
| D    | 5 29 176 | 12 52 984 | I    | 5 29 014 | 12 52 929 |
| E    | 5 29 930 | 12 51 282 | J    | 5 28 389 | 12 54 824 |

## **Điều 2: Nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải tiến hành khai thác tài nguyên khoáng sản trong khu vực giấy phép quy định tại Điều 1 theo quy định của Luật về quản lý và khai thác tài nguyên khoáng sản và các văn bản pháp quy hiện hành.

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải hợp tác tốt, không được làm phiền và cản trở công tác thanh tra của cán bộ thanh tra tài nguyên khoáng sản.

Trong trường hợp công ty xuất khẩu cát ra nước ngoài, công ty phải nộp đơn xin nguyên tắc xác định hạn ngạch (quota) xuất khẩu sản phẩm khoáng sản đến Bộ để công ty đóng thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo luật hiện hành.

## **Điều 3: Nghĩa vụ gửi báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải cung cấp cho Bộ Mỏ và Năng lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội một cách đầy đủ mà có sự nhất trí chính thức từ Bộ Môi trường trong thời gian 06 (sáu) tháng kể từ ngày ký.

## **Điều 4: Nghĩa vụ cắm phao xác định ranh giới giấy phép, biên hiệu (logo) và thời gian khai thác**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải cắm phao nhận biết xác định ranh giới giấy phép như đã nêu trong Điều 1 và phải gìn giữ, bảo vệ nguyên vẹn trong thời gian hiệu lực của Giấy phép tài nguyên khoáng sản.

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải trang bị biên hiệu (logo) của công ty để có thể nhìn rõ trên máy bơm hút cát và sả lan vận chuyển cát.

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải tiến hành khai thác tài nguyên khoáng sản sát từ 06h00 đến 18h00 và phải tham vấn thêm với cộng đồng địa phương và chính quyền sở tại.



### **Điều 5: Nghĩa vụ tham vấn và xin cấp phép trước**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải tham vấn với hoặc đề nghị xin phép trước từ chính quyền địa phương liên quan và cộng đồng sở tại mà có thể chịu tác động từ việc khai thác tài nguyên khoáng sản phù hợp theo giấy phép này.

### **Điều 6: Điều kiện kỹ thuật**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải tiến hành hoạt động khai thác cát trên diện tích đã được xác định tại Điều 1 ở trên và phải thực hiện theo các tiêu chuẩn kỹ thuật sau đây:

- Phải bơm hút di động, không cho phép công ty bơm hút ở cùng một vị trí quá 7 ngày.
- Bơm hút phải tuân thủ điều kiện kỹ thuật đã quy định trong văn bản số 678 ngày 04/05/2020 của Bộ Nguồn nước và Khí tượng.
- Khu vực chứa cát của công ty phải làm bờ bao quanh và bố trí hệ thống xử lý lọc nước đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, tránh việc nước bắn đổ vào sông và ngăn ngừa không để sạt lở bờ.
- Việc vận chuyển phải tuân thủ theo thông tư của Bộ Mỏ và Năng lượng số 0310 ngày 20/10/2015 về các biện pháp đối với việc vận chuyển các loại khoáng sản xây dựng.
- Các điều kiện kỹ thuật khác được quy định bởi Bộ Mỏ và Năng lượng hoặc Tổng Cục tài nguyên khoáng sản.

### **Điều 7: Nghĩa vụ tài chính**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải đóng cho nhà nước các nghĩa vụ thuế và không phải thuế cũng như nghĩa vụ tài chính khác phù hợp với luật và các văn bản pháp quy hiện hành. Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải gửi Bộ kiểm tra trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ khi kết thúc mỗi quý báo cáo về việc khai thác cát, báo cáo về số lượng cát đã bơm hút được và báo cáo bán hoặc đã sử dụng trong mỗi quý.

### **Điều 8: Nghĩa vụ cung cấp báo cáo và thông tin**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải gửi Bộ kiểm tra trong thời gian 15 ngày kể từ khi kết thúc mỗi quý báo cáo về việc khai thác cát, báo cáo về số lượng cát đã bơm hút được và báo cáo bán hoặc đã sử dụng trong mỗi quý.

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải kịp thời báo cáo Bộ Mỏ và Năng lượng trường hợp phát hiện loại khoáng sản khác ngoài khoáng sản là danh mục khai thác trong phạm vi giấy phép của mình và tạm thời dừng các hoạt động khai thác, đợi Bộ kiểm tra quyết định.



## **Điều 9: Quyền treo hoặc thu hồi giấy phép**

Bộ Mỏ và Năng lượng có thể treo hoặc thu hồi giấy phép thông qua việc ra các thông báo bằng văn bản trong những trường hợp dưới đây:

A- Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK không thực hiện theo bất cứ quy định nào của Thông báo này hoặc không tuân thủ quy định hoặc công tác thanh tra nào của Bộ Mỏ và Năng lượng.

B- Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK không thực hiện nghĩa vụ của mình trong thời gian 60 ngày hoặc thời gian nhiều hơn này theo quy định của Bộ Mỏ và Năng lượng để thực hiện hoặc tiến hành thay đổi.

C- Có bất cứ điều kiện kỹ thuật cần thiết nào mà Bộ Mỏ và Năng lượng thấy rằng hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản trong phạm vi giấy phép đã cấp có rủi ro cao đến môi trường hoặc kinh tế hoặc xã hội.

D- Bản báo cáo theo quy định như đã nêu tại các Điều ở trên có tính chất sai hoặc không đúng.

E- Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK trở thành người nợ, phá sản hoặc giải thể

Trường hợp giấy phép bị thu hồi, Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải hoàn thành các nghĩa vụ còn lại của mình trước khi giấy phép bị thu hồi.

## **Điều 10: Hiệu lực**

Thông báo này có hiệu lực phù hợp với hiệu lực của Giấy phép mỏ lộ thiên và mỏ đá số **0124 ngày 24/06/2024**. Trường hợp công ty có ý định xin tiếp tục gia hạn Giấy phép mỏ lộ thiên và mỏ đá phải nộp đơn xin tiếp tục gia hạn giấy phép theo quy định hiện hành của Bộ Mỏ và Năng lượng trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày trước ngày hết hiệu lực của Giấy phép.

Quá thời hạn này, Bộ Mỏ và Năng lượng sẽ bác bỏ đơn xin tiếp tục gia hạn Giấy phép.

## **Điều 11: Triển khai thực hiện**

Chánh Văn phòng, Tổng Cục trưởng Tổng Cục Tài nguyên khoáng sản, Tổng Cục trưởng Tổng Cục Công tác chung, Tổng Thanh tra, Giám đốc Sở Mỏ và Năng lượng tỉnh Kandal, Giám đốc Sở Mỏ và Năng lượng tỉnh Prey Veng và Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK chịu trách nhiệm thực hiện Thông báo này theo nhiệm vụ của mình./.

### **Sao gửi:**

- Văn phòng Nội các;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Kinh tế và Tài chính;
- Bộ Nguồn nước và Khí tượng;
- Bộ Quy hoạch đất đai, Đô thị hoá và Xây dựng;

*Phnom Penh, ngày 24/06/2024*  
**Bộ trưởng Bộ Mỏ và Năng lượng**  
(đã ký và đóng dấu)  
**Keo Ratanak**

- Bộ Môi trường;
- Bộ Nông, Lâm và Ngư nghiệp;
- Ủy ban Quản lý tài nguyên cát;
- Chính quyền tỉnh Kandal;
- Chính quyền tỉnh Prey Veng;
- Chính quyền huyện Leuk Dek;
- Chính quyền huyện Kien Svay;
- Chính quyền huyện Peam Ro;
- Như Điều 11 để thực hiện;
- Văn thư, lưu trữ

Số: 15309/2024/GDLCBA

Chứng thực bản dịch chính xác với văn bản tiếng Khmer

Bộ Ngoại giao và Hợp tác Quốc tế.

Tổng Vụ Pháp chế, Lãnh sự và Biên giới.

Phnom Penh, ngày 12/07/2024

(Ký tên và đóng dấu) Tổng Vụ trưởng: **THO SAMNANG**

Phnom Penh, ngày 24/06/2024

**Bộ trưởng Bộ Mỏ và Năng lượng**

(đã ký và đóng dấu) **Keo Ratanak**

Tôi Vũ Trí Quang, Hộ chiếu số D0028430, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ngày 17 tháng 07 năm 2024

**Người dịch**



**Vũ Trí Quang**

Ngày 17 tháng 07 năm 2024, tại Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia, tôi Trần Văn Phương là Bí thư thứ Nhất, chứng thực Ông Vũ Trí Quang là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực: 119, Quyển số: 01/2024 - SCT/CKND

**TL. ĐẠI SỨ**

**BÍ THƯ THỨ NHẤT**



**Trần Văn Phương**



Scanned with  
**CamScanner**

Được quét bằng CamScanner





**KINGDOM OF CAMBODIA**  
**Nation Religion King**

**MINISTRY OF MINES AND ENERGY**

**N° 0124 SUB. REG. 1005**

**STATEMENT**  
**ON**  
**TERMS OF LICENCE FOR OPEN MINES AND QUARRY SITES**  
**(FOR EXPLOITATION OF CONSTRUCTION SAND)**

**MINISTER OF MINISTRY OF MINES AND ENERGY**

- Having seen the Constitution of the Kingdom of Cambodia;
- Having seen the Royal Decree N° 0823/1981, dated 22 August 2023, on the Appointment of the Royal Government of the Kingdom of Cambodia;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 0618/012, dated 28 June 2018, Promulgating the Law on Management and Function of the Council of Ministers;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 1213/017, dated 09 December 2013, Promulgating the Law on Establishment of Ministry of Mine and Energy;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 0701/09, dated 13 July 2001, Promulgating the Law on Management and Mineral Resource Exploitation ;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 0618/009, dated 21 June 2018, Promulgating the Law on Amendment of the Article 3, Article 23, Article 30, Article 33, Article 34, Article 35, Article 36, Article 37, Article 38, Article 39, and Article 40 of the Law on Management and Mineral Resource Exploitation. Promulgating by the Royal Proclamation N° 0701/09 dated 13 July 2001;
- Having seen the Decree N° 137 dated 31 October 2018, on Management and Function of the Ministry of Mines and Energy;
- Having seen the Decision of the Royal Government N° 72, dated 08 April 2024, on Determination of Principles for Sand Exploitation;
- Having seen the Inter-Ministerial Statement N° 191, dated 26 April 2016, on Classification of Assessment on Environmental Impact for the Project of All kinds of Mineral Construction Exploitations or other Minerals Characterized as Handicraft or Small Enterprise Between Ministry of Economy and Finance, and the Ministry of Mine and Energy;
- Having seen the Inter-Ministerial Statement No 664, dated 8 June 2016, on Determination of Land Fee for Mineral Resource License Area Between Ministry of Economy and Finance, and the Ministry of Mine and Energy;
- Having seen Joint Statement N° 128, dated 3 February 2017, on Revision of the Annex of the Joint Statement No 1451, dated 3 November 2015, on Provision of Public Services and Transitional Fines by Ministry of Mine and Energy;
- Having seen the Inter-Ministerial Prakas No. 760 dated 28 September 2020 on Royalty Rates on Mineral Products and Royalties Payment Procedures;
- Having seen the Inter-Ministerial Prakas No. 740 dated 05 November 2021, on Establishment of a Mineral Fund to Support Local Community Development;
- Having seen the Inter-Ministerial Prakas No. 134 dated 21 February 2024 on the formality and procedure of payment for non fiscal obligations for the export of mineral products between the Ministry of Economy and Finance and the Ministry of Mines and Energy;
- Having seen Prakas No. 0310, dated 11 September 2022 of the Ministry of Mines and Energy on the formality and procedure for Renewal and Transfer of License for Open Mining and Quarrying and Change of Shareholder and/or change of company manager;

enterprise manager for sand mining, construction, sand and gravel construction from rivers, streams, creeks, lakes and sea;

- Reference to Letter N° 334 of the Council of Ministers, dated 5 March 2020;
- Reference to Letter N° 678 of the Ministry of Water Resource and Meteorology, dated 4 May 2020;
- Reference to the terms of license for open mines and quarry sited No. 0087 dated 27 July 2022 of the Ministry of Mines and Energy;
- Reference to letter requesting for renewal of the Company: CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, dated 09 April 2024;
- Reference to Meeting Minutes on terms of License and Minimum Quantity between Department of Construction Sand Exploitation and CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, dated 13 May 2024;
- Reference to Meeting Minutes on terms of Implementation of Financial Obligations and other Obligations between Department of Construction Sand Exploitation and CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, dated 6 July 2020;
- Reference to Project Planning of Production of Mineral Resource Exploitation for Construction Sand of CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, dated 13 May 2024;

## DECIDES

### Article 1.- Purpose

This Statement aims to set the terms for company of CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, located at Concrete Street, Deum Makleu Village, Cbar Ampov I Quarter, Cbar Am Pov District, Phnom Penh, to exploit sand for construction along Mekong River, Koki Thom Commune and Samroung Thom Commune, Kien Svay District and Kampong Phnom Commune, Leuk Dek District Kandal Province, and Peam Meanchey Commune, Peam Ro District, Prey Veng Province, on the land size of 136,10 hectares, with specific location by system of WSG\_1984\_UTM\_Zone\_48N as follows:

| POINT | ABSCISSA | ORDINATE | POINT | ABSCISSA | ORDINATES |
|-------|----------|----------|-------|----------|-----------|
| A     | 528394   | 1255335  | F     | 529950   | 1250102   |
| B     | 528546   | 1255335  | G     | 529578   | 1250101   |
| C     | 528549   | 1254824  | H     | 529516   | 1251282   |
| D     | 529176   | 1252984  | I     | 529014   | 1252929   |
| E     | 529930   | 1251282  | J     | 528389   | 1254824   |

### Article 2: Obligation In Accordance with Legal Regulations

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall operate mineral resources in the business license areas as set in the Article 1 in accordance with Provisions of the Law on Management and Exploitation of Mineral Resources and Other Existing Legal Norms.

In case the Company wishes to export sand abroad, the Company shall apply for export quota of mineral products from the Ministry so as the Company pays royalties and other financial obligations in accordance with the law in force.



### **Article 3: Obligation to Submit the Report of Environmental Impact Assessment**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall submit the Report of Social and Environmental Impact Assessment, to the Ministry of Mines and Energy, with official approval by Ministry of Environment at least 6 months from the date of the signature.

### **Article 4: Obligation to Float the Balloons to Mark the Business Boundary and Hours of Operation**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall float the balloons to mark the business boundary as stipulated in the Article 1 and shall maintain and protect it during the validity of mineral resource license.

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall operate sand mineral resources, starting from 06:00hr to 18:00hr and shall further consult with local communities and authorities concerned.

### **Article 5: Obligation to Consultation and Permission in Advance**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall consult and request an advance permission from the local communities and authorities concerned that may be affected by the operations of mineral resource in accordance with this license.

### **Article 6: Technical Norms**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall run the construction sand business on designated land as set out in the above Article 1 and must abide by the following technical specifications:

- Shall dredge sand by moving from one place to another, and shall not stay at one place more than 7 days;
- Shall dredge with respect to due techniques set out in the Letter N° 678 dated 4 May 2020, of the Ministry of Water Resource and Meteorology;
- The sand depots shall build dam around it, and set up water filtration system properly and technically, avoid draining of muddy water into the river, and to prevent riverbank from collapse.;
- Transportations shall abide by the Circular of Ministry of Mine and Energy N° 0310 dated 20 October 2015, on Rules for Transportations of All Kind of Construction Mines;
- Other conditions required by the Ministry of Mines and Energy and General Departments of Mines

### **Article 7: Financial obligations**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, must pay the state its non-tax and other financial obligations in accordance with the laws and regulations in force. CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD shall submit to the Ministry for review within 15 days after the end of each quarter the report on sand mining, the report on the amount of sand, Which can be pumped and reported on sales or used in each quarter.

#### **Article 8: Obligations to provide reports and information**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD shall submit to the Ministry for review within 15 days after the end of each quarter the report on sand mining, the report on the amount of sand. Which can be pumped and reported on sales or used in each quarter.

CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD must immediately report to the Ministry of Mines and Energy in the event of the discovery of any minerals other than minerals that are the subject of business in its license. And have to temporarily suspend business activities pending a decision from the Ministry.

#### **Article 9: Right to suspend or revoke a license**

The Ministry of Mines and Energy may suspend or revoke the license by issuing a notice Written notice in the following cases:

- A- CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD. Fails to comply with any provision of this Prakas or fails to comply with any regulations or inspections issued by the Ministry. Minerals and energy;
  - B- CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD Fails to perform its duties for 60 days or longer as required by the Ministry of Mines and Energy. Or make modifications ;
  - C- There are any necessary technical conditions that the Ministry of Mines and Energy considers to operate mineral resources in a licensed domain that poses a high environmental or economic or social risk.
  - D- Reports reported as defined in the above article are inaccurate or inaccurate.
  - E- CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD. Becomes indebted, bankrupt or liquidated.
- In case the license is revoked, Chaktomuk RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD is not exempted from fulfilling all its remaining obligations. Before the license is revoked. ND ENE Article

#### **Article 10: Validity**

This Prakas is valid in accordance with the validity of the open mine license and quarry site number 0124 dated 24 June 2024. In the case of companies wishing to renew their open mining and quarry licenses, they must apply to the Ministry of Mines and Energy for renewal of their licenses during 60 (sixty) days before the license expires.

After this expiration, the Ministry of Mines and Energy will reject the license renewal.



## Article 11: Implementation

Director of the Cabinet, Director-General of Directorate-General of Mineral Resources, Director-General of Directorate-General of General Affairs, Inspector-General, Chief of Mines and Energy Office of Kandal Province, Chief of Mines and Energy Office of Prey Veng Province, and the Company CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall implement this Statement according to their respective duties.

Phnom Penh, dated 24 June 2024

**MINISTER OF MINISTRY OF MINE AND ENERGY**

Signed and sealed: **KEO RATANAK**

### Recipients:

- Council of Ministers
- Ministry of Interior
- Ministry of Economy and Finance
- Ministry of Water Resource and Meteorology
- Ministry of Land Management, Urbanization and Construction
- Ministry of Environment
- Ministry of Agriculture, Forestry and Fishery
- Committee for Sand Resource Management
- Administration of Kandal Province
- Administration of Prey Veng Province
- Administration of Leuk Dek District
- Administration of Kien Svay District
- Administration of Peam Ro District
- As Article 11 For Implementation
- Documentation-Archive

No. 15309/2024/GDLCBA

Certified correct translation with the Khmer text.

Ministry of Foreign Affairs and Int.al Cooperation.

General Department of Legal and Consular and Border Affairs

Phnom Penh, 12 July 2024



**THO SAMNANG**  
Director General



ĐẠI SỨ QUÁN NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM TẠI V.Q. CAMPUCHIA  
EMBASSY OF THE S.R. OF VIETNAM IN THE KINGDOM OF CAMBODIA

CHỨNG NHẬN / HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ  
CONSULAR AUTHENTICATION  
Việt Nam

1. Quốc gia  
Country

Giấy tờ, tài liệu này  
This public document  
THO SAMNANG

2. do Ông (Bà)

has been signed by

3. với chức danh

acting in the capacity of

4. và con dấu của

bears the seal/stamp of

Tổng Vụ trưởng Vụ Luật, Lãnh sự và Biên giới

Bộ Ngoại giao và

Hợp tác quốc tế Campuchia

được chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự  
Certified

5. tại  
at

Phnom Penh

6. ngày 17 07 2024

the

7. Cơ quan cấp

Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia

8. Số

099

CNLS/HPHLS

Nº

Ký tên và đóng dấu  
Signature and seal/stamp  
Bí thư thứ nhất



Scanned with



CamScanner

Được quét bằng CamScanner





**ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល**  
**Ministry of Mines and Energy**  
**លេខ: ០១២៤៦៧៨៩១០**

**ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា**  
**ជាតិ សាសនា ព្រះមហាក្សត្រ**  
**Kingdom of Cambodia**  
**Nation Religion King**

**ប្រកាស**  
**ស្តីពី**  
**លក្ខខណ្ឌនៃអាជ្ញាបណ្ណអន្តរាគមន៍រ៉ែបើក និងការដ្ឋាននាយឆ្នំ**  
**(សម្រាប់អាជីវកម្មខ្សែចង្វាក់)**

**រដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល**

- បានឃើញរដ្ឋធម្មនុញ្ញនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា
- បានឃើញព្រះរាជក្រឹត្យលេខនស/រកត/០៨២៣/១៩៨១ ចុះថ្ងៃទី២២ ខែសីហា ឆ្នាំ២០២៣ ស្តីពីការតែងតាំងរាជរដ្ឋាភិបាលនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា
- បានឃើញព្រះរាជក្រមលេខនស/រកម/០៦១៨/០១២ ចុះថ្ងៃទី២៨ ខែមិថុនា ឆ្នាំ២០១៨ ដែលប្រកាសឱ្យប្រើច្បាប់ស្តីពីការរៀបចំ និងការប្រព្រឹត្តទៅនៃគណៈរដ្ឋមន្ត្រី
- បានឃើញព្រះរាជក្រមលេខនស/រកម/១២១៣/០១៧ ចុះថ្ងៃទី៩ ខែធ្នូ ឆ្នាំ២០១៣ ដែលប្រកាសឱ្យប្រើច្បាប់ស្តីពីការបង្កើតក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញព្រះរាជក្រមលេខនស/រកម/០៧០១/០៩ ចុះថ្ងៃទី១៣ ខែកក្កដា ឆ្នាំ២០០១ ដែលប្រកាសឱ្យប្រើច្បាប់ស្តីពីការគ្រប់គ្រង និងការធ្វើអាជីវកម្មធនធានរ៉ែ
- បានឃើញព្រះរាជក្រមលេខនស/រកម/០៦១៨/០០៩ ចុះថ្ងៃទី២១ ខែមិថុនា ឆ្នាំ២០១៨ ដែលប្រកាសឱ្យប្រើច្បាប់ស្តីពីវិសោធនកម្មមាត្រា៣ មាត្រា២៣ មាត្រា៣០ មាត្រា៣៣ មាត្រា៣៤ មាត្រា៣៥ មាត្រា៣៦ មាត្រា៣៧ មាត្រា៣៨ មាត្រា៣៩ និងមាត្រា៤០ នៃច្បាប់ស្តីពីការគ្រប់គ្រង និងការធ្វើអាជីវកម្មធនធានរ៉ែដែលត្រូវប្រកាសឱ្យប្រើដោយព្រះរាជក្រមលេខនស/រកម/០៧០១/០៩ ចុះថ្ងៃទី១៣ ខែកក្កដា ឆ្នាំ២០០១
- បានឃើញអនុក្រឹត្យលេខ១៣៧ អនក្រ.បក ចុះថ្ងៃទី៣១ ខែតុលា ឆ្នាំ២០១៨ ស្តីពីការរៀបចំ និងការប្រព្រឹត្តទៅរបស់ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញសេចក្តីសម្រេចរបស់រាជរដ្ឋាភិបាលលេខ៧២ សស ចុះថ្ងៃទី៨ ខែមេសា ឆ្នាំ២០២៤ ស្តីពីការកំណត់គោលការណ៍គ្រប់គ្រង និងការធ្វើអាជីវកម្មធនធានខ្សែចង្វាក់



Scanned with  
**CamScanner**

Được quét bằng CamScanner

- បានឃើញប្រកាសអន្តរក្រសួងលេខ១៩១ ប្រក.បស្ត ចុះថ្ងៃទី២៦ ខែមេសា ឆ្នាំ២០១៦ ស្តីពី ចំណាត់ថ្នាក់នៃការវាយតម្លៃហេតុប៉ះពាល់បរិស្ថាន សម្រាប់គម្រោងអាជីវកម្មវ៉ែស៊ីណង់គ្រប់ប្រភេទ ឬវ៉ែផ្សេង ទៀតដែលមានលក្ខណៈជាសិប្បកម្ម ឬអាជីវកម្មខ្នាតតូចរវាងក្រសួងបរិស្ថាន និង ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញប្រកាសអន្តរក្រសួងលេខ៦៦៤ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី៨ ខែមិថុនា ឆ្នាំ២០១៦ ស្តីពី ការកំណត់ថ្លៃឈ្នួលដីតំបន់អាជ្ញាបណ្ណធនធានរ៉ែ រវាងក្រសួងសេដ្ឋកិច្ច និងហិរញ្ញវត្ថុ និងក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញប្រកាសរួមលេខ១២៨ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី៣ ខែកុម្ភៈ ឆ្នាំ២០១៧ ស្តីពីការកែសម្រួល តារាងឧបសម្ព័ន្ធក្នុងប្រកាសរួមលេខ១៤៥១ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី៣ ខែវិច្ឆិកា ឆ្នាំ២០១៥ ស្តីពីការផ្តល់សេវាសាធារណៈ និងការពិន័យអន្តរការណ៍ជាប្រាក់ដោយក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញប្រកាសអន្តរក្រសួងលេខ៧៦០ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី២៨ ខែកញ្ញា ឆ្នាំ២០២០ ស្តីពី អត្រាសូយសារលើតម្លៃផលិតផលរ៉ែនិងនីតិវិធីនៃការបង់ថ្លៃសូយសាររវាងក្រសួងសេដ្ឋកិច្ច និង ហិរញ្ញវត្ថុ និងក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញប្រកាសអន្តរក្រសួងលេខ៧៤០ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី៥ ខែវិច្ឆិកា ឆ្នាំ២០២១ ស្តីពីការ បង្កើតមូលនិធិវេទ្យាទ្រង់កិច្ចអភិវឌ្ឍន៍សហគមន៍មូលដ្ឋានរវាងក្រសួងសេដ្ឋកិច្ច និងហិរញ្ញវត្ថុ និង ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញប្រកាសអន្តរក្រសួងលេខ១៣៤ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី២១ ខែកុម្ភៈ ឆ្នាំ២០២៤ ស្តីពី បែបបទ និងនីតិវិធីនៃការបង់កាតព្វកិច្ចហិរញ្ញវត្ថុមិនមែនសារពើពន្ធសម្រាប់ការនាំចេញផលិតផលរ៉ែ រវាងក្រសួងសេដ្ឋកិច្ច និងហិរញ្ញវត្ថុ និងក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញប្រកាសលេខ០២១០ រថ.អខស.ប្រក ចុះថ្ងៃទី១៤ ខែកញ្ញា ឆ្នាំ២០២២ របស់ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល ស្តីពីបែបបទនីតិវិធី និងលក្ខខណ្ឌនៃការស្នើសុំការបន្ត និងការផ្ទេរសិទ្ធិអាជ្ញាបណ្ណ អណ្តូងរ៉ែបើក និងការដ្ឋានវាយថ្ម និងការផ្លាស់ប្តូរសមាសភាពភាគហ៊ុន និង/ឬការផ្លាស់ប្តូរអ្នក គ្រប់គ្រងក្រុមហ៊ុន/សហគ្រាសសម្រាប់អាជីវកម្មរ៉ែខ្សាច់សំណង់ ដីឈ្មោយខ្សាច់ និងក្រសួងរ៉ែប្រភព ទន្លេ ស្ទឹង ព្រែក បឹង អូរ និងសមុទ្រ
- យោងលិខិតលេខ៣៣៤ សជណ.កជ ចុះថ្ងៃទី៥ ខែមីនា ឆ្នាំ២០២០ របស់ទីស្តីការគណៈរដ្ឋមន្ត្រី
- យោងលិខិតលេខ៦៧៨ ជទខ ចុះថ្ងៃទី៤ ខែឧសភា ឆ្នាំ២០២០ របស់ក្រសួងធនធានទឹក និង ឧតុនិយម
- យោងអាជ្ញាបណ្ណអណ្តូងរ៉ែបើក និងការដ្ឋានវាយថ្មលេខ០០៨៧ រថ.អជរ.អប ចុះថ្ងៃទី២៧ ខែកក្កដា ឆ្នាំ២០២២ របស់ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល



- យោងពាក្យស្នើសុំបន្តអាជ្ញាបណ្ណអណ្តូងប្រេង និងការដ្ឋានវាយថ្នល់សម្រាប់ធ្វើអាជីវកម្មខ្សាច់សំណង់របស់ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ចុះថ្ងៃទី៩ ខែមេសា ឆ្នាំ២០២៤
- យោងកំណត់ហេតុប្រជុំពិភាក្សាលើការផ្តល់អាជ្ញាបណ្ណរវាងនាយកដ្ឋានអាជីវកម្មខ្សាច់សំណង់ និងក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ចុះថ្ងៃទី១៣ ខែឧសភា ឆ្នាំ២០២៤
- យោងកំណត់ហេតុប្រជុំពិភាក្សាអំពីលក្ខខណ្ឌតម្រូវដើម្បីទទួលបានអាជ្ញាបណ្ណ និងកាតព្វកិច្ចដែលត្រូវអនុវត្តរវាងនាយកដ្ឋានអាជីវកម្មខ្សាច់សំណង់ និងក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ចុះថ្ងៃទី១៣ ខែឧសភា ឆ្នាំ២០២៤
- យោងគម្រោងផែនការផលិតកម្មអាជីវកម្មខ្សាច់សំណង់របស់ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ចុះថ្ងៃទី១៥ ខែឧសភា ឆ្នាំ២០២៤

### សង្ខេប

#### ប្រការ១.- គោលបំណង

ប្រកាសនេះមានគោលបំណងកំណត់លក្ខខណ្ឌឱ្យក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ដែលមានអាសយដ្ឋាននៅផ្លូវបេតុង ភូមិដើមម៉ាក់ភ្លើ សង្កាត់ច្បារអំពៅទី១ ខណ្ឌច្បារអំពៅ រាជធានីភ្នំពេញ ធ្វើអាជីវកម្មខ្សាច់ស្ថិតនៅតាមដងទន្លេមេគង្គក្រោម ឃុំគគីរធំ និងឃុំសំរោងធំ ស្រុកកៀនស្វាយ និងឃុំកំពង់ភ្នំ ស្រុកលើកដែក ខេត្តកណ្តាល និងឃុំពាមមានជ័យ ស្រុកពាមរក៍ ខេត្តព្រៃវែង ទំហំផ្ទៃដី១៣៦,១០ហិកតា ដែលមាននិយាមកាតាមប្រព័ន្ធ WGS\_1984\_UTM\_Zone\_48N ដូចខាងក្រោម៖

| ចំណុច | អាបស៊ីស  | អ័រដោណេ   | ចំណុច | អាបស៊ីស  | អ័រដោណេ   |
|-------|----------|-----------|-------|----------|-----------|
| A     | 5 28 394 | 12 55 335 | F     | 5 29 950 | 12 50 102 |
| B     | 5 28 546 | 12 55 335 | G     | 5 29 578 | 12 50 101 |
| C     | 5 28 549 | 12 54 824 | H     | 5 29 516 | 12 51 282 |
| D     | 5 29 176 | 12 52 984 | I     | 5 29 014 | 12 52 929 |
| E     | 5 29 930 | 12 51 282 | J     | 5 28 389 | 12 54 824 |

#### ប្រការ២.- ភារកិច្ចអនុលោមតាមបទប្បញ្ញត្តិច្បាប់

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវដំណើរការប្រតិបត្តិការធនធានរ៉ែ



លេខ ១ មហាវិថីព្រះនរោត្តម សង្កាត់វត្តភ្នំ ខណ្ឌព្រះនរោត្តម រាជធានីភ្នំពេញ ទូរស័ព្ទ (៨៥៥) ២៣ ២១៩ ៥៧៤

81, Preah Norodom Blvd, Sangkat Wat Phnom, Khan Daun Penh, Phnom Penh. Tel: (855) 23 219 574 www.mme.gov.kh info@mme.gov.kh



Scanned with  
CamScanner

Được quét bằng CamScanner





**ប្រការ៦.- បទដ្ឋានបច្ចេកទេស**

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវដំណើរការអាជីវកម្មខ្សាច់លើផ្ទៃដី ដែលបានកំណត់ក្នុងប្រការ១ខាងលើ និងត្រូវអនុវត្តតាមលក្ខណៈបច្ចេកទេសដូចខាងក្រោម៖

- ត្រូវបូមចល័ត មិនអនុញ្ញាតឱ្យក្រុមហ៊ុនបូមនៅថេរមួយកន្លែងលើសពី៧ថ្ងៃឡើយ
- បូមត្រូវគោរពតាមលក្ខខណ្ឌបច្ចេកទេសដែលបានកំណត់ក្នុងលិខិតលេខ២៧៨ ធ្វើ ចុះថ្ងៃទី៤ ខែឧសភា ឆ្នាំ២០២០ របស់ក្រសួងធនធានទឹក និងឧតុនិយម
- ទីតាំងស្តុកខ្សាច់របស់ក្រុមហ៊ុនត្រូវធ្វើទំនប់ព័ទ្ធជុំវិញ និងរៀបចំប្រព័ន្ធចម្រោះទឹក ឱ្យបានត្រឹមត្រូវតាមលក្ខណៈបច្ចេកទេស ចៀសវាងការបង្ហូរទឹកដែលល្អកកចូល ក្នុងទន្លេ និងបង្ការកុំឱ្យមានការបាក់ប្រាំង
- ការដឹកជញ្ជូនត្រូវគោរពតាមសភាពរបស់ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពលលេខ០៣១០ ថេ. អធ.សរច ចុះថ្ងៃទី២០ ខែតុលា ឆ្នាំ២០១៥ ស្តីពីវិធានការចំពោះការដឹកជញ្ជូនរ៉ែ សំណង់គ្រប់ប្រភេទ
- លក្ខខណ្ឌបច្ចេកទេសផ្សេងទៀត ដែលកំណត់ដោយក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល ឬ អគ្គនាយកដ្ឋានធនធានរ៉ែ។

**ប្រការ៧.- កាតព្វកិច្ចហិរញ្ញវត្ថុ**

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវបង់ជូនរដ្ឋនូវកាតព្វកិច្ចសារពើពន្ធ មិនមែនសារពើពន្ធ និងកាតព្វកិច្ចហិរញ្ញវត្ថុផ្សេងៗស្របតាមច្បាប់ និងលិខិតបទដ្ឋានគតិយុត្ត ជាធរមាន។

**ប្រការ៨.- កាតព្វកិច្ចផ្តល់របាយការណ៍ និងព័ត៌មាន**

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវដាក់ជូនក្រសួងពិនិត្យក្នុង អំឡុងពេល១៥ថ្ងៃ បន្ទាប់ពីដំណាច់ត្រីមាសនីមួយៗនូវរបាយការណ៍ស្តីពីការធ្វើអាជីវកម្ម ខ្សាច់ របាយការណ៍ស្តីពីបរិមាណខ្សាច់ដែលបូមយកបាន និងរបាយការណ៍លក់ ឬបានប្រើប្រាស់ក្នុង ត្រីមាសនីមួយៗ។

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវរាយការណ៍ជូនក្រសួងរ៉ែ និង ថាមពលជាបន្ទាន់ ក្នុងករណីប្រទះឃើញនូវប្រភេទរ៉ែផ្សេងៗ ក្រៅពីរ៉ែដែលជាកម្មវត្ថុនៃអាជីវកម្ម ក្នុងដែនអាជ្ញាបណ្ណរបស់ខ្លួន ហើយត្រូវផ្អាកសកម្មភាពអាជីវកម្មជាបណ្តោះអាសន្នសិន រង់ចាំ ការពិនិត្យសម្រេចពីក្រសួង។

**ប្រការ៩.- សិទ្ធិក្នុងការល្បួចទុក ឬដកហូតអាជ្ញាបណ្ណ**

ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពលអាចល្បួចទុក ឬដកហូតអាជ្ញាបណ្ណ ដោយចេញនូវសេចក្តីជូនដំណឹងជាលាយលក្ខណ៍អក្សរក្នុងករណីដូចខាងក្រោម៖

ក/.ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ រ៉ែសស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ខកខានក្នុងការអនុវត្តតាមបទប្បញ្ញត្តិណាមួយនៃប្រកាសនេះ ឬមិនគោរពតាមបទបញ្ជា ឬអធិការកិច្ចណាមួយដែលចេញដោយក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល

ខ/.ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ រ៉ែសស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ខកខានក្នុងការអនុវត្តកាតព្វកិច្ចរបស់ខ្លួនក្នុងរយៈពេល៦០ថ្ងៃ ឬកំឡុងពេលច្រើនជាងនេះតាមការកំណត់របស់ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពលឱ្យអនុវត្ត ឬធ្វើការកែប្រែ

គ/.មានលក្ខខណ្ឌបច្ចេកទេសចាំបាច់ណាមួយដែលក្រសួងរ៉ែ និងថាមពលពិនិត្យឃើញថាប្រតិបត្តិការធនធានរ៉ែក្នុងដែនអាជ្ញាបណ្ណដែលបានចេញឱ្យមានហានិភ័យខ្ពស់ដល់បរិស្ថាន ឬសេដ្ឋកិច្ច ឬសង្គម

ឃ/.របាយការណ៍ដែលបានរាយការណ៍តាមការកំណត់ ដូចមានចែងក្នុងប្រការខាងលើ មានលក្ខណៈមិនពិត ឬមិនត្រឹមត្រូវ

ង/.ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ រ៉ែសស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ក្លាយជាអ្នកដឹកនាំបំណុល ក្ស័យធន ឬត្រូវរំលាយ។

ករណីអាជ្ញាបណ្ណត្រូវដកហូត ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ រ៉ែសស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) មិនត្រូវបានអនុញ្ញាតឱ្យបង្កើតការបំពេញកាតព្វកិច្ចទាំងអស់របស់ខ្លួនដែលនៅសេសសល់ មិនបានអនុវត្តនាពេលមុនអាជ្ញាបណ្ណត្រូវបានដកហូតឡើយ។

**ប្រការ១០.- សុពលភាព**

ប្រកាសនេះមានសុពលភាពស្របតាមសុពលភាពរបស់អាជ្ញាបណ្ណអណ្តូងរ៉ែបើក និងការផ្ទេរវាយចូលលេខ ០១២៤ រថ.អធ.អប ចុះថ្ងៃទី ២៤ ខែ ឧសភា ឆ្នាំ ២០២៤។

ក្នុងករណីក្រុមហ៊ុនដែលមានបំណងបន្តអាជ្ញាបណ្ណអណ្តូងរ៉ែបើក និងការផ្ទេរវាយចូលត្រូវដាក់ពាក្យស្នើសុំបន្តអាជ្ញាបណ្ណស្របតាមបទប្បញ្ញត្តិជាធរមានមកក្រសួងរ៉ែ និងថាមពលក្នុងអំឡុងពេល៦០ (ហុកសិប) ថ្ងៃ មុនអាជ្ញាបណ្ណផុតសុពលភាព។ ផុតរយៈពេលនេះ ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពលនឹងបដិសេធពាក្យស្នើសុំបន្តអាជ្ញាបណ្ណ។



**ប្រការ១១.- ការអនុវត្ត**

នាយិកាខុទ្ទកាល័យ អគ្គនាយកនៃអគ្គនាយកដ្ឋានធនធានវៃ អគ្គនាយកនៃអគ្គនាយកដ្ឋាន  
កិច្ចការទូទៅ អគ្គាធិការនៃអគ្គាធិការដ្ឋាន ប្រធានមន្ទីរវៃ និងថាមពលខេត្តកណ្តាល  
ប្រធានមន្ទីរវៃ និងថាមពលខេត្តព្រៃវែង និងក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត  
អ៊ិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវ  
ទទួលបន្ទុកអនុវត្តប្រកាសនេះតាមភារកិច្ចរៀងៗខ្លួន។

ថ្ងៃចន្ទ ៣១ ខែ ធ្នូ ឆ្នាំរោង ឆស័ក ព.ស ២៥៦៨  
ធ្វើនៅរាជធានីភ្នំពេញ ថ្ងៃទី ២៤ ខែ មិថុនា ឆ្នាំ២០២៤

  
រដ្ឋមន្ត្រី  
  
អ៊ែវ-គេង

កន្លែងទទួល៖

- ទីស្តីការគណៈរដ្ឋមន្ត្រី
- ក្រសួងមហាផ្ទៃ
- ក្រសួងសេដ្ឋកិច្ច និងហិរញ្ញវត្ថុ
- ក្រសួងធនធានទឹក និងឧតុនិយម
- ក្រសួងរៀបចំដែនដី នគរូបនីយកម្ម និងសំណង់
- ក្រសួងបរិស្ថាន
- ក្រសួងកសិកម្ម រុក្ខាប្រមាញ់ និងនេសាទ
- គណៈកម្មាធិការគ្រប់គ្រងធនធានខ្សាច់
- រដ្ឋបាលខេត្តកណ្តាល
- រដ្ឋបាលខេត្តព្រៃវែង
- រដ្ឋបាលស្រុកលើកដែក
- រដ្ឋបាលស្រុកភៀនស្វាយ
- រដ្ឋបាលស្រុកពាមកើ
- ដូចប្រការ១១ ដើម្បីអនុវត្ត
- ឯកសារ ការព្យាបាល



**VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA**  
**Dân tộc - Tôn giáo - Quốc vương**

**Bộ Mỏ và Năng lượng**  
**Số: 0124**

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC MỎ LỘ THIÊN VÀ MỎ ĐÁ**  
**BỘ TRƯỞNG BỘ MỎ VÀ NĂNG LƯỢNG**

- Căn cứ Hiến pháp Vương quốc Campuchia;
- Căn cứ Sắc lệnh Hoàng gia số 0823/1981 ngày 22/08/2023 về việc bổ nhiệm Chính phủ Hoàng gia Vương quốc Campuchia;
- Căn cứ Sắc luật số 0618/012 ngày 28/06/2018 ban hành luật về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Bộ trưởng
- Căn cứ Sắc luật số 1213/017 ngày 09/12/2013 ban hành Luật về thành lập Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Sắc luật số 0701/09 ngày 13/07/2001 ban hành Luật về quản lý và khai thác tài nguyên khoáng sản;
- Căn cứ Sắc luật số 0618/009 ngày 21/06/2018 ban hành Luật sửa đổi bổ sung Điều 3, Điều 23, Điều 30, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, và Điều 40 của Luật về quản lý và khai thác tài nguyên khoáng sản, đã được ban hành theo Sắc luật số 0701/09 ngày 13/07/2001;
- Căn cứ Nghị định số 137 ngày 31/10/2018 về tổ chức và hoạt động của Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ số 72 ngày 08/04/2014 về quy định nguyên tắc quản lý việc thăm dò và khai thác tài nguyên cát;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 191 ngày 26/04/2016 về việc phân loại đánh giá tác động môi trường đối với dự án khai thác các loại khoáng sản xây dựng hoặc khoáng sản khác có tính chất thủ công nghiệp hoặc khai thác nhỏ giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 664 ngày 08/06/2016 về quy định giá thuê đất khu vực giấy phép tài nguyên khoáng sản giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Thông báo chung số 128 ngày 03/02/2017 về việc điều chỉnh Bảng phụ lục của Thông cáo chung số 1451 ngày 03/11/2015 về việc cung cấp dịch vụ công và xử phạt bổ sung tiền mặt của Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 760 ngày 28/09/2020 về Tỷ lệ thù lao đối với giá sản phẩm khoáng sản và thủ tục thanh toán tiền bản quyền giữa Bộ Kinh tế và Tài chính với Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 740 ngày 05/11/2021 về việc thành lập Quỹ khoáng sản hỗ trợ phát triển của cộng đồng địa phương;



- Căn cứ Thông báo số 0210 ngày 14/09/2022 về thủ tục, quy trình và điều kiện đề nghị xin gia hạn và chuyển nhượng giấy phép khai thác mỏ lộ thiên và mỏ đá, và sự thay đổi thành phần cổ đông và/hoặc thay đổi người quản lý công ty/hoặc doanh nghiệp khai thác mỏ cát xây dựng và sỏi từ sông, hồ, kênh, ao, suối và biển;

- Căn cứ Giấy phép khai thác mỏ lộ thiên và mỏ đá số 0087 ngày 27/07/2022 của Bộ Mỏ và Năng lượng.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Cho phép Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK, có địa chỉ tại Đường Concrete, Làng Deum Makleu, Khu phố Chbar Ampov 1, Quận Chbar Ampov, Thủ đô Phnom Penh, tiến hành khai thác cát dọc hạ lưu sông Mê Kông ở xã Koki Thom và xã Samroung Thom, huyện Kien Svay, và xã Kampong Phnom, huyện Leuk Dek, tỉnh Kandal và xã Peam Meanchey, huyện Peam Ro, tỉnh Prey Veng.

**Điều 2:** Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK được tiến hành khai thác tài nguyên khoáng sản trong phạm vi giấy phép có tọa độ quy định trong bản đồ của giấy phép và phù hợp với Thông báo số 0124 về điều kiện giấy phép khai thác mỏ lộ thiên và mỏ (đối với việc khai thác cát) theo các điều khoản giấy phép khai thác công nghiệp (đối với việc quản lý khai thác).

**Điều 3:** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày 10/07/2024 đến ngày 10/07/2026.

**Điều 4:** Chánh Văn phòng, Tổng Cục trưởng Tổng Cục Tài nguyên khoáng sản, Tổng Cục trưởng Tổng Cục Công tác chung, Tổng Thanh tra, Giám đốc Sở Mỏ và Năng lượng tỉnh Kandal, và Giám đốc Sở Mỏ và Năng lượng tỉnh Prey Veng, và Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK chịu trách nhiệm thực hiện hiệu quả theo nhiệm vụ của mình./.

## BẢN ĐỒ VỊ TRÍ KHU VỰC KHAI THÁC

| Điểm                                             | Hoành độ | Tung độ |
|--------------------------------------------------|----------|---------|
| A                                                | 528394   | 1255335 |
| B                                                | 528546   | 1255335 |
| C                                                | 528549   | 1254824 |
| D                                                | 529176   | 1252984 |
| E                                                | 529930   | 1251282 |
| F                                                | 529950   | 1250102 |
| G                                                | 529578   | 1250101 |
| H                                                | 529516   | 1251282 |
| I                                                | 529014   | 1252929 |
| J                                                | 528389   | 1254824 |
| Diện tích 136,10 héc-ta<br>WGS 1984 UTM ZONE 48N |          |         |



Số: 15309/2024/GDL/CBA  
Chứng thực bản dịch chính xác với văn bản tiếng Khmer  
Bộ Ngoại giao và Hợp tác Quốc tế  
Tổng Vụ Pháp chế, Lãnh sự và Biên giới  
Phnom Penh, ngày 12/07/2024  
(Ký tên và đóng dấu) Tổng Vụ trưởng: **THO SAMNANG**

Phnom Penh, ngày 24/06/2024  
**Bộ trưởng Bộ Mô và Năng lượng**  
(đã ký và đóng dấu) **Keo Ratanak**

Tôi Vũ Trí Quang, Hộ chiếu số D0028430, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ngày 17 tháng 07 năm 2024  
Người dịch



**Vũ Trí Quang**

Ngày 17 tháng 07 năm 2024, tại Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia, tôi Trần Văn Phương là Bí thư thứ Nhất, chứng thực Ông Vũ Trí Quang là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực: 119, Quyền số: 01/2024 - SCT/CKND

**TL. ĐẠI SỨ**  
**BÍ THƯ THỨ NHẤT**  
  
  
**Trần Văn Phương**



KINGDOM OF CAMBODIA  
Nation Religion King

MINISTRY OF MINES AND ENERGY

N° 0124

LICENCE FOR OPEN MINES AND QUARRY SITE

MINISTER OF MINISTRY OF MINES AND ENERGY

- Having seen the Constitution of the Kingdom of Cambodia;
- Having seen the Royal Decree N° 0823/1981, dated 22 August 2023, on the Appointment of the Royal Government of the Kingdom of Cambodia;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 0618/012, dated 28 June 2018, Promulgating the Law on Management and Function of the Council of Ministers;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 1213/017, dated 09 December 2013, Promulgating the Law on Establishment of Ministry of Mines and Energy;
- Having Seen the Royal Proclamation No 0701/09, dated 13 July 2001, Promulgating the Law on Management and Mineral Resource Exploitation;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 0618/009, dated 21 June 2018, Promulgating the Law on Amendment of the Article 3, Article 23, Article 30, Article 33, Article 34, Article 35, Article 36, Article 37, Article 38, Article 39, and Article 40 of the Law on Management and Mineral Resource Exploitation, Promulgating by the Royal Proclamation N° 0701/09 dated 13 July 2001;
- Having seen the Sub-decree N° 137 dated 31 October 2018, on Management and Function of the Ministry of Mines and Energy;
- Having seen the Sub-decree No. 72 on Management of Exploration and Industrial Mining License;
- Having seen the Inter-Ministerial Statement N° 191, dated 26 April 2016, on Classification of Assessment on Environmental Impact for the Project of All kinds of Mineral Construction Exploitations or other Minerals Characterized as Handicraft or Small Enterprise Between Ministry of Economy and Finance, and the Ministry of Mine and Energy;
- Having seen the Inter-Ministerial Statement No 664, dated 8 June 2016, on Determination of Land Fee for Mineral Resource License Area Between Ministry of Economy and Finance, and the Ministry of Mine and Energy;
- Having seen Joint Statement N° 128, dated 3 February 2017, on Revision of the Annex of the Joint Statement No 1181, dated 3 November 2015, on Provision of Public Services and Transnational Lines by Ministry of Mine and Energy;
- Having seen the Inter-Ministerial Prakas No. 760 dated 28 September 2020 on Royalty Rates on Mineral Products and Royalties Payment Procedures;
- Having seen the Inter-Ministerial Prakas No. 740 dated 03 November 2021, on Establishment of a Mineral Fund to Support Local Community Development;



Scanned with  
CamScanner

Được quét bằng CamScanner

- Having seen the Inter- Ministerial Prakas No. 134 dated 21 February 2024 on the formality and procedure of payment for non-fiscal obligations for the export of mineral products between the Ministry of Economy and Finance and the Ministry of Mines and Energy;
- Having seen Prakas No. 0210, dated 14 September 2022 of the Ministry of Mines and Energy on the formality and procedure for Renewal and Transfer of License for Open Mining and Quarrying and Change of shareholder and / or change of company manager/ enterprise manager for sand mining, construction, sand and gravel construction from rivers, streams, creeks, lakes and sea;
- Reference to the terms of license for open mines and quarry sited No. 0087 dated 27 July 2022 of the Ministry of Mines and Energy;

### **DECIDES**

**Article 1:** This is to authorize the company of **CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.** located at Concrete Street, Deum Makleu Village, Chbar Ampov I Quarter, Chbar Am Pov District, Phnom Penh, to exploit sand for construction along Mekong River, Koki Thom Commune and Samroung Thom Commune, Kien Svay District and Kampong Phnom Commune, Leuk Dek District Kandal Province, and Peam Meanchey Commune, Peam Ro District, Prey Veng Province.

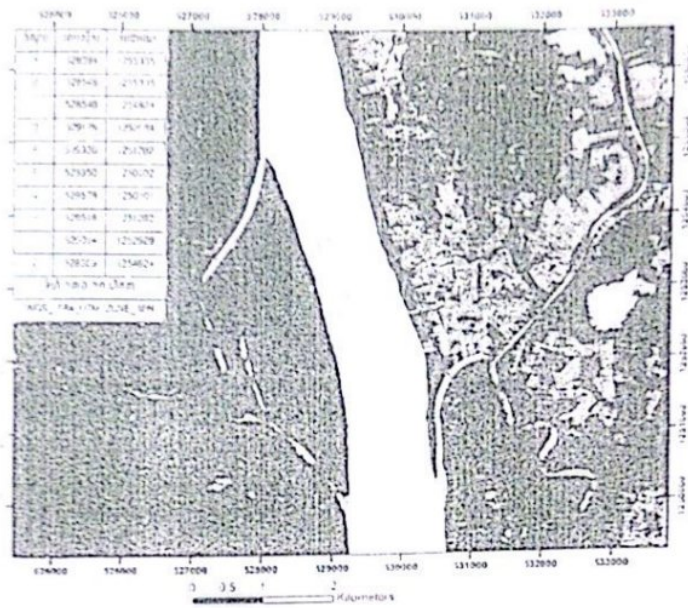
**Article 2:** The company of **CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD** shall operate the mineral resources in the licensed area defined in this license map, and in accordance with the Prakas N° 0124 on the Terms of Open Minerals and Quarry Site (for exploitation of construction sand) on mining license industry conditions (for manganese mining business).

**Article 3:** This License is valid from 10 July 2024 to 10 July 2026.

**Article 4:** Director of the Cabinet, Director-General of Directorate-General of Mineral Resources, Director General of Directorate General of General Affairs, Inspector-General, Director of Mine and Energy Office of Kandal Province, Director of Mine and Energy Office of Prey Veng Province, and the Company **CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.** shall accept the implementation of this License according to their respective duties.



# ZONE MAP OF EXPLOITATION LOCATION



Made in Phnom Penh, dated 24 June 2024

**MINISTER**

Signed and sealed: **KEO RATANAK**

No. 15309 /2024/GDLCBA

Certified correct translation with the Khmer text.

Ministry of Foreign Affairs and Int<sup>l</sup> Cooperation

General Department of Legal and Consular and Border Affairs

Phnom Penh, 12 July 2024



ĐẠI SỨ QUÁN NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM TẠI V.Q. CAMPUCHIA  
EMBASSY OF THE S.R. OF VIETNAM IN THE KINGDOM OF CAMBODIA

CHỨNG NHẬN / HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ  
CONSULAR AUTHENTICATION  
Việt Nam

1. Quốc gia  
Country
- Giấy tờ, tài liệu này  
This public document  
THO SAMNANG
2. do Ông (Bà)  
has been signed by
3. với chức danh Tổng Vụ trưởng Vụ Luật, Lãnh sự và Biên giới  
acting in the capacity of
4. và con dấu của Bộ Ngoại giao và  
bears the seal/stamp of Hợp tác quốc tế Campuchia
- được chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự  
Certified
5. tại Phnom Penh 6. ngày 17 07 2024  
at the
7. Cơ quan cấp Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia  
by
8. Số 099 CNLS/HPHLS  
Nº

Ký tên và đóng dấu  
Signature and seal/stamp  
Bí thư thứ nhất

Trần Văn Phương





អាជ្ញាធរក្រុងភ្នំពេញបានប្រកាសថា ការប្រើប្រាស់ប្រព័ន្ធបណ្តាញសង្គម ដូចជា ហ្វេសប៊ុក ត្រូវតែមានការត្រួតពិនិត្យ និងការដ្ឋានច្បាប់។

[illegible][illegible][illegible]

សម្រាប់ការប្រើប្រាស់សេវាប្រកបដោយសុវត្ថិភាព និងប្រសិទ្ធភាព យើងស្នើសុំឱ្យអ្នកប្រើប្រាស់អនុវត្តតាមច្បាប់ និងកំណត់តាំងផ្សេងៗទៀត ដែលបានកំណត់ដោយយើង។

[illegible][illegible]

CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD

| Point | UTM X  | UTM Y   |
|-------|--------|---------|
| A     | 600000 | 1200000 |
| B     | 600000 | 1200000 |
| C     | 600000 | 1200000 |
| D     | 600000 | 1200000 |
| E     | 600000 | 1200000 |
| F     | 600000 | 1200000 |
| G     | 600000 | 1200000 |
| H     | 600000 | 1200000 |
| I     | 600000 | 1200000 |
| J     | 600000 | 1200000 |

ថ្ងៃចន្ទ ៣៣ ខែ ជេស្ឋ ឆ្នាំឆ្លងឆស័ក ព.ស.២៥៦៨  
ធ្វើនៅរាជធានីភ្នំពេញ ថ្ងៃទី ២៤ ខែ មីនា ឆ្នាំ២០២៤

[illegible]



**VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA**  
**Dân tộc - Tôn giáo - Quốc vương**

**Bộ Mỏ và Năng lượng**  
**Số: 0126**

**THÔNG BÁO**  
**VỀ**  
**ĐIỀU KIỆN CỦA GIẤY PHÉP MỎ LỘ THIÊN VÀ MỎ ĐÁ**  
**(ĐỐI VỚI KHAI THÁC CÁT)**  
\*\*\*\*\*

**BỘ TRƯỞNG BỘ MỎ VÀ NĂNG LƯỢNG**

- Căn cứ Hiến pháp Vương quốc Campuchia;
- Căn cứ Sắc lệnh số 0823/1981 ngày 22/08/2023 về việc bổ nhiệm Chính phủ Hoàng gia Vương quốc Campuchia;
- Căn cứ Sắc luật số 0618/012 ngày 28/06/2018 ban hành luật về tổ chức và hoạt động của Nội các chính phủ;
- Căn cứ Sắc luật số 1213/017 ngày 09/12/2013 ban hành Luật về thành lập Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Sắc luật số 0701/09 ngày 13/07 2001 ban hành Luật về quản lý và khai thác tài nguyên khoáng sản;
- Căn cứ Sắc luật số 0618/009 ngày 21/06/2018 ban hành Luật sửa đổi bổ sung Điều 3, Điều 23, Điều 30, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, và Điều 40 của Luật về quản lý và khai thác tài nguyên khoáng sản, đã được ban hành theo Sắc luật số 0701/09 ngày 13/07/2001;
- Căn cứ Nghị định số 137 ngày 31/10/2018 về tổ chức và hoạt động của Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ số 72 ngày 08/04/2014 về quy định nguyên tắc quản lý và khai thác tài nguyên cát;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 191 ngày 26/04/2016 về việc phân loại đánh giá tác động môi trường đối với dự án khai thác các loại khoáng sản xây dựng hoặc các khoáng sản khác có tính chất thủ công hoặc khai thác quy mô nhỏ giữa Bộ Môi trường và Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 664 ngày 08/06/2016 về quy định giá thuê đất khu vực giấy phép tài nguyên khoáng sản giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;





- Căn cứ Thông báo chung số 128 ngày 03/02/2017 về việc điều chỉnh Bảng phụ lục của Thông cáo chung số 1451 ngày 03/11/2015 về việc cung cấp dịch vụ công và xử phạt bổ sung tiền mặt của Bộ Mỏ và Năng lượng;

- Căn cứ Thông báo liên bộ số 760 ngày 28/09/2020 về tỉ lệ phí đối với giá trị các khoáng sản và thủ tục đóng phí giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;

- Căn cứ Thông báo liên bộ số 740 ngày 05/11/2021 về việc thành lập Quỹ khoáng sản hỗ trợ công tác phát triển cộng đồng địa phương giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;

- Căn cứ Thông báo liên bộ số 134 ngày 21/02/2024 về thủ tục và quy trình đóng nghĩa vụ tài chính không phải là thuế đối với việc xuất khẩu sản phẩm khoáng sản giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;

- Căn cứ Thông báo số 0210 ngày 14/09/2022 về thủ tục, quy trình và điều kiện đề nghị xin gia hạn và chuyển nhượng giấy phép khai thác mỏ lộ thiên và mỏ đá, và sự thay đổi thành phần cổ đông và/hoặc thay đổi người quản lý công ty/hoặc doanh nghiệp khai thác mỏ cát xây dựng, đất pha cát và sỏi từ sông, hồ, kênh, ao, suối và biển;

- Căn cứ văn bản số 334 ngày 05/03/2020 của Hội đồng Bộ trưởng;

- Căn cứ văn bản số 678 ngày 04/05/2020 của Bộ Nguồn nước và Khí tượng;

- Căn cứ Giấy phép khai thác mỏ lộ thiên và mỏ đá số 0092 ngày 08/08/2022 của Bộ Mỏ và Năng lượng

- Căn cứ đơn xin gia hạn Giấy phép mỏ lộ thiên và mỏ đá để khai thác cát xây dựng của Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK ngày 09/04/2024;

- Căn cứ Biên bản cuộc họp về các điều khoản Giấy phép giữa Cục khai thác khoáng sản cát xây dựng và Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK ngày 13/05/2024;

- Căn cứ Biên bản cuộc họp về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác giữa Cục khai thác khoáng sản cát xây dựng và Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK ngày 06/07/2020;

- Căn cứ dự kiến kế hoạch sản xuất khai thác cát xây dựng của Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK ngày 15/05/2024;

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Điều 1: Mục đích**

Thông báo này nhằm quy định điều kiện cho phép Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK, có địa chỉ tại Plov Betong, thôn Deum Makhleu, phường Chba Ampov I, quận Chba Ampov, thủ đô Phnom Penh, tiến hành khai thác cát dọc hạ lưu sông Mê Kông ở xã Koki Thom và xã Samronung Thom, huyện Kien Svay, và xã Peam Reang, xã Sandar và xã Khpob Ateav huyện Leuk Dek, tỉnh Kandal và xã Koh Chek, huyện Peam Chor, tỉnh Prey Veng với diện tích 310,60



héc-ta, chia thành hai khu vực, có điểm toạ độ theo hệ thống WGS\_1984 UTM Zone 48N như dưới đây:

- Khu vực 01 diện tích 27,80 héc-ta

| Điểm | Hoành độ | Tung độ   | Điểm | Hoành độ | Tung độ   |
|------|----------|-----------|------|----------|-----------|
| A    | 5 22 163 | 12 27 113 | C    | 5 22 159 | 12 26 578 |
| B    | 5 23 199 | 12 26 584 |      |          |           |

- Khu vực 02 diện tích 282,80 héc-ta

| Điểm | Hoành độ | Tung độ   | Điểm | Hoành độ | Tung độ   |
|------|----------|-----------|------|----------|-----------|
| D    | 5 22 921 | 12 24 828 | K    | 5 20 953 | 12 19 450 |
| E    | 5 23 145 | 12 24 828 | L    | 5 21 267 | 12 21 314 |
| F    | 5 23 102 | 12 23 749 | M    | 5 21 143 | 12 22 451 |
| G    | 5 22 393 | 12 21 134 | N    | 5 21 329 | 12 22 458 |
| H    | 5 21 934 | 12 19 708 | O    | 5 21 580 | 12 20 804 |
| I    | 5 21 560 | 12 19 884 | P    | 5 22 369 | 12 21 982 |
| J    | 5 21 314 | 12 19 372 | Q    | 5 22 909 | 12 23 837 |

## **Điều 2: Nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải tiến hành khai thác tài nguyên khoáng sản trong khu vực giấy phép quy định tại Điều 1 theo quy định của Luật về quản lý và khai thác tài nguyên khoáng sản và các văn bản pháp quy hiện hành.

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải hợp tác tốt, không được làm phiền và cản trở công tác thanh tra của cán bộ thanh tra tài nguyên khoáng sản.

Trong trường hợp công ty xuất khẩu cát ra nước ngoài, công ty phải nộp đơn xin nguyên tắc xác định hạn ngạch (quota) xuất khẩu sản phẩm khoáng sản đến Bộ để công ty đóng thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo luật hiện hành.

## **Điều 3: Nghĩa vụ gửi báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải cung cấp cho Bộ Môi và Năng lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội một cách đầy đủ mà có sự nhất trí chính thức từ Bộ Môi trường trong thời gian 06 (sáu) tháng kể từ ngày ký.

## **Điều 4: Nghĩa vụ cắm phao xác định ranh giới giấy phép, biển hiệu (logo) và thời gian khai thác**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải cắm phao nhận biết xác định ranh giới giấy phép như đã nêu trong Điều 1 và phải gìn giữ, bảo vệ nguyên vẹn trong thời gian hiệu lực của Giấy phép tài nguyên khoáng sản.



Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải tiến hành khai thác tài nguyên khoáng sản sát từ 06h00 đến 18h00 và phải tham vấn thêm với cộng đồng địa phương và chính quyền sở tại.

**Điều 5: Nghĩa vụ tham vấn và xin cấp phép trước**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải tham vấn với hoặc đề nghị xin phép trước từ chính quyền địa phương liên quan và cộng đồng sở tại mà có thể chịu tác động từ việc khai thác tài nguyên khoáng sản phù hợp theo giấy phép này.

**Điều 6: Điều kiện kỹ thuật**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải tiến hành hoạt động khai thác cát trên diện tích đã được xác định tại Điều 1 ở trên và phải thực hiện theo các tiêu chuẩn kỹ thuật sau đây:

- Phải bơm hút di động, không cho phép công ty bơm hút ở cùng một vị trí quá 7 ngày.

- Bơm hút phải tuân thủ điều kiện kỹ thuật đã quy định trong văn bản số 678 ngày 04/05/2020 của Bộ Nguồn nước và Khí tượng.

- Khu vực chứa cát của công ty phải làm bờ bao quanh và bố trí hệ thống xử lý lọc nước đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, tránh việc nước bắn đổ vào sông và ngăn ngừa không để sạt lở bờ.

- Việc vận chuyển phải tuân thủ theo thông tư của Bộ Mỏ và Năng lượng số 0310 ngày 20/10/2015 về các biện pháp đối với việc vận chuyển các loại khoáng sản xây dựng.

- Các điều kiện kỹ thuật khác được quy định bởi Bộ Mỏ và Năng lượng hoặc Tổng Cục tài nguyên khoáng sản.

**Điều 7: Nghĩa vụ tài chính**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải đóng cho nhà nước các nghĩa vụ thuế và không phải thuế cũng như nghĩa vụ tài chính khác phù hợp với luật và các văn bản pháp quy hiện hành. Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải gửi Bộ kiểm tra trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ khi kết thúc mỗi quý báo cáo về việc khai thác cát, báo cáo về số lượng cát đã bơm hút được và báo cáo bán hoặc đã sử dụng trong mỗi quý.

**Điều 8: Nghĩa vụ cung cấp báo cáo và thông tin**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải gửi Bộ kiểm tra trong thời gian 15 ngày kể từ khi kết thúc mỗi quý báo cáo về việc khai thác cát, báo cáo về số lượng cát đã bơm hút được và báo cáo bán hoặc đã sử dụng trong mỗi quý.

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải kịp thời báo cáo Bộ Mỏ và Năng lượng trường hợp phát hiện loại



khoáng sản khác ngoài khoáng sản là danh mục khai thác trong phạm vi giấy phép của mình và tạm thời dừng các hoạt động khai thác, đợi Bộ kiểm tra quyết định.

### **Điều 9: Quyền treo hoặc thu hồi giấy phép**

Bộ Mỏ và Năng lượng có thể treo hoặc thu hồi giấy phép thông qua việc ra các thông báo bằng văn bản trong những trường hợp dưới đây:

A- Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK không thực hiện theo bất cứ quy định nào của Thông báo này hoặc không tuân thủ quy định hoặc công tác thanh tra nào của Bộ Mỏ và Năng lượng.

B- Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK không thực hiện nghĩa vụ của mình trong thời gian 60 ngày hoặc thời gian nhiều hơn này theo quy định của Bộ Mỏ và Năng lượng để thực hiện hoặc tiến hành thay đổi.

C- Có bất cứ điều kiện kỹ thuật cần thiết nào mà Bộ Mỏ và Năng lượng thấy rằng hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản trong phạm vi giấy phép đã cấp có rủi ro cao đến môi trường hoặc kinh tế hoặc xã hội.

D- Bản báo cáo theo quy định như đã nêu tại các Điều ở trên có tính chất sai hoặc không đúng.

E- Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK trở thành người nợ, phá sản hoặc giải thể

Trường hợp giấy phép bị thu hồi, Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải hoàn thành các nghĩa vụ còn lại của mình trước khi giấy phép bị thu hồi.

### **Điều 10: Hiệu lực**

Thông báo này có hiệu lực phù hợp với hiệu lực của Giấy phép mỏ lộ thiên và mỏ đá số **0126 ngày 24/06/2024**. Trường hợp công ty có ý định xin tiếp tục gia hạn Giấy phép mỏ lộ thiên và mỏ đá phải nộp đơn xin tiếp tục gia hạn giấy phép theo quy định hiện hành của Bộ Mỏ và Năng lượng trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày trước ngày hết hiệu lực của Giấy phép.

Quá thời hạn này, Bộ Mỏ và Năng lượng sẽ bác bỏ đơn xin tiếp tục gia hạn Giấy phép.

### **Điều 11: Triển khai thực hiện**

Chánh Văn phòng, Tổng Cục trưởng Tổng Cục Tài nguyên khoáng sản, Tổng Cục trưởng Tổng Cục Công tác chung, Tổng Thanh tra, Giám đốc Sở Mỏ và Năng lượng tỉnh Kandal, Giám đốc Sở Mỏ và Năng lượng tỉnh Prey Veng và Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK chịu trách nhiệm thực hiện Thông báo này theo nhiệm vụ của mình./.



**Sao gửi:**

- Hội đồng Bộ trưởng;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Kinh tế và Tài chính;
- Bộ Nguồn nước và Khí tượng;
- Bộ Quy hoạch đất đai, Đô thị hoá và Xây dựng;
- Bộ Môi trường;
- Bộ Nông, Lâm và Ngư nghiệp;
- Ủy ban Quản lý tài nguyên cát;
- UBND tỉnh Kandal;
- UBND tỉnh Prey Veng;
- UBND huyện Leuk Dek;
- UBND huyện Kien Svay;
- UBND huyện Peam Chhor;
- Như Điều 11 để thực hiện;
- Văn thư, lưu trữ

Phnom Penh, ngày 24/06/2024  
**Bộ trưởng Bộ Mỏ và Năng lượng**  
(đã ký và đóng dấu)  
**Keo Ratanak**

Số: 15310/2024/GDLCBA

Chứng thực bản dịch chính xác với văn bản tiếng Khmer  
Bộ Ngoại giao và Hợp tác Quốc tế.

Tổng Vụ Pháp chế, Lãnh sự và Biên giới.

Phnom Penh, ngày 12/07/2024

(Ký tên và đóng dấu) Tổng Vụ trưởng: **THO SAMNANG**

Phnom Penh, ngày 24/06/2024  
**Bộ trưởng Bộ Mỏ và Năng lượng**  
(đã ký và đóng dấu) **Keo Ratanak**

Tôi Vũ Trí Quang, Hộ chiếu số  
D0028430, cam đoan đã dịch chính  
xác nội dung của giấy tờ/văn bản này  
từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ngày 17 tháng 07 năm 2024  
**Người dịch**



**Vũ Trí Quang**

Ngày 17 tháng 07 năm 2024, tại Đại sứ quán Việt Nam  
tại Campuchia, tôi Trần Văn Phương là Bí thư thứ  
Nhất, chứng thực Ông Vũ Trí Quang là người đã ký  
vào bản dịch này.

Số chứng thực: 120, Quyền số: 01/2024 - SCT/CKND

**TL. ĐẠI SỨ**  
**BÍ THƯ THỨ NHẤT**  
  
  
**Trần Văn Phương**

**KINGDOM OF CAMBODIA**  
**Nation Religion King**

**MINISTRY OF MINES AND ENERGY**

**N° 0126 រ.ក.អ.ក.ប**



**STATEMENT**  
**ON**  
**TERMS OF LICENCE FOR OPEN MINES AND QUARRY SITES**  
**(FOR EXPLOITATION OF CONSTRUCTION SAND)**

**MINISTER OF MINISTRY OF MINES AND ENERGY**

- Having seen the Constitution of the Kingdom of Cambodia;
- Having seen the Royal Decree N° 0823/1981, dated 22 August 2023, on the Appointment of the Royal Government of the Kingdom of Cambodia;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 0618/012, dated 28 June 2018, Promulgating the Law on Management and Function of the Council of Ministers;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 1213/017, dated 09 December 2013, Promulgating the Law on Establishment of Ministry of Mine and Energy;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 0701/09, dated 13 July 2001, Promulgating the Law on Management and Mineral Resource Exploitation ;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 0618/009, dated 21 June 2018, Promulgating the Law on Amendment of the Article 3, Article 23, Article 30, Article 33, Article 34, Article 35, Article 36, Article 37, Article 38, Article 39, and Article 40 of the Law on Management and Mineral Resource Exploitation, Promulgating by the Royal Proclamation N° 0701/09 dated 13 July 2001;
- Having seen the Decree N° 137 dated 31 October 2018, on Management and Function of the Ministry of Mines and Energy;
- Having seen the Decision of the Royal Government N° 72, dated 08 April 2024, on Determination of Principles for Sand Exploitation;
- Having seen the Inter-Ministerial Statement N° 191, dated 26 April 2016, on Classification of Assessment on Environmental Impact for the Project of All kinds of Mineral Construction Exploitations or other Minerals Characterized as Handicraft or Small Enterprise Between Ministry of Economy and Finance, and the Ministry of Mine and Energy;
- Having seen the Inter-Ministerial Statement No 664, dated 8 June 2016, on Determination of Land Fee for Mineral Resource License Area Between Ministry of Economy and Finance, and the Ministry of Mine and Energy;
- Having seen Joint Statement N° 128, dated 3 February 2017, on Revision of the Annex of the Joint Statement No 1451, dated 3 November 2015, on Provision of Public Services and Transitional Fines by Ministry of Mine and Energy;
- Having seen the Inter-Ministerial Prakas No. 760 dated 28 September 2020 on Royalty Rates on Mineral Products and Royalties Payment Procedures;
- Having seen the Inter-Ministerial Prakas No. 740 dated 05 November 2021, on Establishment of a Mineral Fund to Support Local Community Development;
- Having seen the Inter-Ministerial Prakas No. 134 dated 21 February 2024 on the formality and procedure of payment for non-fiscal obligations for the export of mineral products between the Ministry of Economy and Finance and the Ministry of Mines and Energy;
- Having seen Prakas No. 0210, dated 14 September 2022 of the Ministry of Mines and Energy on the formality and procedure for Renewal and Transfer of License for Open Mining and Quarrying and Change of shareholder and/or change of company manager



enterprise manager for sand mining, construction, sand and gravel construction from rivers, streams, creeks, lakes and sea;

- Reference to Letter N° 334 of the Council of Ministers, dated 5 March 2020;
- Reference to Letter N° 678 of the Ministry of Water Resource and Meteorology, dated 4 May 2020;
- Reference to the terms of license for open mines and quarry sited No. 0092 dated 08 August 2022 of the Ministry of Mines and Energy;
- Reference to letter requesting for renewal of the Company: CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, dated 09 April 2024;
- Reference to Meeting Minutes on terms of License and Minimum Quantity between Department of Construction Sand Exploitation and CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, dated 13 May 2024;
- Reference to Meeting Minutes on terms of Implementation of Financial Obligations and other Obligations between Department of Construction Sand Exploitation and CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, dated 6 July 2020.
- Reference to Project Planning of Production of Mineral Resource Exploitation for Construction Sand of CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, dated 15 May 2024;

## DECIDES

### Article 1.- Purpose

This Statement aims to set the terms for company of CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, located at Concrete Street, Deum Makleu Village, Chbar Ampov I Quarter, Chbar Ampov District, Phnom Penh, to exploit sand for construction along Mekong River, Peam Rang Commune, Sandar Commune and Khpob Ateav Commune, Leuk Dek District, Kandal Province, and Koh Chek Commune, Peam Chor District, Prey Veng Province, on the land size of 310.60 hectares, with specific location by system of WSG\_1984\_UTM\_Zone\_48N as follows:

- 1<sup>st</sup> location on the land size of 27.80 hectares

| POINT | ABSCISSA | ORDINATE | POINT | ABSCISSA | ORDINATES |
|-------|----------|----------|-------|----------|-----------|
| A     | 522163   | 1227113  | C     | 522159   | 1226578   |
| B     | 523199   | 1226584  |       |          |           |

- 2<sup>nd</sup> location on the land size of 282.80 hectares

|   |        |         |   |        |         |
|---|--------|---------|---|--------|---------|
| D | 522921 | 1224828 | K | 520953 | 1219450 |
| E | 523145 | 1224828 | L | 521267 | 1221314 |
| F | 523102 | 1223719 | M | 521143 | 1222451 |
| G | 522393 | 1221134 | N | 521329 | 1222458 |
| H | 521934 | 1219708 | Q | 521580 | 1220804 |
| I | 521560 | 1219884 | R | 522369 | 1221982 |
| J | 521314 | 1219372 | R | 522909 | 1223837 |

### Article 2: Obligation In Accordance with Legal Regulations

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall operate mineral resources in the business license areas as set in the Article 1 in

accordance with Provisions of the Law on Management and Exploitation of Mineral Resources and Other Existing Legal Norms.

In case the Company wishes to export sand abroad, the Company shall apply for export quota of mineral products from the Ministry so as the Company pays royalties and other financial obligations in accordance with the law in force.

### **Article 3: Obligation to Submit the Report of Environmental Impact Assessment**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall submit the Report of Social and Environmental Impact Assessment, to the Ministry of Mines and Energy, with official approval by Ministry of Environment at least 6 months from the date of the signature.

### **Article 4: Obligation to Float the Balloons to Mark the Business Boundary and Hours of Operation**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall float the balloons to mark the business boundary as stipulated in the Article 1 and shall maintain and protect it during the validity of mineral resource license.

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall operate sand mineral resources, starting from 06:00hr to 18:00hr and shall further consult with local communities and authorities concerned.

### **Article 5: Obligation to Consultation and Permission in Advance**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall consult and request an advance permission from the local communities and authorities concerned that may be affected by the operations of mineral resource in accordance with this license.

### **Article 6: Technical Norms**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall run the construction sand business on designated land as set out in the above Article 1 and must abide by the following technical specifications:

- Shall dredge sand by moving from one place to another, and shall not stay at one place more than 7 days;
- Shall dredge with respect to due techniques set out in the Letter N° 678 dated 4 May 2020, of the Ministry of Water Resource and Meteorology;
- The sand depots shall build dam around it, and set up water filtration system properly and technically, avoid draining of muddy water into the river, and to prevent riverbank from collapse.;
- Transportations shall abide by the Circular of Ministry of Mine and Energy N° 0310 dated 20 October 2015, on Rules for Transportations of All Kind of Construction Mines;
- Other conditions required by the Ministry of Mines and Energy and General Departments of Mines.



#### **Article 7: Financial obligations**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, must pay the state its non-tax and other financial obligations in accordance with the laws and regulations in force. CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD shall submit to the Ministry for review within 15 days after the end of each quarter the report on sand mining, the report on the amount of sand, Which can be pumped and reported on sales or used in each quarter.

#### **Article 8: Obligations to provide reports and information**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD shall submit to the Ministry for review within 15 days after the end of each quarter the report on sand mining, the report on the amount of sand, Which can be pumped and reported on sales or used in each quarter.

CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD must immediately report to the Ministry of Mines and Energy in the event of the discovery of any minerals other than minerals that are the subject of business in its license. And have to temporarily suspend business activities pending a decision from the Ministry.

#### **Article 9: Right to suspend or revoke a license**

The Ministry of Mines and Energy may suspend or revoke the license by issuing a notice Written notice in the following cases:

- A- CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD. Fails to comply with any provision of this Prakas or fails to comply with any regulations or inspections issued by the Ministry, Minerals and energy;
- B- CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD Fails to perform its duties for 60 days or longer as required by the Ministry of Mines and Energy. Or make modifications ;
- C- There are any necessary technical conditions that the Ministry of Mines and Energy considers to operate mineral resources in a licensed domain that poses a high environmental or economic or social risk.
- D- Reports reported as defined in the above article are inaccurate or inaccurate.
- E- CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD. Becomes indebted, bankrupt or liquidated.

In case the license is revoked, Chaktomuk RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD is not exempted from fulfilling all its remaining obligations. Before the license is revoked, ND ENE Article

#### **Article 10: Validity**

This Prakas is valid in accordance with the validity of the open mine license and quarry site number 0126 dated 24 June 2024. In the case of companies wishing to renew their open mining and quarry licenses, they must apply to the Ministry of Mines and Energy for renewal of their licenses during 60 (sixty) days before the license expires.

After this expiration, the Ministry of Mines and Energy will reject the license renewal

## Article 11: Implementation

Director of the Cabinet, Director-General of Directorate-General of Mineral Resources, Director-General of Directorate-General of General Affairs, Inspector-General, Chief of Mines and Energy Office of Kandal Province, Chief of Mines and Energy Office of Prey Veng Province, and the Company CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD. shall implement this Statement according to their respective duties.

Phnom Penh, dated 24 June 2024

**MINISTER OF MINISTRY OF MINE AND ENERGY**

Signed and sealed: **KEO RATANAK**

### Recipients:

- Council of Ministers
- Ministry of Interior
- Ministry of Economy and Finance
- Ministry of Water Resource and Meteorology
- Ministry of Land Management, Urbanization and Construction
- Ministry of Environment
- Ministry of Agriculture, Forestry and Fishery
- Committee for Sand Resource Management
- Administration of Kandal Province
- Administration of Prey Veng Province
- Administration of Leuk Dek District
- Administration of Peam Chhor District
- As Article 11 For Implementation
- Documentation-Archive

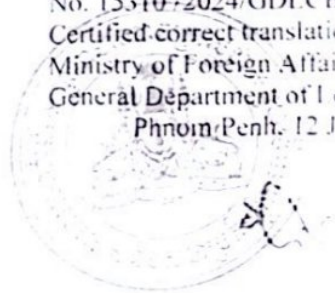
No. 15340/2024/GDLCBA

Certified correct translation with the Khmer text.

Ministry of Foreign Affairs and Internal Cooperation.

General Department of Legal and Consular and Border Affairs

Phnom Penh, 12 July 2024



**PHO SAMNANG**

Director General

15340/2024/GDLCBA

Scanned with



CamScanner

Được quét bằng CamScanner





ĐẠI SỨ QUÁN NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM TẠI V. Q. CAMPUCHIA  
EMBASSY OF THE S. R. OF VIETNAM IN THE KINGDOM OF CAMBODIA

CHỨNG NHẬN / HỢP PHÁP HOA LÃNH SỰ  
CONSULAR AUTHENTICATION  
Việt Nam

1. Quốc gia  
Country
- Giấy tờ, tài liệu này  
This public document  
THO SAMNANG
2. do Ông (Bà)  
has been signed by
3. với chức danh Tổng Vụ trưởng Vụ Luật, Lãnh sự và Biên giới  
acting in the capacity of
4. và con dấu của Bộ Ngoại giao và  
bears the seal stamp of Hợp tác quốc tế Campuchia
- được chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự  
Certified
5. tại Phnom Penh 6 ngày 17 07 2024  
at the
7. Cơ quan cấp Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia
8. Số 099 CNLS/HPHLS

Ký tên và đóng dấu  
Signature and seal/stamp  
Bí thư thứ nhất

Trần Văn Phương

Scanned with



CamScanner

Được quét bằng CamScanner



**ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល**  
**Ministry of Mines and Energy**  
**លេខ: ០១០៨.៤៥.៥៧៧.០៦**

**ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា**  
**ជាតិ សាសនា ព្រះមហាក្សត្រ**  
**Kingdom of Cambodia**  
**Nation Religion King**

**ប្រកាស**  
**ស្តីពី**

**លក្ខខណ្ឌនៃអាជ្ញាបណ្ណអន្តររ៉ែបើក និងការដ្ឋាននាយឆ្នុ**  
**(សម្រាប់អាជីវកម្មខ្សែបង្គោល)**

**រដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល**

- បានឃើញរដ្ឋធម្មនុញ្ញនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា
- បានឃើញព្រះរាជក្រឹត្យលេខនស/រកត/០៨២៣/១៩៨១ ចុះថ្ងៃទី២២ ខែសីហា ឆ្នាំ២០២៣ ស្តីពីការតែងតាំងរាជរដ្ឋាភិបាលនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា
- បានឃើញព្រះរាជក្រមលេខនស/រកម/០៦១៨/០១២ ចុះថ្ងៃទី២៨ ខែមិថុនា ឆ្នាំ២០១៨ ដែលប្រកាសឱ្យប្រើច្បាប់ស្តីពីការរៀបចំ និងការប្រព្រឹត្តទៅនៃគណៈរដ្ឋមន្ត្រី
- បានឃើញព្រះរាជក្រមលេខនស/រកម/១២១៣/០១៧ ចុះថ្ងៃទី៩ ខែធ្នូ ឆ្នាំ២០១៣ ដែលប្រកាសឱ្យប្រើច្បាប់ស្តីពីការបង្កើតក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញព្រះរាជក្រមលេខនស/រកម/០៧០១/០៩ ចុះថ្ងៃទី១៣ ខែកក្កដា ឆ្នាំ២០០១ ដែលប្រកាសឱ្យប្រើច្បាប់ស្តីពីការគ្រប់គ្រង និងការធ្វើអាជីវកម្មធនធានរ៉ែ
- បានឃើញព្រះរាជក្រមលេខនស/រកម/០៦១៨/០០៩ ចុះថ្ងៃទី២១ ខែមិថុនា ឆ្នាំ២០១៨ ដែលប្រកាសឱ្យប្រើច្បាប់ស្តីពីវិសោធនកម្មមាត្រា៣ មាត្រា២៣ មាត្រា៣០ មាត្រា៣៤ មាត្រា៣៥ មាត្រា៣៦ មាត្រា៣៧ មាត្រា៣៨ មាត្រា៣៩ និងមាត្រា៤០ នៃច្បាប់ស្តីពីការគ្រប់គ្រង និងការធ្វើអាជីវកម្មធនធានរ៉ែដែលត្រូវប្រកាសឱ្យប្រើដោយព្រះរាជក្រមលេខនស/រកម/០៧០១/០៩ ចុះថ្ងៃទី១៣ ខែកក្កដា ឆ្នាំ២០០១
- បានឃើញអនុក្រឹត្យលេខ១៣៧ អនក្រ បក ចុះថ្ងៃទី៣១ ខែតុលា ឆ្នាំ២០១៨ ស្តីពីការរៀបចំ និងការប្រព្រឹត្តទៅរបស់ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញសេចក្តីសម្រេចរបស់រាជរដ្ឋាភិបាលលេខ៧២ សស ចុះថ្ងៃទី៨ ខែមេសា ឆ្នាំ២០២៤ ស្តីពីការកំណត់គោលការណ៍គ្រប់គ្រង និងការធ្វើអាជីវកម្មធនធានខ្សែបង្គោល



Scanned with  
**CamScanner**

Được quét bằng CamScanner



- បានឃើញប្រកាសអន្តរក្រសួងលេខ១៩១ ប្រក.បស្ត ចុះថ្ងៃទី២៦ ខែមេសា ឆ្នាំ២០១៦ ស្តីពី ចំណាត់ថ្នាក់នៃការវាយតម្លៃហេតុប៉ះពាល់បរិស្ថាន សម្រាប់គម្រោងអាជីវកម្មវ៉ែស៊ីណង់គ្រប់ប្រភេទ ឬវ៉ែផ្សេង ទៀតដែលមានលក្ខណៈជាសិប្បកម្ម ឬអាជីវកម្មខ្នាតតូចរវាងក្រសួងបរិស្ថាន និង ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញប្រកាសអន្តរក្រសួងលេខ៦៦៤ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី៨ ខែមិថុនា ឆ្នាំ២០១៦ ស្តីពី ការកំណត់ថ្លៃឈ្នួលដីតំបន់អាជ្ញាបណ្ណធនធានរ៉ែ រវាងក្រសួងសេដ្ឋកិច្ច និងហិរញ្ញវត្ថុ និងក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញប្រកាសរួមលេខ១២៨ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី៣ ខែកុម្ភៈ ឆ្នាំ២០១៧ ស្តីពីការកែសម្រួល តារាងឧបសម្ព័ន្ធភ្ជាប់នឹងប្រកាសរួមលេខ១៤៥១ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី៣ ខែវិច្ឆិកា ឆ្នាំ២០១៥ ស្តីពីការផ្តល់សេវាសាធារណៈ និងការពិន័យអន្តរការណ៍ជាប្រាក់ដោយក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញប្រកាសអន្តរក្រសួងលេខ៧៦០ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី២៨ ខែកញ្ញា ឆ្នាំ២០២០ ស្តីពី អត្រាសូយសារលើតម្លៃផលិតផលរ៉ែនិងនីតិវិធីនៃការបង់ថ្លៃសូយសាររវាងក្រសួងសេដ្ឋកិច្ច និង ហិរញ្ញវត្ថុ និងក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញប្រកាសអន្តរក្រសួងលេខ៧៤០ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី៥ ខែវិច្ឆិកា ឆ្នាំ២០២១ ស្តីពីការ បង្កើតមូលនិធិវិទ្យុទ្រង់កិច្ចអភិវឌ្ឍន៍សហគមន៍មូលដ្ឋានរវាងក្រសួងសេដ្ឋកិច្ច និងហិរញ្ញវត្ថុ និង ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញប្រកាសអន្តរក្រសួងលេខ១៣៤ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី២១ ខែកុម្ភៈ ឆ្នាំ២០២៤ ស្តីពី បែបបទ និងនីតិវិធីនៃការបង់កាតព្វកិច្ចហិរញ្ញវត្ថុមិនមែនសារពើពន្ធសម្រាប់ការនាំចេញផលិតផលរ៉ែ រវាងក្រសួងសេដ្ឋកិច្ច និងហិរញ្ញវត្ថុ និងក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញប្រកាសលេខ០២១០ រជ.អឧស.ប្រក ចុះថ្ងៃទី១៤ ខែកញ្ញា ឆ្នាំ២០២២ របស់ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល ស្តីពីបែបបទនីតិវិធី និងលក្ខខណ្ឌនៃការស្នើសុំការបន្ត និងការផ្ទេរសិទ្ធិអាជ្ញាបណ្ណ អណ្តូងរ៉ែបើក និងការដ្ឋានវាយថ្នូ និងការផ្លាស់ប្តូរសមាសភាពភាគហ៊ុន និង/ឬការផ្លាស់ប្តូរអ្នក គ្រប់គ្រងក្រុមហ៊ុន សហគ្រាសសម្រាប់អាជីវកម្មវ៉ែខ្សាច់សំណង់ ដីល្បាយខ្សាច់ និងគ្រួសារប្រភេទ ទន្លេ ស្ទឹង ព្រែក បឹង អូរ និងសមុទ្រ
- យោងលិខិតលេខ៣៣៤ សជណ.កជ ចុះថ្ងៃទី៥ ខែមីនា ឆ្នាំ២០២០ របស់ទីស្តីការគណៈរដ្ឋមន្ត្រី
- យោងលិខិតលេខ២៧៨ ធនឧ ចុះថ្ងៃទី៤ ខែឧសភា ឆ្នាំ២០២០ របស់ក្រសួងធនធានទឹក និង ឧតុនិយម
- យោងអាជ្ញាបណ្ណអណ្តូងរ៉ែបើក និងការដ្ឋានវាយថ្នូលេខ០០៩២ រជ.អធន.អប ចុះថ្ងៃទី៨ ខែសីហា ឆ្នាំ២០២២ របស់ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល

D

**ប្រការ៥.- កាតព្វកិច្ចពិគ្រោះយោបល់ និងសុំការអនុញ្ញាតជាមុន**

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវពិគ្រោះយោបល់ជាមួយ និងស្នើសុំ ការអនុញ្ញាតជាមុនពីរដ្ឋអំណាចមូលដ្ឋានពាក់ព័ន្ធ និងសហគមន៍មូលដ្ឋានដែលអាចទទួលរង ផលប៉ះពាល់ពីប្រតិបត្តិការធនធានវិស្វបតាមអាជ្ញាបណ្ណនេះ។

**ប្រការ៦.- បទដ្ឋានបច្ចេកទេស**

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវដំណើរការអាជីវកម្មខ្សាច់លើផ្ទៃដី ដែលបានកំណត់ក្នុងប្រការ១ខាងលើ និងត្រូវអនុវត្តតាមលក្ខណៈបច្ចេកទេសដូចខាងក្រោម៖

- ត្រូវបូមចល័ត មិនអនុញ្ញាតឱ្យក្រុមហ៊ុនបូមនៅថេរមួយកន្លែងលើសពី៧ថ្ងៃឡើយ
- បូមត្រូវគោរពតាមលក្ខខណ្ឌបច្ចេកទេសដែលបានកំណត់ក្នុងលិខិតលេខ២៧៨ ធ្វើ ចុះថ្ងៃទី៩ ខែឧសភា ឆ្នាំ២០២០ របស់ក្រសួងធនធានទឹក និងឧតុនិយម
- ទីតាំងស្តុកខ្សាច់របស់ក្រុមហ៊ុនត្រូវធ្វើទំនប់ព័ទ្ធជុំវិញ និងរៀបចំប្រព័ន្ធចម្រោះទឹក ឱ្យបានត្រឹមត្រូវតាមលក្ខណៈបច្ចេកទេស ចៀសវាងការបង្ហូរទឹកដែលល្អក់កកចូល ក្នុងទន្លេ និងបង្ការកុំឱ្យមានការបាក់ប្រាំង
- ការដឹកជញ្ជូនត្រូវគោរពតាមសាធារណៈរបស់ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពលលេខ០៣១០ រថ. អធ.សរច ចុះថ្ងៃទី២០ ខែតុលា ឆ្នាំ២០១៥ ស្តីពីវិធានការចំពោះការដឹកជញ្ជូនរ៉ែ សំណង់គ្រប់ប្រភេទ
- លក្ខខណ្ឌបច្ចេកទេសផ្សេងទៀត ដែលកំណត់ដោយក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល ឬ អគ្គនាយកដ្ឋានធនធានរ៉ែ។

**ប្រការ៧.- កាតព្វកិច្ចហិរញ្ញវត្ថុ**

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវបង់ជូនរដ្ឋនូវកាតព្វកិច្ចសារពើពន្ធ មិនមែនសារពើពន្ធ និងកាតព្វកិច្ចហិរញ្ញវត្ថុផ្សេងៗស្របតាមច្បាប់ និងលិខិតបទដ្ឋានគតិយុត្ត ជាធរមាន។

**ប្រការ៨.- កាតព្វកិច្ចផ្តល់របាយការណ៍ និងព័ត៌មាន**

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវដាក់ជូនក្រសួងពិនិត្យក្នុង អំឡុងពេល១៥ថ្ងៃ បន្ទាប់ពីដំណាច់ត្រីមាសនីមួយៗនូវរបាយការណ៍ស្តីពីការធ្វើអាជីវកម្មខ្សាច់ របាយការណ៍ស្តីពីបរិមាណខ្សាច់ដែលបូមយកបាន និងរបាយការណ៍លក់ ឬបានប្រើប្រាស់ក្នុង ត្រីមាសនីមួយៗ។

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវរាយការណ៍ជូនក្រសួងរ៉ែ និង



ថាមពលជាបន្ទាន់ ក្នុងករណីប្រទះឃើញនូវប្រភេទរ៉ែផ្សេងៗ ក្រៅពីរ៉ែដែលជាភស្តុតាងនៃអាជីវកម្ម ក្នុងដែនអាជ្ញាបណ្ណរបស់ខ្លួន ហើយត្រូវផ្អាកសកម្មភាពអាជីវកម្មជាបណ្តោះអាសន្នសិន រង់ចាំ ការពិនិត្យសម្រេចពីក្រសួង។

**ប្រការ៩.- សិទ្ធិគ្រប់គ្រងការល្បួចលួក ឬដកហូតអាជ្ញាបណ្ណ**

ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពលអាចល្បួចលួក ឬដកហូតអាជ្ញាបណ្ណ ដោយចេញនូវសេចក្តីជូន ដំណឹងជាលាយលក្ខណ៍អក្សរក្នុងករណីដូចខាងក្រោម៖

ក/.ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ រ៉ែសស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ខកខានក្នុងការអនុវត្តតាម បទប្បញ្ញត្តិណាមួយនៃប្រកាសនេះ ឬមិនគោរពតាមបទបញ្ជា ឬអធិការកិច្ចណាមួយ ដែលចេញដោយក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល

ខ/.ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ រ៉ែសស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ខកខានក្នុងការអនុវត្ត កាតព្វកិច្ចរបស់ខ្លួនក្នុងរយៈពេល៦០ថ្ងៃ ឬកំឡុងពេលច្រើនជាងនេះតាមការកំណត់ របស់ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពលឱ្យអនុវត្ត ឬធ្វើការកែប្រែ

គ/.មានលក្ខខណ្ឌបច្ចេកទេសចាំបាច់ណាមួយដែលក្រសួងរ៉ែ និងថាមពលពិនិត្យឃើញថា ប្រតិបត្តិការធនធានរ៉ែក្នុងដែនអាជ្ញាបណ្ណដែលបានចេញឱ្យមានហានិភ័យខ្ពស់ដល់ បរិស្ថាន ឬសេដ្ឋកិច្ច ឬសង្គម

ឃ/.របាយការណ៍ដែលបានរាយការណ៍តាមការកំណត់ ដូចមានចែងក្នុងប្រការខាងលើ មានលក្ខណៈមិនពិត ឬមិនត្រឹមត្រូវ

ង/.ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ រ៉ែសស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ក្លាយជាអ្នកជំពាក់បំណុល ក្ស័យធន ឬត្រូវរំលាយ។

ករណីអាជ្ញាបណ្ណត្រូវដកហូត ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ រ៉ែសស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) មិនត្រូវបាន អនុញ្ញាតឱ្យបន្តការបំពេញកាតព្វកិច្ចទាំងអស់របស់ខ្លួនដែលនៅសេសសល់ មិនបានអនុវត្ត នាពេលមុនអាជ្ញាបណ្ណត្រូវបានដកហូតឡើយ។

**ប្រការ១០.- សុពលភាព**

ប្រកាសនេះមានសុពលភាពស្របតាមសុពលភាពរបស់អាជ្ញាបណ្ណអណ្តូងរ៉ែបើក និង ការដ្ឋានវាយថ្នលេខ ០១២៧ រថ.អធ.អប ចុះថ្ងៃទី ២៤ ខែ ២០២៤។

ក្នុងករណីក្រុមហ៊ុនដែលមានបំណងបន្តអាជ្ញាបណ្ណអណ្តូងរ៉ែបើក និងការដ្ឋានវាយថ្ន ត្រូវដាក់ពាក្យស្នើសុំបន្តអាជ្ញាបណ្ណស្របតាមបទប្បញ្ញត្តិជាធរមានមកក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល ក្នុងអំឡុងពេល៦០ (ហុកសិប) ថ្ងៃ មុនអាជ្ញាបណ្ណផុតសុពលភាព។ ផុតរយៈពេលនេះ ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពលនឹងបដិសេធពាក្យស្នើសុំបន្តអាជ្ញាបណ្ណ។

លេខ ១ អបរវិចិត្រៈនរោត្តម សង្កាត់វត្តភ្នំ ខណ្ឌដូនពេញ រាជធានីភ្នំពេញ ទូរស័ព្ទ (៨៥៥) ២៣ ២១៩ ៥៧៤

#1, Preah Norodom Blvd, Sangkat Wat Phnom, Khan Daun Penh, Phnom Penh. Tel: (855) 23 219 574 www.mme.gov.kh info@mme.gov.kh



Scanned with CamScanner

Được quét bằng CamScanner

**ប្រការ១១.- ការអនុវត្ត**

នាយិកាខុទ្ទកាល័យ អគ្គនាយកនៃអគ្គនាយកដ្ឋានធនធានវៃ អគ្គនាយកនៃអគ្គនាយកដ្ឋាន  
កិច្ចការទូទៅ អគ្គាធិការនៃអគ្គាធិការដ្ឋាន ប្រធានមន្ទីរវៃ និងថាមពលខេត្តកណ្តាល  
ប្រធានមន្ទីរវៃ និងថាមពលខេត្តព្រៃវែង និងក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត  
អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវ  
ទទួលបន្ទុកអនុវត្តប្រកាសនេះតាមភារកិច្ចរៀងៗខ្លួន។

ថ្ងៃចន្ទ ៣ រោច ខែ វស្សា ឆ្នាំរោង ឆស័ក ព.ស ២៥៦៨  
ធ្វើនៅរាជធានីភ្នំពេញ ថ្ងៃទី ២៤ ខែ មិថុនា ឆ្នាំ២០២៤

  
រដ្ឋមន្ត្រី   
ហែង គីតៈ

កន្លែងទទួល៖

- ទីស្តីការគណៈរដ្ឋមន្ត្រី
- ក្រសួងមហាផ្ទៃ
- ក្រសួងសេដ្ឋកិច្ច និងហិរញ្ញវត្ថុ
- ក្រសួងធនធានទឹក និងឧតុនិយម
- ក្រសួងរៀបចំដែនដី នគរូបនីយកម្ម និងសំណង់
- ក្រសួងបរិស្ថាន
- ក្រសួងកសិកម្ម រុក្ខាប្រមាញ់ និងនេសាទ
- គណៈកម្មាធិការគ្រប់គ្រងធនធានខ្សាច់
- រដ្ឋបាលខេត្តកណ្តាល
- រដ្ឋបាលខេត្តព្រៃវែង
- រដ្ឋបាលស្រុកលើកដែក
- រដ្ឋបាលស្រុកពាមជ័រ
- ដូចប្រការ១១ ដើម្បីអនុវត្ត
- ឯកសារ កាលប្បវត្តិ



លេខ ១ បបរវិថីព្រះបរមរាជវាំង ខណ្ឌព្រះនរោត្តម រាជធានីភ្នំពេញ ទូរស័ព្ទ (៨៥៥) ២៣ ២១៩ ៥៧៤

#1, Preah Norodom Blvd, Sangkat Wat Phnom, Khan Daun Penh, Phnom Penh. Tel: (855) 23 219 574 www.mme.gov.kh info@mme.gov.kh



Scanned with  
CamScanner

Được quét bằng CamScanner



**VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA**  
**Dân tộc - Tôn giáo - Quốc vương**

**Bộ Mỏ và Năng lượng**  
**Số: 0126**

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC MỎ LỘ THIÊN VÀ MỎ ĐÁ**  
**BỘ TRƯỞNG BỘ MỎ VÀ NĂNG LƯỢNG**

- Căn cứ Hiến pháp Vương quốc Campuchia;
- Căn cứ Sắc lệnh Hoàng gia số 0823/1981 ngày 22/08/2023 về việc bổ nhiệm Chính phủ Hoàng gia Vương quốc Campuchia;
- Căn cứ Sắc luật số 0618/012 ngày 28/06/2018 ban hành luật về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Bộ trưởng
- Căn cứ Sắc luật số 1213/017 ngày 09/12/2013 ban hành Luật về thành lập Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Sắc luật số 0701/09 ngày 13/07/2001 ban hành Luật về quản lý và khai thác tài nguyên khoáng sản;
- Căn cứ Sắc luật số 0618/009 ngày 21/06/2018 ban hành Luật sửa đổi bổ sung Điều 3, Điều 23, Điều 30, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, và Điều 40 của Luật về quản lý và khai thác tài nguyên khoáng sản, đã được ban hành theo Sắc luật số 0701/09 ngày 13/07/2001;
- Căn cứ Nghị định số 137 ngày 31/10/2018 về tổ chức và hoạt động của Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ số 72 ngày 08/04/2014 về quy định nguyên tắc quản lý việc thăm dò và khai thác tài nguyên cát;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 191 ngày 26/04/2016 về việc phân loại đánh giá tác động môi trường đối với dự án khai thác các loại khoáng sản xây dựng hoặc khoáng sản khác có tính chất thủ công nghiệp hoặc khai thác nhỏ giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 664 ngày 08/06/2016 về quy định giá thuê đất khu vực giấy phép tài nguyên khoáng sản giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Thông báo chung số 128 ngày 03/02/2017 về việc điều chỉnh Bảng phụ lục của Thông cáo chung số 1451 ngày 03/11/2015 về việc cung cấp dịch vụ công và xử phạt bổ sung tiền mặt của Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 760 ngày 28/09/2020 về Tỷ lệ thù lao đối với giá sản phẩm khoáng sản và thủ tục thanh toán tiền bản quyền giữa Bộ Kinh tế và Tài chính với Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 740 ngày 05/11/2021 về việc thành lập Quỹ khoáng sản hỗ trợ phát triển của cộng đồng địa phương;

- Căn cứ Thông báo số 0210 ngày 14/09/2022 về thủ tục, quy trình và điều kiện đề nghị xin gia hạn và chuyển nhượng giấy phép khai thác mỏ lộ thiên và mỏ đá, và sự thay đổi thành phần cổ đông và/hoặc thay đổi người quản lý công ty/hoặc doanh nghiệp khai thác mỏ cát xây dựng và sỏi từ sông, hồ, kênh, ao, suối và biển;

- Căn cứ Giấy phép khai thác mỏ lộ thiên và mỏ đá số 0092 ngày 08/08/2022 của Bộ Mỏ và Năng lượng.

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Cho phép Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK, có địa chỉ tại Đường Concrete, Làng Deum Makleu, Khu phố Chbar Ampov 1, Quận Chbar Ampov, Thủ đô Phnom Penh, tiến hành khai thác cát dọc lưu vực sông sông Mê Kông ở xã Peam Reang, xã Sonda và xã Khdop Ateav huyện Leuk Dek, tỉnh Kandal và xã Koh Chek, huyện Peam Chor, tỉnh Prey Veng.

**Điều 2:** Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK được tiến hành khai thác tài nguyên khoáng sản trong phạm vi giấy phép có toạ độ quy định trong bản đồ của giấy phép và phù hợp với Thông báo số 0126 về điều kiện giấy phép khai thác mỏ lộ thiên và mỏ (đối với việc khai thác cát) theo các điều khoản giấy phép khai thác công nghiệp (đối với việc quản lý khai thác).

**Điều 3:** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày 10/07/2024 đến ngày 10/07/2026.

**Điều 4:** Chánh Văn phòng, Tổng Cục trưởng Tổng Cục Tài nguyên khoáng sản, Tổng Cục trưởng Tổng Cục Công tác chung, Tổng Thanh tra, Giám đốc Sở Mỏ và Năng lượng tỉnh Kandal, và Giám đốc Sở Mỏ và Năng lượng tỉnh Prey Veng, và Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK chịu trách nhiệm thực hiện hiệu quả theo nhiệm vụ của mình./.

## BẢN ĐỒ VỊ TRÍ KHU VỰC KHAI THÁC

| Khu vực                 | Điểm | Hoành độ | Tung độ |
|-------------------------|------|----------|---------|
| Z1                      | A    | 522163   | 1227113 |
|                         | B    | 523199   | 1226584 |
|                         | C    | 522159   | 1226578 |
| Diện tích 27,80 héc-ta  |      |          |         |
| Khu vực                 | Điểm | Hoành độ | Tung độ |
| Z2                      | D    | 522921   | 1224828 |
|                         | E    | 523145   | 1224828 |
|                         | F    | 523102   | 1223749 |
|                         | G    | 522393   | 1221134 |
|                         | H    | 521934   | 1219708 |
|                         | I    | 521560   | 1219884 |
|                         | J    | 521314   | 1219372 |
|                         | K    | 520953   | 1219450 |
|                         | L    | 521267   | 1221314 |
|                         | M    | 521143   | 1222451 |
|                         | N    | 521329   | 1222458 |
|                         | O    | 521580   | 1220804 |
|                         | P    | 522369   | 1221982 |
|                         | Q    | 522909   | 1223837 |
| Diện tích 282,80 héc-ta |      |          |         |
| WGS 1984 UTM ZONE 48N   |      |          |         |



Scanned with

CamScanner

Được quét bằng CamScanner



Số: 15310/2024/GDL/CBA  
Chứng thực bản dịch chính xác với văn bản tiếng Khmer  
Bộ Ngoại giao và Hợp tác Quốc tế.  
Tổng Vụ Pháp chế, Lãnh sự và Biên giới.  
Phnom Penh, ngày 12/07/2024  
(Ký tên và đóng dấu) Tổng Vụ trưởng: **THO SAMNANG**

Phnom Penh, ngày 24/06/2024  
**Bộ trưởng Bộ Mô và Năng lượng**  
(đã ký và đóng dấu) **Keo Ratanak**

Tôi Vũ Trí Quang, Hộ chiếu số  
D0028430, cam đoan đã dịch chính  
xác nội dung của giấy tờ/văn bản này  
từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ngày 17 tháng 07 năm 2024  
Người dịch



**Vũ Trí Quang**

Ngày 17 tháng 07 năm 2024, tại Đại sứ quán Việt Nam  
tại Campuchia, tôi Trần Văn Phương là Bí thư thứ  
Nhất, chứng thực Ông Vũ Trí Quang là người đã ký  
vào bản dịch này.

Số chứng thực: 120, Quyền số: 01/2024 - SCT/CKND

TL. ĐẠI SỨ  
BÍ THƯ THỨ NHẤT  
  
Trần Văn Phương



**KINGDOM OF CAMBODIA**  
**Nation Religion King**

**MINISTRY OF MINES AND ENERGY**

**LICENCE FOR OPEN MINES AND QUARRY SITE**

**MINISTER OF MINISTRY OF MINES AND ENERGY**

- Having seen the Constitution of the Kingdom of Cambodia;
- Having seen the Royal Decree N° 0823/1981, dated 22 August 2023, on the Appointment of the Royal Government of the Kingdom of Cambodia;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 0618/012, dated 28 June 2018, Promulgating the Law on Management and Function of the Council of Ministers;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 1213/017, dated 09 December 2013, Promulgating the Law on Establishment of Ministry of Mines and Energy;
- Having Seen the Royal Proclamation No 0701/09, dated 13 July 2001, Promulgating the Law on Management and Mineral Resource Exploitation;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 0618/009, dated 21 June 2018, Promulgating the Law on Amendment of the Article 3, Article 23, Article 30, Article 33, Article 34, Article 35, Article 36, Article 37, Article 38, Article 39, and Article 40 of the Law on Management and Mineral Resource Exploitation, Promulgating by the Royal Proclamation N° 0701/09 dated 13 July 2001;
- Having seen the Sub-decree N° 137 dated 31 October 2018, on Management and Function of the Ministry of Mines and Energy;
- Having seen the Sub-decree No. 72 on Management of Exploration and Industrial Mining License;
- Having seen the Inter-Ministerial Statement N° 191, dated 26 April 2016, on Classification of Assessment on Environmental Impact for the Project of All kinds of Mineral Construction Exploitations or other Minerals Characterized as Handicraft or Small Enterprise Between Ministry of Economy and Finance, and the Ministry of Mine and Energy;
- Having seen the Inter-Ministerial Statement No 664, dated 8 June 2016, on Determination of Land Fee for Mineral Resource License Area Between Ministry of Economy and Finance, and the Ministry of Mine and Energy;
- Having seen Joint Statement N° 198, dated 3 February 2017, on Revision of the Annex of the Joint Statement No 1454, dated 3 November 2015, on Provision of Public Services and Transactional Fees, by Ministry of Mine and Energy;
- Having seen the Inter-Ministerial Prakas No. 760 dated 28 September 2020 on Royalty Rates on Mineral Products and Royalties Payment Procedures.



- Having seen the Inter-Ministerial Prakas No. 740 dated 05 November 2021, on Establishment of a Mineral Fund to Support Local Community Development;
- Having seen Prakas No. 0210, dated 14 September 2022 of the Ministry of Mines and Energy on the formality and procedure for Renewal and Transfer of License for Open Mining and Quarrying and Change of shareholder and / or change of company manager/ enterprise manager for sand mining, construction, sand and gravel construction from rivers, streams, creeks, lakes and sea;
- Reference to the terms of license for open mines and quarry sited No. 0092 dated 08 August 2022 of the Ministry of Mines and Energy;

### DECIDES

**Article 1:** This is to authorize the company of **CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.** located at Concrete Street, Deum Makleu Village, Chbar Ampov 1 Quarter, Chbar Am Pov District, Phnom Penh, to exploit sand for construction along Mekong River, Koki Thom Commune and Samroung Thom Commune, Kien Svay District and Kampong Phnom Commune, Leuk Dek District Kandal Province, and Peam Meanchey Commune, Peam Ro District, Prey Veng Province.

**Article 2:** The company of **CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD** shall operate the mineral resources in the licensed area defined in this license map, and in accordance with the Prakas N° 0126 on the Terms of Open Minerals and Quarry Site (for exploitation of construction sand) on mining license industry conditions (for manganese mining business).

**Article 3:** This License is valid from 10 July 2024 to 10 July 2026.

**Article 4:** Director of the Cabinet, Director-General of Directorate-General of Mineral Resources, Director-General of Directorate-General of General Affairs, Inspector-General, Director of Mine and Energy Office of Kandal Province, Director of Mine and Energy Office of Prey Veng Province, and the Company **CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD.** shall accept the implementation of this License according to their respective duties.



Scanned with  
CamScanner

Được quét bằng CamScanner

## ZONE MAP OF EXPLOITATION LOCATION



Made in Phnom Penh, dated 24 June 2024

MINISTER

Signed and sealed: KEO RATANAK

No. 15310 /2024/GDI.CBA

Certified correct translation with the Khmer text.

Ministry of Foreign Affairs and Int.<sup>l</sup> Cooperation

General Department of Legal and Consular and Border Affairs

Phnom Penh, 12 July 2024





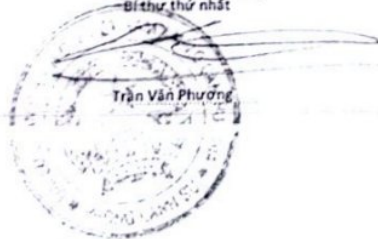


ĐẠI SỨ QUÁN NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM TẠI V.Q. CAMPUCHIA  
EMBASSY OF THE S.R. OF VIETNAM IN THE KINGDOM OF CAMBODIA

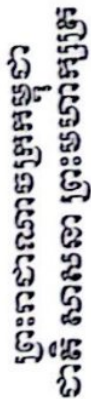
CHỨNG NHẬN / HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ  
CONSULAR AUTHENTICATION  
Việt Nam

1. Quốc gia  
Country
- Giấy tờ, tài liệu này  
This public document  
THO SAMNANG
2. do Ông (Bà)  
has been signed by
3. với chức danh Tổng Vụ trưởng Vụ Luật, Lãnh sự và Biên giới  
acting in the capacity of
4. và con dấu của Bộ Ngoại giao và  
bears the seal/stamp of Hợp tác quốc tế Campuchia
- được chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự  
Certified
5. tại Phnom Penh 6. ngày 17 07 2024  
at the
7. Cơ quan cấp Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia  
by
8. Số 099 CNLS/HPHLS  
Nº

Ký tên và đóng dấu  
Signature and seal/stamp  
Bí thư thứ nhất



Trần Văn Phương



អ្នកបោះពុម្ព  
 Journal of Mass and Energy  
 លេខ ០១១២ ឆ្នាំ ២០២២

လယ်ကလေးတွေ၊ ရွာကလေးတွေ၊ မြို့ကလေးတွေ၊

പ്രസിദ്ധപ്പെടുത്തുന്നതിനുള്ള അനുമതി

សម្រាប់ការប្រើប្រាស់ប្រព័ន្ធនេះ អ្នកប្រើប្រាស់ត្រូវតែអាននិងយល់ដឹងពីលក្ខខណ្ឌប្រើប្រាស់នេះ ព្រមទាំងអនុវត្តតាមការណែនាំរបស់ក្រុមហ៊ុន។

ចំនួនស្រី  
ដែលបានបោះឆ្នោត  
នៅក្នុងខណ្ឌទាំងបី  
នេះគឺមានដូចខាងក្រោម៖

|      | ខណ្ឌទី១ | ខណ្ឌទី២ | ខណ្ឌទី៣ |
|------|---------|---------|---------|
| សរុប | ៤០៩     | ៥៦៧     | ៨២៦     |
| ស្រី | ២០៩     | ២៨៣     | ៤១៣     |

[illegible]

පාලන කමිටුවේ සභාපතිවරයාගේ නම සහ සේවයේ ස්ථානය සහතික කළ යුතුය.

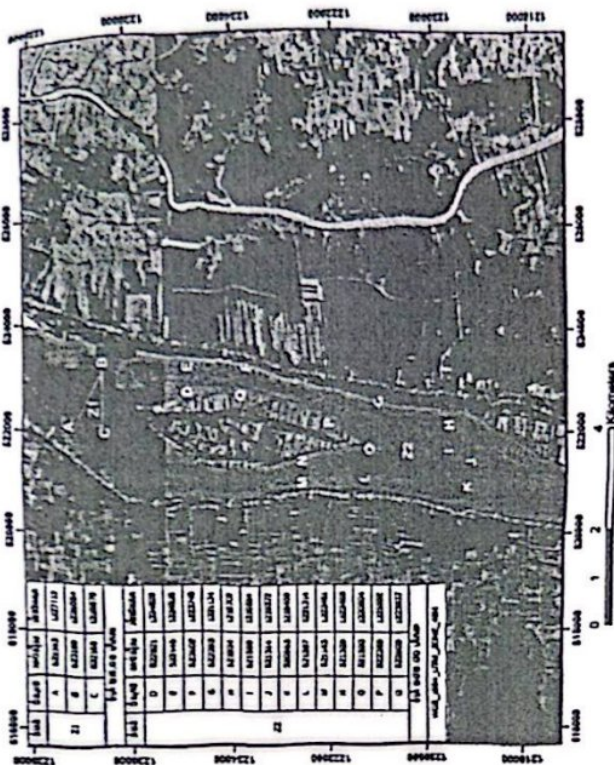
[illegible][illegible]

ចំណេះដឹងប្រកាសអង្គប្រជុំសម្រេចលេខ៨៤០ សហប្រយោជន៍ព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា ថ្ងៃទី២២ ខែវិច្ឆិកា ឆ្នាំ២០២១ ក្នុងកិច្ចសហប្រតិបត្តិការជាមួយអង្គការសហប្រជាជាតិ និងអង្គការសហប្រជាជាតិ

[illegible][illegible][illegible][illegible]

ប្រធានកម្មវិធី និងថាមពលសង្គតិភូមិ និងប្រជាជនខ្ចីរំពឹងថាចរណសម្បត្តិព្រៃ និងព្រហ្មស ចុះ ប៉ុន្តែ សេស សំបុត្រ កម្ពុជា អាច  
ដឹក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវបានប្រើប្រាស់សម្រាប់ការកាត់ទៀងផ្សេង

| Unit | Age | Weight  | Address |
|------|-----|---------|---------|
| 21   | A   | 1477112 |         |
|      | B   | 1477112 |         |
|      | C   | 1477112 |         |
| 22   | D   | 1477112 |         |
|      | E   | 1477112 |         |
|      | F   | 1477112 |         |
|      | G   | 1477112 |         |
|      | H   | 1477112 |         |
|      | I   | 1477112 |         |
|      | J   | 1477112 |         |
|      | K   | 1477112 |         |
|      | L   | 1477112 |         |
|      | M   | 1477112 |         |
|      | N   | 1477112 |         |
|      | O   | 1477112 |         |
|      | P   | 1477112 |         |
|      | Q   | 1477112 |         |
|      | R   | 1477112 |         |



ថ្ងៃ ២២ កក្កដា ខែ ឧសភា ឆ្នាំ ២០២៤ ធ្វើនៅរាជធានីភ្នំពេញ ថ្ងៃ ២៤ ខែ មិថុនា ឆ្នាំ ២០២៤



慈惠





**VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA**  
**Dân tộc - Tôn giáo - Quốc vương**

**Bộ Mỏ và Năng lượng**  
**Số: 0127**

**THÔNG BÁO**  
**VỀ**  
**ĐIỀU KIỆN CỦA GIẤY PHÉP MỎ LỘ THIÊN VÀ MỎ ĐÁ**  
**(ĐỐI VỚI KHAI THÁC CÁT)**  
\*\*\*\*\*

**BỘ TRƯỞNG BỘ MỎ VÀ NĂNG LƯỢNG**

- Căn cứ Hiến pháp Vương quốc Campuchia;
- Căn cứ Sắc lệnh số 0823/1981 ngày 22/08/2023 về việc bổ nhiệm Chính phủ Hoàng gia Vương quốc Campuchia;
- Căn cứ Sắc luật số 0618/012 ngày 28/06/2018 ban hành luật về tổ chức và hoạt động của Nội các chính phủ;
- Căn cứ Sắc luật số 1213/017 ngày 09/12/2013 ban hành Luật về thành lập Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Sắc luật số 0701/09 ngày 13/07/2001 ban hành Luật về quản lý và khai thác tài nguyên khoáng sản;
- Căn cứ Sắc luật số 0618/009 ngày 21/06/2018 ban hành Luật sửa đổi bổ sung Điều 3, Điều 23, Điều 30, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, và Điều 40 của Luật về quản lý và khai thác tài nguyên khoáng sản, đã được ban hành theo Sắc luật số 0701/09 ngày 13/07/2001;
- Căn cứ Nghị định số 137 ngày 31/10/2018 về tổ chức và hoạt động của Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ số 72 ngày 08/04/2014 về quy định nguyên tắc quản lý và khai thác tài nguyên cát;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 191 ngày 26/04/2016 về việc phân loại đánh giá tác động môi trường đối với dự án khai thác các loại khoáng sản xây dựng hoặc các khoáng sản khác có tính chất thủ công hoặc khai thác quy mô nhỏ giữa Bộ Môi trường và Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 664 ngày 08/06/2016 về quy định giá thuê đất khu vực giấy phép tài nguyên khoáng sản giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;

- Căn cứ Thông báo chung số 128 ngày 03/02/2017 về việc điều chỉnh Bảng phụ lục của Thông cáo chung số 1451 ngày 03/11/2015 về việc cung cấp dịch vụ công và xử phạt bổ sung tiền mặt của Bộ Mỏ và Năng lượng;

- Căn cứ Thông báo liên bộ số 760 ngày 28/09/2020 về tỉ lệ phí đối với giá trị các khoáng sản và thủ tục đóng phí giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;

- Căn cứ Thông báo liên bộ số 740 ngày 05/11/2021 về việc thành lập Quỹ khoáng sản hỗ trợ công tác phát triển cộng đồng địa phương giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;

- Căn cứ Thông báo liên bộ số 134 ngày 21/02/2024 về thủ tục và quy trình đóng nghĩa vụ tài chính không phải là thuế đối với việc xuất khẩu sản phẩm khoáng sản giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;

- Căn cứ Thông báo số 0210 ngày 14/09/2022 về thủ tục, quy trình và điều kiện đề nghị xin gia hạn và chuyển nhượng giấy phép khai thác mỏ lộ thiên và mỏ đá, và sự thay đổi thành phần cổ đông và/hoặc thay đổi người quản lý công ty/hoặc doanh nghiệp khai thác mỏ cát xây dựng, đất pha cát và sỏi từ sông, hồ, kênh, ao, suối và biển;

- Căn cứ văn bản số 334 ngày 05/03/2020 của Hội đồng Bộ trưởng;

- Căn cứ văn bản số 678 ngày 04/05/2020 của Bộ Nguồn nước và Khí tượng;

- Căn cứ Giấy phép khai thác mỏ lộ thiên và mỏ đá số 0085 ngày 27/07/2022 của Bộ Mỏ và Năng lượng

- Căn cứ đơn xin gia hạn Giấy phép mỏ lộ thiên và mỏ đá để khai thác cát xây dựng của Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK ngày 09/04/2024;

- Căn cứ Biên bản cuộc họp về các điều khoản Giấy phép giữa Cục khai thác khoáng sản cát xây dựng và Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK ngày 13/05/2024;

- Căn cứ Biên bản cuộc họp về việc thực hiện nghĩa vụ tài chính và các nghĩa vụ khác giữa Cục khai thác khoáng sản cát xây dựng và Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK ngày 06/07/2020;

- Căn cứ dự kiến kế hoạch sản xuất khai thác cát xây dựng của Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK ngày 13/05/2024;

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Điều 1: Mục đích**

Thông báo này nhằm quy định điều kiện cho phép Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK, có địa chỉ tại Plov Betong, thôn Deum Makhleu, phường Chba Ampov 1, quận Chba Ampov, thủ đô Phnom Penh, tiến hành khai thác cát dọc hạ lưu sông Mê Kông ở xã Peam Reang, huyện Leuk Dek, tỉnh Kandal và xã Svay Phluos, huyện Peam Chor, tỉnh Prey Veng với diện tích 67,60 héc-



ta, chia thành hai khu vực, có điểm tọa độ theo hệ thống WGS\_1984 UTM Zone 48N như dưới đây:

- Khu vực 01 diện tích 49,80 héc-ta

| Điểm | Hoành độ | Tung độ   | Điểm | Hoành độ | Tung độ   |
|------|----------|-----------|------|----------|-----------|
| A    | 5 26 482 | 12 32 742 | D    | 5 25 825 | 12 31 393 |
| B    | 5 26 816 | 12 32 601 | E    | 5 26 095 | 12 31 915 |
| C    | 5 26 082 | 12 31 296 | F    | 5 26 047 | 12 31 978 |

- Khu vực 02 diện tích 17,80 héc-ta

| Điểm | Hoành độ | Tung độ   | Điểm | Hoành độ | Tung độ   |
|------|----------|-----------|------|----------|-----------|
| G    | 5 25 069 | 12 31 621 | K    | 5 24 509 | 12 29 405 |
| H    | 5 25 152 | 12 31 589 | L    | 5 24 437 | 12 29 405 |
| I    | 5 24 515 | 12 30 550 | M    | 5 24 402 | 12 29 950 |
| J    | 5 24 475 | 12 29 949 | N    | 5 24 440 | 12 30 551 |

## **Điều 2: Nghĩa vụ theo các quy định của pháp luật**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải tiến hành khai thác tài nguyên khoáng sản trong khu vực giấy phép quy định tại Điều 1 theo quy định của Luật về quản lý và khai thác tài nguyên khoáng sản và các văn bản pháp quy hiện hành.

Trong trường hợp công ty xuất khẩu cát ra nước ngoài, công ty phải nộp đơn xin nguyên tắc xác định hạn ngạch (quota) xuất khẩu sản phẩm khoáng sản đến Bộ để công ty đóng thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo luật hiện hành.

## **Điều 3: Nghĩa vụ gửi báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải cung cấp cho Bộ Mỏ và Năng lượng báo cáo đánh giá tác động môi trường và xã hội một cách đầy đủ mà có sự nhất trí chính thức từ Bộ Môi trường trong thời gian 06 (sáu) tháng kể từ ngày ký.

**Điều 4: Nghĩa vụ cắm phao xác định ranh giới giấy phép, biển hiệu (logo) và thời gian khai thác**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải cắm phao nhận biết xác định ranh giới giấy phép như đã nêu trong Điều 1 và phải gìn giữ, bảo vệ nguyên vẹn trong thời gian hiệu lực của Giấy phép tài nguyên khoáng sản.

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải tiến hành khai thác tài nguyên khoáng sản sắt từ 06h00 đến 18h00 và phải tham vấn thêm với cộng đồng địa phương và chính quyền sở tại.



#### **Điều 5: Nghĩa vụ tham vấn và xin cấp phép trước**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải tham vấn với hoặc đề nghị xin phép trước từ chính quyền địa phương liên quan và cộng đồng sở tại mà có thể chịu tác động từ việc khai thác tài nguyên khoáng sản phù hợp theo giấy phép này.

#### **Điều 6: Điều kiện kỹ thuật**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải tiến hành hoạt động khai thác cát trên diện tích đã được xác định tại Điều 1 ở trên và phải thực hiện theo các tiêu chuẩn kỹ thuật sau đây:

- Phải bơm hút di động, không cho phép công ty bơm hút ở cùng một vị trí quá 7 ngày.
- Bơm hút phải tuân thủ điều kiện kỹ thuật đã quy định trong văn bản số 678 ngày 04/05/2020 của Bộ Nguồn nước và Khí tượng.
- Khu vực chứa cát của công ty phải làm bờ bao quanh và bố trí hệ thống xử lý lọc nước đúng tiêu chuẩn kỹ thuật, tránh việc nước bắn đổ vào sông và ngăn ngừa không để sạt lở bờ.
- Việc vận chuyển phải tuân thủ theo thông tư của Bộ Mỏ và Năng lượng số 0310 ngày 20/10/2015 về các biện pháp đối với việc vận chuyển các loại khoáng sản xây dựng.
- Các điều kiện kỹ thuật khác được quy định bởi Bộ Mỏ và Năng lượng hoặc Tổng Cục tài nguyên khoáng sản.

#### **Điều 7: Nghĩa vụ tài chính**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải đóng cho nhà nước các nghĩa vụ thuế và không phải thuế cũng như nghĩa vụ tài chính khác phù hợp với luật và các văn bản pháp quy hiện hành. Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải gửi Bộ kiểm tra trong thời gian 15 (mười lăm) ngày kể từ khi kết thúc mỗi quý báo cáo về việc khai thác cát, báo cáo về số lượng cát đã bơm hút được và báo cáo bán hoặc đã sử dụng trong mỗi quý.

#### **Điều 8: Nghĩa vụ cung cấp báo cáo và thông tin**

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải gửi Bộ kiểm tra trong thời gian 15 ngày kể từ khi kết thúc mỗi quý báo cáo về việc khai thác cát, báo cáo về số lượng cát đã bơm hút được và báo cáo bán hoặc đã sử dụng trong mỗi quý.

Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải kịp thời báo cáo Bộ Mỏ và Năng lượng trường hợp phát hiện loại khoáng sản khác ngoài khoáng sản là danh mục khai thác trong phạm vi giấy phép của mình và tạm thời dừng các hoạt động khai thác, đợi Bộ kiểm tra quyết định.



## **Điều 9: Quyền treo hoặc thu hồi giấy phép**

Bộ Mỏ và Năng lượng có thể treo hoặc thu hồi giấy phép thông qua việc ra các thông báo bằng văn bản trong những trường hợp dưới đây:

A- Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK không thực hiện theo bất cứ quy định nào của Thông báo này hoặc không tuân thủ quy định hoặc công tác thanh tra nào của Bộ Mỏ và Năng lượng.

B- Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK không thực hiện nghĩa vụ của mình trong thời gian 60 ngày hoặc thời gian nhiều hơn này theo quy định của Bộ Mỏ và Năng lượng để thực hiện hoặc tiến hành thay đổi.

C- Có bất cứ điều kiện kỹ thuật cần thiết nào mà Bộ Mỏ và Năng lượng thấy rằng hoạt động khai thác tài nguyên khoáng sản trong phạm vi giấy phép đã cấp có rủi ro cao đến môi trường hoặc kinh tế hoặc xã hội.

D- Bản báo cáo theo quy định như đã nêu tại các Điều ở trên có tính chất sai hoặc không đúng.

E- Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK trở thành người nợ, phá sản hoặc giải thể

Trường hợp giấy phép bị thu hồi, Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK phải hoàn thành các nghĩa vụ còn lại của mình trước khi giấy phép bị thu hồi.

## **Điều 10: Hiệu lực**

Thông báo này có hiệu lực phù hợp với hiệu lực của Giấy phép mỏ lộ thiên và mỏ đá số **0127 ngày 24/06/2024**. Trường hợp công ty có ý định xin tiếp tục gia hạn Giấy phép mỏ lộ thiên và mỏ đá phải nộp đơn xin tiếp tục gia hạn giấy phép theo quy định hiện hành của Bộ Mỏ và Năng lượng trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày trước ngày hết hiệu lực của Giấy phép.

Quá thời hạn này, Bộ Mỏ và Năng lượng sẽ bác bỏ đơn xin tiếp tục gia hạn Giấy phép.

## **Điều 11: Triển khai thực hiện**

Chánh Văn phòng, Tổng Cục trưởng Tổng Cục Tài nguyên khoáng sản, Tổng Cục trưởng Tổng Cục Công tác chung, Tổng Thanh tra, Giám đốc Sở Mỏ và Năng lượng tỉnh Kandal, Giám đốc Sở Mỏ và Năng lượng tỉnh Prey Veng và Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK chịu trách nhiệm thực hiện Thông báo này theo nhiệm vụ của mình./.

### **Sao gửi:**

- Hội đồng Bộ trưởng;
- Bộ Nội vụ;
- Bộ Kinh tế và Tài chính;
- Bộ Nguồn nước và Khí tượng;

Phnom Penh, ngày 24/06/2024  
**Bộ trưởng Bộ Mỏ và Năng lượng**  
(đã ký và đóng dấu)  
**Keo Ratanak**

- Bộ Quy hoạch đất đai, Đô thị hoá và Xây dựng;
- Bộ Môi trường;
- Bộ Nông, Lâm và Ngư nghiệp;
- Ủy ban Quản lý tài nguyên cát;
- UBND tỉnh Kandal;
- UBND tỉnh Prey Veng;
- UBND huyện Leuk Dek;
- UBND huyện Kien Svay;
- UBND huyện Peam Chhor;
- Như Điều 11 để thực hiện;
- Văn thư, lưu trữ

Số: 15311/2024/GDLCBA

Chứng thực bản dịch chính xác với văn bản tiếng Khmer

Bộ Ngoại giao và Hợp tác Quốc tế.

Tổng Vụ Pháp chế, Lãnh sự và Biên giới.

Phnom Penh, ngày 12/07/2024

(Ký tên và đóng dấu) Tổng Vụ trưởng: **THO SAMNANG**

Phnom Penh, ngày 24/06/2024

**Bộ trưởng Bộ Mỏ và Năng lượng**

(đã ký và đóng dấu) **Keo Ratanak**

Tôi Vũ Trí Quang, Hộ chiếu số D0028430, cam đoan đã dịch chính xác nội dung của giấy tờ/văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ngày 17 tháng 07 năm 2024

Người dịch



**Vũ Trí Quang**

Ngày 17 tháng 07 năm 2024, tại Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia, tôi Trần Văn Phương là Bí thư thứ Nhất, chứng thực Ông Vũ Trí Quang là người đã ký vào bản dịch này.

Số chứng thực: 121, Quyền số: 01/2024 - SCT/CKND

**TL. ĐẠI SỨ**

**BÍ THƯ THỨ NHẤT**



**Trần Văn Phương**





**KINGDOM OF CAMBODIA**  
**Nation Religion King**

**MINISTRY OF MINES AND ENERGY**

**N°0127 IG.HET.U**

**STATEMENT  
ON  
TERMS OF LICENCE FOR OPEN MINES AND QUARRY SITES  
(FOR EXPLOITATION OF CONSTRUCTION SAND)**

**MINISTER OF MINISTRY OF MINES AND ENERGY**

- Having seen the Constitution of the Kingdom of Cambodia;
- Having seen the Royal Decree N° 0823/1981, dated 22 August 2023, on the Appointment of the Royal Government of the Kingdom of Cambodia;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 0618/012, dated 28 June 2018, Promulgating the Law on Management and Function of the Council of Ministers;
- Having Seen the Royal Proclamation N°1213/017, dated 09 December 2013, Promulgating the Law on Establishment of Ministry of Mine and Energy;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 0701/09, dated 13 July 2001, Promulgating the Law on Management and Mineral Resource Exploitation ;
- Having Seen the Royal Proclamation N°0618/009, dated 21 June 2018, Promulgating the Law on Amendment of the Article 3, Article 23, Article 30, Article 33, Article 34, Article 35, Article 36, Article 37, Article 38, Article 39, and Article 40 of the Law on Management and Mineral Resource Exploitation, Promulgating by the Royal Proclamation N° 0701/09 dated 13 July 2001;
- Having seen the Decree N° 137 dated 31 October 2018, on Management and Function of the Ministry of Mines and Energy;
- Having seen the Decision of the Royal Government N° 72, dated 08 April 2024, on Determination of Principles for Sand Exploitation;
- Having seen the Inter-Ministerial Statement N° 191, dated 26 April 2016, on Classification of Assessment on Environmental Impact for the Project of All kinds of Mineral Construction Exploitations or other Minerals Characterized as Handicraft or Small Enterprise Between Ministry of Economy and Finance, and the Ministry of Mine and Energy;
- Having seen the Inter-Ministerial Statement No 664, dated 8 June 2016, on Determination of Land Fee for Mineral Resource License Area Between Ministry of Economy and Finance, and the Ministry of Mine and Energy;
- Having seen Joint Statement N° 128, dated 3 February 2017, on Revision of the Annex of the Joint Statement No 1451, dated 3 November 2015, on Provision of Public Services and Transitional Fines by Ministry of Mine and Energy;
- Having seen the Inter-Ministerial Prakas No. 760 dated 28 September 2020 on Royalty Rates on Mineral Products and Royalties Payment Procedures;
- Having seen the Inter-Ministerial Prakas No. 740 dated 05 November 2021, on Establishment of a Mineral Fund to Support Local Community Development;
- Having seen the Inter-Ministerial Prakas No. 134 dated 21 February 2024 on the formality and procedure of payment for non-fiscal obligations for the export of mineral products between the Ministry of Economy and Finance and the Ministry of Mines and Energy;
- Having seen Prakas No. 0210, dated 11 September 2022 of the Ministry of Mines and Energy on the formality and procedure for Renewal and Transfer of License for Open Mining and Quarrying and Change of shareholder and or change of company manager

enterprise manager for sand mining, construction, sand and gravel construction from rivers, streams, creeks, lakes and sea;

- Reference to Letter N° 334 of the Council of Ministers, dated 5 March 2020;
- Reference to Letter N° 678 of the Ministry of Water Resource and Meteorology, dated 4 May 2020;
- Reference to the terms of license for open mines and quarry sited No. 0085 dated 27 July 2022 of the Ministry of Mines and Energy;
- Reference to letter requesting for renewal of the Company: CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, dated 09 April 2024;
- Reference to Meeting Minutes on terms of License and Minimum Quantity between Department of Construction Sand Exploitation and CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, dated 13 May 2024;
- Reference to Meeting Minutes on terms of Implementation of Financial Obligations and other Obligations between Department of Construction Sand Exploitation and CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, dated 6 July 2020.
- Reference to Project Planning of Production of Mineral Resource Exploitation for Construction Sand of CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, dated 13 May 2024;

## DECIDES

### Article 1.- Purpose

This Statement aims to set the terms for company of CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, located at Concrete Street, Deum Makleu Village, Cbar Ampov I Quarter, Cbar Am Pov District, Phnom Penh, to exploit sand for construction along Mekong River, Peam Rang Commune and Leuk Dek Commune, Kandal Province, and Svay Phluos Commune, Peam Chhor District, Prey Veng Province, on the land size of 67.60 hectares, with specific location by system of WSG\_1984\_UTM\_Zone\_48N as follows:

- 1<sup>st</sup> location on the land size of 49.80 hectares

| POINT | ABSCISSA | ORDINATE | POINT | ABSCISSA | ORDINATES |
|-------|----------|----------|-------|----------|-----------|
| A     | 526482   | 1232742  | D     | 525825   | 1231393   |
| B     | 526816   | 1232601  | E     | 526095   | 1231915   |
| C     | 526082   | 1231296  | F     | 526047   | 1231987   |

- 2<sup>nd</sup> location on the land size of 17.80 hectares

|   |        |         |   |        |         |
|---|--------|---------|---|--------|---------|
| G | 525069 | 1231621 | K | 524509 | 1229505 |
| H | 525152 | 1231589 | L | 524437 | 1229405 |
| I | 524515 | 1230550 | M | 524402 | 1229950 |
| J | 524475 | 1229949 | N | 524440 | 1230551 |

### Article 2: Obligation In Accordance with Legal Regulations

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall operate mineral resources in the business license areas as set in the Article 1 in accordance with Provisions of the Law on Management and Exploitation of Mineral Resources and Other Existing Legal Norms.



In case the Company wishes to export sand abroad, the Company shall apply for export quota of mineral products from the Ministry so as the Company pays royalties and other financial obligations in accordance with the law in force.

### **Article 3: Obligation to Submit the Report of Environmental Impact Assessment**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall submit the Report of Social and Environmental Impact Assessment, to the Ministry of Mines and Energy, with official approval by Ministry of Environment at least 6 months from the date of the signature.

### **Article 4: Obligation to Float the Balloons to Mark the Business Boundary and Hours of Operation**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall float the balloons to mark the business boundary as stipulated in the Article 1 and shall maintain and protect it during the validity of mineral resource license.

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall operate sand mineral resources, starting from 06:00hr to 18:00hr and shall further consult with local communities and authorities concerned.

### **Article 5: Obligation to Consultation and Permission in Advance**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall consult and request an advance permission from the local communities and authorities concerned that may be affected by the operations of mineral resource in accordance with this license.

### **Article 6: Technical Norms**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall run the construction sand business on designated land as set out in the above Article 1 and must abide by the following technical specifications:

- Shall dredge sand by moving from one place to another, and shall not stay at one place more than 7 days;
- Shall dredge with respect to due techniques set out in the Letter N° 678 dated 4 May 2020, of the Ministry of Water Resource and Meteorology;
- The sand depots shall build dam around it, and set up water filtration system properly and technically, avoid draining of muddy water into the river, and to prevent riverbank from collapse.;
- Transportations shall abide by the Circular of Ministry of Mine and Energy N° 0310 dated 20 October 2015, on Rules for Transportations of All Kind of Construction Mines;
- Other conditions required by the Ministry of Mines and Energy and General Departments of Mines.

#### **Article 7: Financial obligations**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, must pay the state its non- tax and other financial obligations in accordance with the laws and regulations in force. CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD shall submit to the Ministry for review within 15 days after the end of each quarter the report on sand mining, the report on the amount of sand. Which can be pumped and reported on sales or used in each quarter.

#### **Article 8: Obligations to provide reports and information**

The Company, CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD shall submit to the Ministry for review within 15 days after the end of each quarter the report on sand mining, the report on the amount of sand. Which can be pumped and reported on sales or used in each quarter.

CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD must immediately report to the Ministry of Mines and Energy in the event of the discovery of any minerals other than minerals that are the subject of business in its license. And have to temporarily suspend business activities pending a decision from the Ministry.

#### **Article 9: Right to suspend or revoke a license**

The Ministry of Mines and Energy may suspend or revoke the license by issuing a notice Written notice in the following cases:

- A- CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD. Fails to comply with any provision of this Prakas or fails to comply with any regulations or inspections issued by the Ministry. Minerals and energy;
- B- CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD Fails to perform its duties for 60 days or longer as required by the Ministry of Mines and Energy. Or make modifications ;
- C- There are any necessary technical conditions that the Ministry of Mines and Energy considers to operate mineral resources in a licensed domain that poses a high environmental or economic or social risk.
- D- Reports reported as defined in the above article are inaccurate or inaccurate.
- E- CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD. Becomes indebted, bankrupt or liquidated.

In case the license is revoked, Chaktomuk RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD is not exempted from fulfilling all its remaining obligations. Before the license is revoked. ND ENE Article

#### **Article 10: Validity**

This Prakas is valid in accordance with the validity of the open mine license and quarry site number 0127 dated 24 June 2024. In the case of companies wishing to renew their open mining and quarry licenses, they must apply to the Ministry of Mines and Energy for renewal of their licenses during 60 (sixty) days before the license expires.

After this expiration, the Ministry of Mines and Energy will reject the license renewal.



## Article 11: Implementation

Director of the Cabinet, Director-General of Directorate-General of Mineral Resources, Director-General of Directorate-General of General Affairs, Inspector-General, Chief of Mines and Energy Office of Kandal Province, Chief of Mines and Energy Office of Prey Veng Province, and the Company CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD, shall implement this Statement according to their respective duties.

Phnom Penh, dated 24 June 2024

**MINISTER OF MINISTRY OF MINE AND ENERGY**

Signed and sealed: **KEO RATANAK**

### Recipients:

- Council of Ministers
- Ministry of Interior
- Ministry of Economy and Finance
- Ministry of Water Resource and Meteorology
- Ministry of Land Management, Urbanization and Construction
- Ministry of Environment
- Ministry of Agriculture, Forestry and Fishery
- Committee for Sand Resource Management
- Administration of Kandal Province
- Administration of Prey Veng Province
- Administration of Leuk Dek District
- Administration of Peam Chhor District
- As Article 11 For Implementation
- Documentation-Archive

No. 15311 /2024/GDI.CBA

Certified correct translation with the Khmer text.

Ministry of Foreign Affairs and Int.al Cooperation.

General Department of Legal and Consular and Border Affairs

Phnom Penh, 12 July 2024



THO SAMNANG  
Director General



ĐẠI SỨ QUÁN NƯỚC CHXHCN VIỆT NAM TẠI V. Q. CAMPUCHIA  
EMBASSY OF THE S.R. OF VIETNAM IN THE KINGDOM OF CAMBODIA

CHỨNG NHẬN / HỢP PHÁP HÓA LÃNH SỰ  
CONSULAR AUTHENTICATION  
Việt Nam

1. Quốc gia  
Country
- Giấy tờ, tài liệu này  
This public document  
THO SAMNANG
2. do Ông (Bà)  
has been signed by
3. với chức danh  
acting in the capacity of
4. và con dấu của  
bears the seal/stamp of
- ky
- Tổng Vụ trưởng Vụ Luật, Lãnh sự và Biên giới
- Bộ Ngoại giao và  
Hợp tác quốc tế Campuchia
- được chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự  
Certified
5. tại  
at
6. ngày 17 07 2024  
the
7. Cơ quan cấp  
Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia
8. Số  
by 099 CNLS/HPHLS
- Nº

Ký tên và đóng dấu  
Signature and seal/stamp  
Bí thư Thứ nhất

Trần Văn Phương



Scanned with



CamScanner

Được quét bằng CamScanner





**ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល**  
**Ministry of Mines and Energy**  
**លេខ: ០១/២៧.១៤.៥៧១/ប្រ**

**ប្រកាស**  
**ស្តីពី**  
**លក្ខខណ្ឌនៃអាជ្ញាបណ្ណអន្តរាគមន៍បើក និងការដ្ឋានថាមពល**  
**(សម្រាប់អាជីវកម្មខ្សាច់)**

**រដ្ឋមន្ត្រីក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល**

- បានឃើញរដ្ឋធម្មនុញ្ញនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា
- បានឃើញព្រះរាជក្រឹត្យលេខនស/រកត/០៨២៣/១៩៨១ ចុះថ្ងៃទី២២ ខែសីហា ឆ្នាំ២០២៣ ស្តីពីការតែងតាំងរាជរដ្ឋាភិបាលនៃព្រះរាជាណាចក្រកម្ពុជា
- បានឃើញព្រះរាជក្រមលេខនស/រកម/០៦១៨/០១២ ចុះថ្ងៃទី២៨ ខែមិថុនា ឆ្នាំ២០១៨ ដែលប្រកាសឱ្យប្រើច្បាប់ស្តីពីការរៀបចំ និងការប្រព្រឹត្តទៅនៃគណៈរដ្ឋមន្ត្រី
- បានឃើញព្រះរាជក្រមលេខនស/រកម/១២១៣/០១៧ ចុះថ្ងៃទី៩ ខែធ្នូ ឆ្នាំ២០១៣ ដែលប្រកាសឱ្យប្រើច្បាប់ស្តីពីការបង្កើតក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញព្រះរាជក្រមលេខនស/រកម/០៧០១/០៩ ចុះថ្ងៃទី១៣ ខែកក្កដា ឆ្នាំ២០០១ ដែលប្រកាសឱ្យប្រើច្បាប់ស្តីពីការគ្រប់គ្រង និងការធ្វើអាជីវកម្មធនធានរ៉ែ
- បានឃើញព្រះរាជក្រមលេខនស/រកម/០៦១៨/០០៩ ចុះថ្ងៃទី២១ ខែមិថុនា ឆ្នាំ២០១៨ ដែលប្រកាសឱ្យប្រើច្បាប់ស្តីពីវិសោធនកម្មមាត្រា៣ មាត្រា២៣ មាត្រា៣០ មាត្រា៣៣ មាត្រា៣៤ មាត្រា៣៥ មាត្រា៣៦ មាត្រា៣៧ មាត្រា៣៨ មាត្រា៣៩ និងមាត្រា៤០ នៃច្បាប់ស្តីពីការគ្រប់គ្រង និងការធ្វើអាជីវកម្មធនធានរ៉ែដែលត្រូវប្រកាសឱ្យប្រើដោយព្រះរាជក្រមលេខនស/រកម/០៧០១/០៩ ចុះថ្ងៃទី១៣ ខែកក្កដា ឆ្នាំ២០០១
- បានឃើញអនុក្រឹត្យលេខ១៣៧ អនក្រ.បក ចុះថ្ងៃទី៣១ ខែតុលា ឆ្នាំ២០១៨ ស្តីពីការរៀបចំ និងការប្រព្រឹត្តទៅរបស់ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
- បានឃើញសេចក្តីសម្រេចរបស់រាជរដ្ឋាភិបាលលេខ៧២ សស ចុះថ្ងៃទី៨ ខែមេសា ឆ្នាំ២០២៤ ស្តីពីការកំណត់គោលការណ៍គ្រប់គ្រង និងការធ្វើអាជីវកម្មធនធានខ្សាច់

- បានឃើញប្រកាសអន្តរក្រសួងលេខ១៩១ ប្រក.បស្ថ ចុះថ្ងៃទី២៦ ខែមេសា ឆ្នាំ២០១៦ ស្តីពី ចំណាត់ថ្នាក់នៃការវាយតម្លៃហេតុប៉ះពាល់បរិស្ថាន សម្រាប់គម្រោងអាជីវកម្មវ៉ែស៊ីណង់គ្រប់ប្រភេទ ឬវ៉ែផ្សេង ទៀតដែលមានលក្ខណៈជាសិប្បកម្ម ឬអាជីវកម្មខ្នាតតូចរវាងក្រសួងបរិស្ថាន និង ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
  - បានឃើញប្រកាសអន្តរក្រសួងលេខ២៦៤ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី៨ ខែមិថុនា ឆ្នាំ២០១៦ ស្តីពី ការកំណត់ថ្លៃឈ្នួលដីតំបន់អាជ្ញាបណ្ណធនធានរ៉ែ រវាងក្រសួងសេដ្ឋកិច្ច និងហិរញ្ញវត្ថុ និងក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
  - បានឃើញប្រកាសរួមលេខ១២៨ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី៣ ខែកុម្ភៈ ឆ្នាំ២០១៧ ស្តីពីការកែសម្រួល តារាងឧបសម្ព័ន្ធភ្ជាប់នឹងប្រកាសរួមលេខ១៤៥១ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី៣ ខែវិច្ឆិកា ឆ្នាំ២០១៥ ស្តីពីការផ្តល់សេវាសាធារណៈ និងការពិន័យអន្តរការណ៍ជាប្រាក់ដោយក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
  - បានឃើញប្រកាសអន្តរក្រសួងលេខ៧៦០ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី២៨ ខែកញ្ញា ឆ្នាំ២០២០ ស្តីពី អត្រាសូយសារលើតម្លៃផលិតផលរ៉ែនិងនីតិវិធីនៃការបង់ថ្លៃសូយសាររវាងក្រសួងសេដ្ឋកិច្ច និង ហិរញ្ញវត្ថុ និងក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
  - បានឃើញប្រកាសអន្តរក្រសួងលេខ៧៤០ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី៥ ខែវិច្ឆិកា ឆ្នាំ២០២១ ស្តីពីការ បង្កើតមូលនិធិរ៉ែទ្រទ្រង់កិច្ចអភិវឌ្ឍន៍សហគមន៍មូលដ្ឋានរវាងក្រសួងសេដ្ឋកិច្ច និងហិរញ្ញវត្ថុ និង ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
  - បានឃើញប្រកាសអន្តរក្រសួងលេខ១៣៤ សហវ.ប្រក ចុះថ្ងៃទី២១ ខែកុម្ភៈ ឆ្នាំ២០២៤ ស្តីពី បែបបទ និងនីតិវិធីនៃការបង់កាតព្វកិច្ចហិរញ្ញវត្ថុមិនមែនសារពើពន្ធសម្រាប់ការនាំចេញផលិតផលរ៉ែ រវាងក្រសួងសេដ្ឋកិច្ច និងហិរញ្ញវត្ថុ និងក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល
  - បានឃើញប្រកាសលេខ២១១ ថេ.អខស.ប្រក ចុះថ្ងៃទី១៤ ខែកញ្ញា ឆ្នាំ២០២២ របស់ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល ស្តីពីបែបបទនីតិវិធី និងលក្ខខណ្ឌនៃការស្នើសុំការបន្ត និងការផ្ទេរសិទ្ធិអាជ្ញាបណ្ណ អណ្តូងរ៉ែបើក និងការដ្ឋានវាយថ្ម និងការផ្លាស់ប្តូរសមាសភាពកាតហ៊ុន និង/ឬការផ្លាស់ប្តូរអ្នក គ្រប់គ្រងក្រុមហ៊ុន/សហគ្រាសសម្រាប់អាជីវកម្មរ៉ែខ្សាច់សំណង់ ដីឈ្មោយខ្សាច់ និងក្រសួងពិបាក ទន្លេ ស្ទឹង ព្រែក បឹង អូរ និងសមុទ្រ
  - យោងលិខិតលេខ៣៣៤ សជណ.កជ ចុះថ្ងៃទី៥ ខែមីនា ឆ្នាំ២០២០ របស់ទីស្តីការគណៈរដ្ឋមន្ត្រី
  - យោងលិខិតលេខ២៧៨ ធទខ ចុះថ្ងៃទី៤ ខែឧសភា ឆ្នាំ២០២០ របស់ក្រសួងធនធានទឹក និង ឧតុនិយម
- យោងអាជ្ញាបណ្ណអណ្តូងរ៉ែបើក និងការដ្ឋានវាយថ្មលេខ០០៨៥ ថេ.អជ.អប ចុះថ្ងៃទី២៧ ខែកក្កដា ឆ្នាំ២០២២ របស់ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល





- យោងពាក្យស្នើសុំបន្តអាជ្ញាបណ្ណអណ្តូងបើក និងការដ្ឋានវាយថ្មសម្រាប់ធ្វើអាជីវកម្មខ្សាច់សំណង់របស់ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស សីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ចុះថ្ងៃទី៩ ខែមេសា ឆ្នាំ២០២៤
- យោងកំណត់ហេតុប្រជុំពិភាក្សាលើការផ្តល់អាជ្ញាបណ្ណរវាងនាយកដ្ឋានអាជីវកម្មខ្សាច់សំណង់ និងក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស សីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ចុះថ្ងៃទី១៣ ខែឧសភា ឆ្នាំ២០២៤
- យោងកំណត់ហេតុប្រជុំពិភាក្សាអំពីលក្ខខណ្ឌតម្រូវដើម្បីទទួលបានអាជ្ញាបណ្ណ និងកាតព្វកិច្ចដែលត្រូវអនុវត្តរវាងនាយកដ្ឋានអាជីវកម្មខ្សាច់សំណង់ និងក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស សីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ចុះថ្ងៃទី១៣ ខែឧសភា ឆ្នាំ២០២៤
- យោងគម្រោងផែនការផលិតកម្មអាជីវកម្មខ្សាច់សំណង់របស់ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស សីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ចុះថ្ងៃទី១៥ ខែឧសភា ឆ្នាំ២០២៤

### សង្ខេប

#### ប្រការ១.-គោលបំណង

ប្រកាសនេះមានគោលបំណងកំណត់លក្ខខណ្ឌឱ្យក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស សីបផ្លាយ អ៊ីមផត អិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ដែលមានអាសយដ្ឋាននៅផ្លូវបេតុង ភូមិដើមម៉ាក់ភ្លើ សង្កាត់ច្បារអំពៅទី១ ខណ្ឌច្បារអំពៅ រាជធានីភ្នំពេញ ធ្វើអាជីវកម្មខ្សាច់នៅតាមដងទន្លេមេគង្គ ឃុំពាមរាំង ស្រុកលើកដែក ខេត្តកណ្តាល និងឃុំស្វាយក្លោះ ស្រុកពាមជ័រ ខេត្តព្រៃវែង លើទំហំផ្ទៃដី ៦៧,៦០ហិកតា ចែកចេញជា២តំបន់ ដែលមាននិយាមកាតាមប្រព័ន្ធ WGS\_1984\_UTM\_Zone\_48N ដូចខាងក្រោម៖

- តំបន់ទី១ ផ្ទៃដីទំហំ៤៩,៨០ហិកតា

| ចំណុច | អាបស៊ីស  | អ៊ីរដោណេ  | ចំណុច | អាបស៊ីស  | អ៊ីរដោណេ  |
|-------|----------|-----------|-------|----------|-----------|
| A     | 5 26 482 | 12 32 742 | D     | 5 25 825 | 12 31 393 |
| B     | 5 26 816 | 12 32 601 | E     | 5 26 095 | 12 31 915 |
| C     | 5 26 082 | 12 31 296 | F     | 5 26 047 | 12 31 987 |

- តំបន់ទី២ ផ្ទៃដីទំហំ១៧,៨០ហិកតា

| ចំណុច | អាបស៊ីស  | អ៊ីរដោណេ  | ចំណុច | អាបស៊ីស  | អ៊ីរដោណេ  |
|-------|----------|-----------|-------|----------|-----------|
| G     | 5 25 069 | 12 31 621 | K     | 5 24 509 | 12 29 405 |
| H     | 5 25 152 | 12 31 589 | L     | 5 24 437 | 12 29 405 |
| I     | 5 24 515 | 12 30 550 | M     | 5 24 402 | 12 29 950 |
| J     | 5 24 475 | 12 29 949 | N     | 5 24 440 | 12 30 551 |

លេខ ១ មហាវិថីព្រះនរោត្តម សង្កាត់វត្តភ្នំ ខណ្ឌដូនពេញ រាជធានីភ្នំពេញ ប្រាសាទ (៨៩៩) ២៣ ២១៩ ៥៧៤

#1, Prsah Norodom Blvd, Sangkat Wat Phnom, Khan Daun Penh, Phnom Penh. Tel: (855) 23 219 574 www.mme.gov.kh Info@mme.gov.kh



Scanned with  
CamScanner

Được quét bằng CamScanner

ការអនុញ្ញាតជាមុនពីរដ្ឋអំណាចមូលដ្ឋានពាក់ព័ន្ធ និងសហគមន៍មូលដ្ឋានដែលអាចទទួលរង ផលប៉ះពាល់ពីប្រតិបត្តិការធនធានស្រែបតាមអាជ្ញាបណ្ណនេះ។

**ប្រការ៦.- បទដ្ឋានបច្ចេកទេស**

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ រ៉ែសស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ុយផត អ៊ិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវដំណើរការអាជីវកម្មខ្សាច់លើផ្ទៃដី ដែលបានកំណត់ក្នុងប្រការ១ខាងលើ និងត្រូវអនុវត្តតាមលក្ខណៈបច្ចេកទេសដូចខាងក្រោម៖

- ត្រូវបូមចល័ត មិនអនុញ្ញាតឱ្យក្រុមហ៊ុនបូមនៅលើមួយកន្លែងលើសពី៧ថ្ងៃឡើយ
- បូមត្រូវគោរពតាមលក្ខខណ្ឌបច្ចេកទេសដែលបានកំណត់ក្នុងលិខិតលេខ៦៧៨ ធ្វើ ចុះថ្ងៃទី៤ ខែឧសភា ឆ្នាំ២០២០ របស់ក្រសួងធនធានទឹក និងឧតុនិយម
- ទីតាំងស្តុកខ្សាច់របស់ក្រុមហ៊ុនត្រូវធ្វើទំនប់ព័ទ្ធជុំវិញ និងរៀបចំប្រព័ន្ធចម្រោះទឹក ឱ្យបានត្រឹមត្រូវតាមលក្ខណៈបច្ចេកទេស ចៀសវាងការបង្ហូរទឹកដែលល្អាក់កកចូល ក្នុងទន្លេ និងបង្ការកុំឱ្យមានការបាក់ប្រាំង
- ការដឹកជញ្ជូនត្រូវគោរពតាមសារាចរបស់ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពលលេខ០៣១០ ថេ. អធ.ស.ច ចុះថ្ងៃទី២០ ខែតុលា ឆ្នាំ២០១៥ ស្តីពីវិធានការចំពោះការដឹកជញ្ជូនរ៉ែ សំណង់គ្រប់ប្រភេទ
- លក្ខខណ្ឌបច្ចេកទេសផ្សេងទៀត ដែលកំណត់ដោយក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល ឬ អគ្គនាយកដ្ឋានធនធានរ៉ែ។

**ប្រការ៧.- កាតព្វកិច្ចហិរញ្ញវត្ថុ**

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ រ៉ែសស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ុយផត អ៊ិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវបង់ជូនរដ្ឋនូវកាតព្វកិច្ចសារពើពន្ធ មិនមែនសារពើពន្ធ និងកាតព្វកិច្ចហិរញ្ញវត្ថុផ្សេងៗស្របតាមច្បាប់ និងលិខិតបទដ្ឋានគតិយុត្ត ជាធរមាន។

**ប្រការ៨.- កាតព្វកិច្ចផ្តល់របាយការណ៍ និងព័ត៌មាន**

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ រ៉ែសស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ុយផត អ៊ិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវដាក់ជូនក្រសួងពិនិត្យក្នុង អំឡុងពេល១៥ថ្ងៃ បន្ទាប់ពីដំណាច់ត្រីមាសនីមួយៗនូវរបាយការណ៍ស្តីពីការធ្វើអាជីវកម្មខ្សាច់ របាយការណ៍ស្តីពីបរិមាណខ្សាច់ដែលបូមយកបាន និងរបាយការណ៍លក់ ឬបានប្រើប្រាស់ក្នុង ត្រីមាសនីមួយៗ។

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ រ៉ែសស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ុយផត អ៊ិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវរាយការណ៍ជូនក្រសួងរ៉ែ និង ថាមពលជាបន្ទាន់ ក្នុងករណីប្រទះឃើញនូវប្រភេទរ៉ែផ្សេងៗ ក្រៅពីរ៉ែដែលជាម្ចាស់កម្មនៃអាជីវកម្ម ក្នុងដែនអាជ្ញាបណ្ណរបស់ខ្លួន ហើយត្រូវផ្អាកសកម្មភាពអាជីវកម្មជាបណ្តោះអាសន្នសិន រង់ចាំ ការពិនិត្យសម្រេចពីក្រសួង។

ឈ្មោះ ១ អាយវ៉ិចព្រះនរោត្តម សង្ហាត់វត្តភ្នំ ប្រធានដេញ រាជធានីភ្នំពេញ ខ្មែរស័ព្ទ (៨៨៨) ២៣ ២១៩ ៥៧៨

#1, Preah Norodom Blvd, Sangkat Wat Phnom, Khan Daun Penh, Phnom Penh. Tel (855) 23 219 574 www.mme.gov.kh info@mme.gov.kh



Scanned with  
CamScanner

Được quét bằng CamScanner



ការអនុញ្ញាតជាមុនពីរដ្ឋអំណាចមូលដ្ឋានពាក់ព័ន្ធ និងសហគមន៍មូលដ្ឋានដែលអាចទទួលបាន ផលប៉ះពាល់ពីប្រតិបត្តិការធនធានវិស្វបតាមអាជ្ញាបណ្ណនេះ។

**ប្រការ៦.- មន្ត្រីនិងបច្ចេកទេស**

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អ៊ិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវដំណើរការអាជីវកម្មខ្សាច់លើផ្ទៃដី ដែលបានកំណត់ក្នុងប្រការ១ខាងលើ និងត្រូវអនុវត្តតាមលក្ខណៈបច្ចេកទេសដូចខាងក្រោម៖

- ត្រូវបូមចល័ត មិនអនុញ្ញាតឱ្យក្រុមហ៊ុនបូមនៅថេរមួយកន្លែងលើសពី៧ថ្ងៃឡើយ
- បូមត្រូវគោរពតាមលក្ខខណ្ឌបច្ចេកទេសដែលបានកំណត់ក្នុងលិខិតលេខ២៧៨ ធន ចុះថ្ងៃទី៤ ខែឧសភា ឆ្នាំ២០២០ របស់ក្រសួងធនធានទឹក និងឧតុនិយម
- ទីតាំងស្តុកខ្សាច់របស់ក្រុមហ៊ុនត្រូវធ្វើទំនប់ព័ទ្ធជុំវិញ និងរៀបចំប្រព័ន្ធចម្រោះទឹក ឱ្យបានត្រឹមត្រូវតាមលក្ខណៈបច្ចេកទេស ចៀសវាងការបង្ហូរទឹកដែលល្អាក់កកចូល ក្នុងទន្លេ និងបង្ការកុំឱ្យមានការបាក់ប្រាំង
- ការដឹកជញ្ជូនត្រូវគោរពតាមសាចររបស់ក្រសួងរ៉ែ និងថាមពលលេខ០៣១០ ថេ. អធ.សរច ចុះថ្ងៃទី២០ ខែតុលា ឆ្នាំ២០១៥ ស្តីពីវិធានការចំពោះការដឹកជញ្ជូនរ៉ែ សំណង់គ្រប់ប្រភេទ
- លក្ខខណ្ឌបច្ចេកទេសផ្សេងទៀត ដែលកំណត់ដោយក្រសួងរ៉ែ និងថាមពល ឬ អគ្គនាយកដ្ឋានធនធានរ៉ែ។

**ប្រការ៧.- កាតព្វកិច្ចហិរញ្ញវត្ថុ**

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អ៊ិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវបង់ជូនរដ្ឋនូវកាតព្វកិច្ចសារពើពន្ធ មិនមែនសារពើពន្ធ និងកាតព្វកិច្ចហិរញ្ញវត្ថុផ្សេងៗស្របតាមច្បាប់ និងលិខិតបទដ្ឋានគតិយុត្ត ជាធរមាន។

**ប្រការ៨.- កាតព្វកិច្ចផ្តល់របាយការណ៍ និងព័ត៌មាន**

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អ៊ិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវដាក់ជូនក្រសួងពិនិត្យក្នុង អំឡុងពេល១៥ថ្ងៃ បន្ទាប់ពីដំណាច់ត្រីមាសនីមួយៗនូវរបាយការណ៍ស្តីពីការធ្វើអាជីវកម្មខ្សាច់ របាយការណ៍ស្តីពីបរិមាណខ្សាច់ដែលបូមយកបាន និងរបាយការណ៍លក់ ឬបានប្រើប្រាស់ក្នុង ត្រីមាសនីមួយៗ។

ក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វិសេស ស៊ីបផ្លាយ អ៊ីមផត អ៊ិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវរាយការណ៍ជូនក្រសួងរ៉ែ និង ថាមពលជាបន្ទាន់ ក្នុងករណីប្រទះឃើញនូវប្រភេទរ៉ែផ្សេងៗ ក្រៅពីរ៉ែដែលជាតម្រូវនៃអាជីវកម្ម ក្នុងដែនអាជ្ញាបណ្ណរបស់ខ្លួន ហើយត្រូវផ្អាកសកម្មភាពអាជីវកម្មជាបណ្តោះអាសន្នសិន រង់ចាំ ការពិនិត្យសម្រេចពីក្រសួង។

លេខ ១ មហាវិថីព្រះនរោត្តម សង្កាត់វត្តភ្នំ រដ្ឋមន្ទីរពេញ រាជធានីភ្នំពេញ ទូរស័ព្ទ (៨៥៥) ២៣ ២១៩ ៥៧៤

#1, Preah Norodom Blvd, Sangkat Wat Phnom, Khan Daun Penh, Phnom Penh. Tel: (855) 23 219 574 www.mme.gov.kh info@mme.gov.kh



Scanned with CamScanner

Được quét bằng CamScanner

**ប្រការ១១.- ការអនុវត្ត**

នាយិកាខុទ្ទកាល័យ អគ្គនាយកនៃអគ្គនាយកដ្ឋានធនធានរ៉ែ អគ្គនាយកនៃអគ្គនាយកដ្ឋាន  
កិច្ចការទូទៅ អគ្គាធិការនៃអគ្គាធិការដ្ឋាន ប្រធានមន្ទីររ៉ែ និងថាមពលខេត្តកណ្តាល  
ប្រធានមន្ទីររ៉ែ និងថាមពលខេត្តព្រៃវែង និងក្រុមហ៊ុន ចតុមុខ វ៉ែសស ឥណ្ឌូមី អ៊ីមផត  
អ៊ិចផត ឯ.ក (CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD) ត្រូវ  
ទទួលបន្ទុកអនុវត្តប្រកាសនេះតាមភារកិច្ចរៀងៗខ្លួន។

ថ្ងៃច័ន្ទ ៣១៧៩ ខែជេស្ឋ ឆ្នាំរោង ឆស័ក ព.ស ២៥៦៨  
ធ្វើនៅរាជធានីភ្នំពេញ ថ្ងៃទី ២៤ ខែ មិថុនា ឆ្នាំ២០២៤

រដ្ឋមន្ត្រី



កែវ-គីរី

កន្លែងទទួល៖

- ទីស្តីការគណៈរដ្ឋមន្ត្រី
- ក្រសួងមហាផ្ទៃ
- ក្រសួងសេដ្ឋកិច្ច និងហិរញ្ញវត្ថុ
- ក្រសួងធនធានទឹក និងឧតុនិយម
- ក្រសួងរៀបចំដែនដី នគរូបនីយកម្ម និងសំណង់
- ក្រសួងបរិស្ថាន
- ក្រសួងកសិកម្ម រុក្ខាប្រមាញ់ និងនេសាទ
- គណៈកម្មាធិការគ្រប់គ្រងធនធានខ្សាច់
- រដ្ឋបាលខេត្តកណ្តាល
- រដ្ឋបាលខេត្តព្រៃវែង
- រដ្ឋបាលស្រុកលើកដែក
- រដ្ឋបាលស្រុកពាមជរ
- ដូចប្រការ១១ ដើម្បីអនុវត្ត
- ឯកសារ កាលប្បវត្តិ

លេខ ១ ប្រារព្ធពិធីប្រកាស រាជធានីភ្នំពេញ ថ្ងៃទី ២៤ ខែ មិថុនា ឆ្នាំ ២០២៤

#1, Preah Norodom Blvd, Sangkat Wat Phnom, Khan Daun Penh, Phnom Penh. Tel (855) 23 219 574 www.mme.gov.kh info@mme.gov.kh



Scanned with  
CamScanner

Được quét bằng CamScanner



**VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA**  
**Dân tộc - Tôn giáo - Quốc vương**

**Bộ Mỏ và Năng lượng**  
**Số: 0127**

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC MỎ LỘ THIÊN VÀ MỎ ĐÁ**  
**BỘ TRƯỞNG BỘ MỎ VÀ NĂNG LƯỢNG**

- Căn cứ Hiến pháp Vương quốc Campuchia;
- Căn cứ Sắc lệnh Hoàng gia số 0823/1981 ngày 22/08/2023 về việc bổ nhiệm Chính phủ Hoàng gia Vương quốc Campuchia;
- Căn cứ Sắc luật số 0618/012 ngày 28/06/2018 ban hành luật về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Bộ trưởng
- Căn cứ Sắc luật số 1213/017 ngày 09/12/2013 ban hành Luật về thành lập Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Sắc luật số 0701/09 ngày 13/07/2001 ban hành Luật về quản lý và khai thác tài nguyên khoáng sản;
- Căn cứ Sắc luật số 0618/009 ngày 21/06/2018 ban hành Luật sửa đổi bổ sung Điều 3, Điều 23, Điều 30, Điều 33, Điều 34, Điều 35, Điều 36, Điều 37, Điều 38, Điều 39, và Điều 40 của Luật về quản lý và khai thác tài nguyên khoáng sản, đã được ban hành theo Sắc luật số 0701/09 ngày 13/07/2001;
- Căn cứ Nghị định số 137 ngày 31/10/2018 về tổ chức và hoạt động của Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Nghị quyết của Chính phủ số 72 ngày 08/04/2014 về quy định nguyên tắc quản lý việc thăm dò và khai thác tài nguyên cát;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 191 ngày 26/04/2016 về việc phân loại đánh giá tác động môi trường đối với dự án khai thác các loại khoáng sản xây dựng hoặc khoáng sản khác có tính chất thủ công nghiệp hoặc khai thác nhỏ giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 664 ngày 08/06/2016 về quy định giá thuê đất khu vực giấy phép tài nguyên khoáng sản giữa Bộ Kinh tế và Tài chính và Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Thông báo chung số 128 ngày 03/02/2017 về việc điều chỉnh Bảng phụ lục của Thông cáo chung số 1451 ngày 03/11/2015 về việc cung cấp dịch vụ công và xử phạt bổ sung tiền mặt của Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 760 ngày 28/09/2020 về Tỷ lệ thù lao đối với giá sản phẩm khoáng sản và thủ tục thanh toán tiền bản quyền giữa Bộ Kinh tế và Tài chính với Bộ Mỏ và Năng lượng;
- Căn cứ Thông báo liên bộ số 740 ngày 05/11/2021 về việc thành lập Quỹ khoáng sản hỗ trợ phát triển của cộng đồng địa phương;

- Căn cứ Thông báo số 0210 ngày 14/09/2022 về thủ tục, quy trình và điều kiện đề nghị xin gia hạn và chuyển nhượng giấy phép khai thác mỏ lộ thiên và mỏ đá, và sự thay đổi thành phần cổ đông và/hoặc thay đổi người quản lý công ty/hoặc doanh nghiệp khai thác mỏ cát xây dựng và sỏi từ sông, hồ, kênh, ao, suối và biển;

- Căn cứ Giấy phép khai thác mỏ lộ thiên và mỏ đá số 0085 ngày 27/07/2022 của Bộ Mỏ và Năng lượng.

### QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Cho phép Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK, có địa chỉ tại Đường Concrete, Làng Deum Makleu, Khu phố Chbar Ampov 1, Quận Chbar Ampov, Thủ đô Phnom Penh, tiến hành khai thác cát dọc lưu vực sông Mê Kông ở Peam Reang, huyện Leuk Dek, tỉnh Kandal và xã Svay Phluoh, huyện Peam Chor, tỉnh Prey Veng.

**Điều 2:** Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK được tiến hành khai thác tài nguyên khoáng sản trong phạm vi giấy phép có toạ độ quy định trong bản đồ của giấy phép và phù hợp với Thông báo số 0126 về điều kiện giấy phép khai thác mỏ lộ thiên và mỏ (đối với việc khai thác cát) theo các điều khoản giấy phép khai thác công nghiệp (đối với việc quản lý khai thác).

**Điều 3:** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày 27/07/2024 đến ngày 27/07/2026.

**Điều 4:** Chánh Văn phòng, Tổng Cục trưởng Tổng Cục Tài nguyên khoáng sản, Tổng Cục trưởng Tổng Cục Công tác chung, Tổng Thanh tra, Giám đốc Sở Mỏ và Năng lượng tỉnh Kandal, và Giám đốc Sở Mỏ và Năng lượng tỉnh Prey Veng, và Công ty TNHH XUẤT NHẬP KHẨU CUNG CẤP TÀI NGUYÊN CHAKTOMUK chịu trách nhiệm thực hiện hiệu quả theo nhiệm vụ của mình./.

### BẢN ĐỒ VỊ TRÍ KHU VỰC KHAI THÁC

| Khu vực                | Điểm | Hoành độ | Tung độ |
|------------------------|------|----------|---------|
| Z1                     | A    | 526482   | 1232742 |
|                        | B    | 526816   | 1232601 |
|                        | C    | 526082   | 1231296 |
|                        | D    | 525825   | 1231393 |
|                        | E    | 526095   | 1231915 |
|                        | F    | 526047   | 1231987 |
| Diện tích 49,80 héc ta |      |          |         |
| Khu vực                | Điểm | Hoành độ | Tung độ |
| Z2                     | G    | 525069   | 1231621 |
|                        | H    | 525152   | 1231589 |
|                        | I    | 524515   | 1230550 |
|                        | J    | 524475   | 1229949 |
|                        | K    | 524509   | 1229409 |
|                        | L    | 524437   | 1229405 |
|                        | M    | 524402   | 1229950 |
|                        | N    | 524440   | 1230551 |
| Diện tích 17,80 héc-ta |      |          |         |
| WGS 1984 UTM ZONE 48N  |      |          |         |



Scanned with

CS CamScanner

Được quét bằng CamScanner



Số: 15311/2024/GDL/CBA

Chứng thực bản dịch chính xác với văn bản tiếng Khmer  
Bộ Ngoại giao và Hợp tác Quốc tế.

Tổng Vụ Pháp chế, Lãnh sự và Biên giới.

Phnom Penh, ngày 12/07/2024

(Ký tên và đóng dấu) Tổng Vụ trưởng: **THO SAMNANG**

Phnom Penh, ngày 24/06/2024

**Bộ trưởng Bộ Mô và Năng lượng**

(đã ký và đóng dấu) **Keo Ratanak**

Tôi Vũ Trí Quang, Hộ chiếu số  
D0028430, cam đoan đã dịch chính  
xác nội dung của giấy tờ/văn bản này  
từ tiếng Anh sang tiếng Việt.

Ngày 17 tháng 07 năm 2024

Người dịch



**Vũ Trí Quang**

Ngày 17 tháng 07 năm 2024, tại Đại sứ quán Việt Nam  
tại Campuchia, tôi Trần Văn Phương là Bí thư thứ  
Nhất, chứng thực Ông Vũ Trí Quang là người đã ký  
vào bản dịch này.

Số chứng thực: 121, Quyền số: 01/2024 - SCT/CKND

**TL. ĐẠI SỨ**

**BÍ THƯ THỨ NHẤT**



**Trần Văn Phương**

**MINISTRY OF MINES AND ENERGY**



**KINGDOM OF CAMBODIA**  
**Nation Religion King**

**LICENCE FOR OPEN MINES AND QUARRY SITE**

**MINISTER OF MINISTRY OF MINES AND ENERGY**

- Having seen the Constitution of the Kingdom of Cambodia;
- Having seen the Royal Decree N° 0823/1981, dated 22 August 2023, on the Appointment of the Royal Government of the Kingdom of Cambodia;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 0618/012, dated 28 June 2018, Promulgating the Law on Management and Function of the Council of Ministers;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 1213/017, dated 09 December 2013, Promulgating the Law on Establishment of Ministry of Mines and Energy;
- Having Seen the Royal Proclamation No 0701/09, dated 13 July 2001, Promulgating the Law on Management and Mineral Resource Exploitation;
- Having Seen the Royal Proclamation N° 0618/009, dated 21 June 2018, Promulgating the Law on Amendment of the Article 3, Article 23, Article 30, Article 33, Article 34, Article 35, Article 36, Article 37, Article 38, Article 39, and Article 40 of the Law on Management and Mineral Resource Exploitation, Promulgating by the Royal Proclamation N° 0701/09 dated 13 July 2001;
- Having seen the Sub-decree N° 137 dated 31 October 2018, on Management and Function of the Ministry of Mines and Energy;
- Having seen the Sub-decree No. 72 on Management of Exploration and Industrial Mining License;
- Having seen the Inter-Ministerial Statement N° 191, dated 26 April 2016, on Classification of Assessment on Environmental Impact for the Project of All kinds of Mineral Construction Exploitations or other Minerals Characterized as Handicraft or Small Enterprise Between Ministry of Economy and Finance, and the Ministry of Mine and Energy;
- Having seen the Inter-Ministerial Statement No 664, dated 8 June 2016, on Determination of Land Fee for Mineral Resource License Area Between Ministry of Economy and Finance, and the Ministry of Mine and Energy;
- Having seen Joint Statement N° 128, dated 3 February 2017, on Revision of the Annex of the Joint Statement No 1451, dated 3 November 2015, on Provision of Public Services and Transitional Fines by Ministry of Mine and Energy;



Scanned with  
**CamScanner**

Được quét bằng CamScanner



- Having seen the Inter-Ministerial Prakas No. 760 dated 28 September 2020 on Royalty Rates on Mineral Products and Royalties Payment Procedures;
- Having seen the Inter-Ministerial Prakas No. 740 dated 05 November 2021, on Establishment of a Mineral Fund to Support Local Community Development;
- Having seen Prakas No. 0210, dated 14 September 2022 of the Ministry of Mines and Energy on the formality and procedure for Renewal and Transfer of License for Open Mining and Quarrying and Change of shareholder and / or change of company manager/ enterprise manager for sand mining, construction, sand and gravel construction from rivers, streams, creeks, lakes and sea;
- Reference to the terms of license for open mines and quarry sited No. 0085 dated 27 July 2022 of the Ministry of Mines and Energy;

### **DECIDES**

**Article 1:** This is to authorize the company of **CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD**, located at Concrete Street, Deum Makleu Village, Chbar Ampov I Quarter, Chbar Am Pov District, Phnom Penh, to exploit sand for construction along Mekong River, Koki Thom Commune and Samroung Thom Commune, Kien Svay District and Kampong Phnom Commune, Leuk Dek District Kandal Province, and Peam Meanchey Commune, Peam Ro District, Prey Veng Province.

**Article 2:** The company of **CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD** shall operate the mineral resources in the licensed area defined in this license map, and in accordance with the Prakas N° 0127 on the Terms of Open Minerals and Quarry Site (for exploitation of construction sand) on mining license industry conditions (for manganese mining business).

**Article 3:** This License is valid from 27 July 2024 to 27 July 2026.

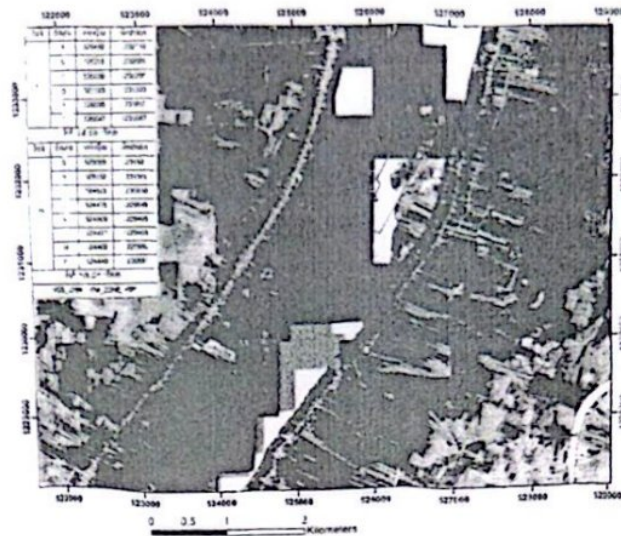
**Article 4:** Director of the Cabinet, Director-General of Directorate-General of Mineral Resources, Director-General of Directorate-General of General Affairs, Inspector-General, Director of Mine and Energy Office of Kandal Province, Director of Mine and Energy Office of Prey Veng Province, and the Company **CHAKTOMUK RESOURCES SUPPLY IMPORT EXPORT CO., LTD**, shall accept the implementation of this License according to their respective duties.



Scanned with  
CamScanner

Được quét bằng CamScanner

## ZONE MAP OF EXPLOITATION LOCATION



Made in Phnom Penh, dated 24 June 2024

**MINISTER**

Signed and sealed: **KEO RATANAK**

No. 15311 /2024/GDLCBA

Certified correct translation with the Khmer text.

Ministry of Foreign Affairs and Int.<sup>l</sup> Cooperation

General Department of Legal and Consular and Border Affairs

Phnom Penh, 12 July 2024



**THO SAMNANG**

Director General



Scanned with  
**CamScanner**

Được quét bằng CamScanner





ĐẠI SỨ QUÁN NƯỚC CHHIN CHAM VIỆT NAM TẠI V. Q. CAMPUCHIA  
EMBASSY OF THE S. R. OF VIETNAM IN THE KINGDOM OF CAMBODIA

CHỨNG NHẬN / HỢP PHÁP HÒA LÃNH SỰ  
CONSULAR AUTHENTICATION  
Việt Nam

1. Quốc gia  
Country Giấy tờ, tài liệu này  
This public document  
THO SAKINANG Ky
2. do Ông (Bà)  
has been signed by Ông: Vy trưởng Vy Luật, Lãnh sự và biên giới  
acting in the capacity of Bộ Ngoại giao và  
và con dấu của Hợp tác quốc tế Campuchia  
bears the seal/stamp of được chứng nhận / hợp pháp hóa lãnh sự  
Certified
5. tại  
at Phnom Penh 6 ngày 17 07 2024
7. Cơ quan cấp  
by 099 Đại sứ quán Việt Nam tại Campuchia
8. Số  
Nº CHLS/HPHLS Ký tên và đóng dấu  
Signature and seal/stamp  
Bí thư thư nhất







**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGUYÊN TẮC**

**Số: 01/HĐNT/THP-TH**

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 04 tháng 08 năm 2024, tại Văn phòng Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tuấn Hải Phát, chúng tôi gồm:

**BÊN MUA (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG GIAO THÔNG TRƯỜNG HẢI**

Người đại diện : Ông Nguyễn Trường Hải Chức vụ: **Giám đốc**  
Địa chỉ : 86 Đường số 2, Khu dân cư Sông Giồng, Khu Phố 2, Phường An Phú,  
TP. Thủ Đức, TP.HCM.

Điện thoại : 081 603 6868

Mã số thuế : 0312974632

Tài khoản : 2311116868 tại Ngân hàng MBbank - CN An Phú, PGD Quận 9

**BÊN BÁN (BÊN B): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT**

Người đại diện : Ông Trương Ngọc Anh Tuấn Chức vụ : **Giám đốc.**

Địa chỉ : Tổ 10, Đường Lê Văn Lộc, Khu phố Tân Phú, Phường Phú Mỹ ,  
Thị xã Phú Mỹ , Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Mã số thuế : 3502350772

Điện thoại : 0915830930

Tài khoản số : 336666778 – NH Thương Mại Cổ Phần Á Châu PGD Nguyễn Thái Bình

Sau khi bàn bạc thống nhất, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng mua bán nguyên tắc với các điều khoản sau:

**ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG:**

Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán hàng hóa với số lượng, quy cách, chủng loại, chất lượng sẽ được quy định cụ thể trong từng đơn đặt hàng của mỗi đơn hàng giữa hai bên.

**ĐIỀU 2. QUY CÁCH, CHẤT LƯỢNG, XUẤT XỨ HÀNG HÓA:**

**2.1. Chất lượng và xuất xứ hàng hóa:**

- Bên B đảm bảo rằng hàng hóa sẽ: (a) phù hợp với các mô tả chi tiết trong điều 1 của hợp đồng này; (b) có chất lượng đạt yêu cầu và phù hợp với bất kỳ mục đích nào do bên A đề ra hoặc do bên A thông báo cho bên B; (c) hàng hóa mới và không có lỗi/hư hỏng.

- Xuất xứ hàng hóa: theo quy định tại Điều 1 của Hợp Đồng này, phù hợp với CO-CQ được cung cấp đi kèm hàng hóa.

**2.1. Cung cấp và vận chuyển hàng hóa:**

Bên B tự chịu trách nhiệm về cách thức cung cấp và vận chuyển, đảm bảo số lượng/ khối lượng, chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển và bốc dỡ đúng yêu cầu của Bên A.



### **ĐIỀU 3. ĐẶT HÀNG VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA:**

#### **3.1. Đặt hàng:**

Khi có nhu cầu, bên A gửi đơn đặt hàng cho bên B bằng hình thức văn bản gửi trực tiếp/Fax/Email trong đó nêu rõ số lượng, chủng loại, thời gian giao hàng, người nhận hàng, địa điểm giao hàng. Bên B không được từ chối thực hiện đơn hàng nhận được từ bên A mà không đưa ra được lý do hợp lý và được bên A chấp thuận.

#### **3.2. Xác nhận đơn hàng:**

- Bên B có trách nhiệm ký và đóng dấu xác nhận trên đơn hàng và gửi cho bên A bằng hình thức gửi trực tiếp/Fax/Email trong vòng 01 ngày sau khi nhận đơn hàng. Đơn hàng của bên A có xác nhận của bên B là phần không tách rời của hợp đồng này.

- Trường hợp thay đổi đơn hàng, bên A có trách nhiệm thông báo cho bên B chậm nhất là 02 ngày trước ngày giao hàng để bên B lên kế hoạch điều phối hàng hóa và phương tiện vận chuyển.

#### **3.3. Địa điểm, thời gian giao hàng:**

- Địa điểm giao hàng: Theo thông báo của Bên A

- Thời gian: theo đơn đặt hàng của bên A.

#### **3.4. Phương thức giao nhận hàng:**

- Trước khi giao hàng ít nhất 12 giờ bên B phải thông báo bằng điện thoại/mail/fax cho bên A được biết để chuẩn bị các thủ tục giao nhận.

- Tại thời điểm bên B giao hàng đến địa điểm giao hàng quy định tại Điều 3.3, đại diện hai bên sẽ cùng trực tiếp kiểm tra, kiểm đếm, giao nhận và ký xác nhận các Biên bản hoặc Phiếu giao nhận tại chỗ. Số lượng và chất lượng hàng hóa giao nhận thực tế được thể hiện tại Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

#### **3.5. Kiểm tra và nghiệm thu hàng hóa:**

Kiểm tra trước khi giao hàng:

- Bên B có trách nhiệm kiểm tra số lượng, chất lượng hàng hóa trước khi giao hàng.

Kiểm tra khi giao hàng:

- Khi hàng hóa được giao đến địa điểm và/hoặc vị trí giao hàng cụ thể, hai bên cùng cử đại diện kiểm tra chủng loại, số lượng, chất lượng, xác nhận tình trạng và ký Biên bản bàn giao hàng hóa.

- Nếu phát hiện thừa hoặc thiếu số lượng hoặc không đúng chất lượng hàng hóa thì bên A có quyền lập biên bản tại chỗ yêu cầu đại diện bên B xác nhận, đồng thời bên A có quyền từ chối nhận hàng, bên B có trách nhiệm di dời số hàng hóa thừa và/hoặc không đáp ứng yêu cầu đi ngay lập tức và chuyển lại hàng hóa đảm bảo yêu cầu cho Bên A trong vòng 05 ngày. Nếu bên B không thực hiện hoặc không đáp ứng tiến độ yêu cầu của bên A thì bên A có quyền tự thực hiện hoặc thuê một bên thứ ba thực hiện, mọi chi phí phát sinh liên quan sẽ do bên B chịu.

### **ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:**

#### **4.1. Hình thức thanh toán:**

- Chuyển khoản; hoặc

- Đối trừ công nợ tùy vào từng thời điểm do thỏa thuận của hai bên. Khi bên A nhận đầy đủ hoá đơn giá trị gia tăng theo quy định của Nhà nước và hồ sơ thanh toán của mỗi đơn hàng.



- Hồ sơ thanh toán gồm:
  - + Hoá đơn giá trị gia tăng;
  - + Đề nghị thanh toán;
  - + Biên bản giao nhận có xác nhận hai bên;

**4.2. Đồng tiền thanh toán:** Việt Nam Đồng.

**4.3. Thời hạn thanh toán:** Sẽ được thỏa thuận cụ thể trong từng đơn đặt hàng giữa hai bên.

#### **ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN A:**

- Kiểm tra số lượng, chất lượng hàng hóa do bên B giao.
- Có quyền lấy mẫu hàng do bên B cung cấp để kiểm tra chất lượng.
- Từ chối nhận hàng và/hoặc yêu cầu bên B cung cấp lại nếu hàng hóa do bên B cung cấp không đảm bảo về chất lượng, không đúng chủng loại, không có đầy đủ chứng chỉ chất lượng, xuất xứ theo quy định của hợp đồng và pháp luật.
- Quyền ngừng thanh toán/không thanh toán khi có bằng chứng về việc bên B lừa dối trong việc thực hiện hợp đồng và/hoặc hàng hóa bên B cung cấp đang là đối tượng bị tranh chấp và/hoặc hàng hóa bên B cung cấp không phù hợp theo quy định tại hợp đồng.
- Thông báo kịp thời khi có sự thay đổi đơn hàng hoặc kế hoạch nhận hàng cho bên B.
- Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho bên B bàn giao hàng hóa, chuẩn bị mặt bằng và cử người đại diện để kiểm tra, kiểm đếm, phối hợp với bên B bốc dỡ hàng hóa xuống kho bãi tại công trường, ký xác nhận Biên bản giao nhận hàng hóa.
- Cử nhân viên giao nhận kiểm tra và ký xác nhận các chứng từ giao nhận hàng kịp thời theo đúng số lượng, chất lượng thực tế theo đơn hàng và phiếu giao hàng.
- Thanh toán cho bên B theo quy định tại hợp đồng và/hoặc theo thỏa thuận của hai bên.

#### **ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN B:**

- Quyền yêu cầu bên A thanh toán đúng thời hạn quy định của hợp đồng.
- Cung cấp hàng hóa đảm bảo số lượng, quy cách, chủng loại, chất lượng như đã thỏa thuận hợp đồng.
- Giao hàng cho bên A theo đúng kế hoạch, thời gian, địa điểm như đã thỏa thuận hợp đồng và tự chịu rủi ro trong quá trình vận chuyển giao hàng.
- Chịu mọi trách nhiệm về an toàn lao động, kỹ thuật, vệ sinh môi trường, an ninh khu vực trong suốt quá trình vận chuyển, lắp đặt, vận hành, tháo dỡ (nếu có).
- Chịu trách nhiệm về sai sót, khiếm khuyết của hàng hóa, đồng thời chịu trách nhiệm đổi trả, thay thế hàng hóa trong trường hợp hàng hóa kém chất lượng, không đúng chủng loại, mẫu mã, số lượng theo thỏa thuận của hai bên và/hoặc theo yêu cầu của bên A.
- Thông báo kịp thời cho bên A trong trường hợp không cấp được hàng hóa và/hoặc không đủ số lượng hàng hóa bên A yêu cầu. Khi đó, bên B phải có phương án cung cấp hàng bổ sung phù hợp cho bên A để đảm bảo việc cung cấp hàng hóa đầy đủ và đúng thời hạn được nêu trong Đơn đặt hàng. Nếu không thông báo cho bên A biết về việc không cấp được hàng hoặc không đủ số lượng hàng thì bị xem như bên B không giao hàng hoặc giao hàng không đầy đủ và phải chịu trách nhiệm tương ứng do vi phạm nghĩa vụ giao hàng quy định trong hợp đồng.



- Cung cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các giấy tờ liên quan đến xuất xứ hàng hóa, chứng chỉ chất lượng, hóa đơn tài chính, hồ sơ thanh toán và chứng từ khác liên quan đến việc bán hàng hóa và dịch vụ liên quan cho bên A.

- Đảm bảo hàng hóa bên B cung cấp cho bên A thuộc quyền sở hữu của bên B, không phải là tài sản được thế chấp, đặt cọc, hay đảm bảo cho bất kỳ nghĩa vụ nào của bên B phát sinh trước, trong hoặc sau khi ký hợp đồng này. Nếu để tranh chấp với bất kỳ bên thứ ba nào, bên B phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, hoàn trả lại toàn bộ số tiền bên A đã tạm ứng, thanh toán và bồi thường mọi thiệt hại cho bên A.

#### **ĐIỀU 7. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:**

- Mọi tranh chấp (nếu có) liên quan đến hợp đồng này trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng trên cơ sở thiện chí và hợp tác giữa hai Bên.

- Trong trường hợp sau 30 ngày kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp, các bên không thể tự giải quyết, một trong hai bên có thể khởi kiện tại Tòa án nơi bên A đặt trụ sở để yêu cầu giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc thực hiện với các Bên. Toàn bộ chi phí giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua kiện chịu.

#### **ĐIỀU 8: BẤT KHẢ KHÁNG:**

Sự kiện bất khả kháng là những sự kiện, biến cố xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được bao gồm: thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sự thay đổi của chính sách dẫn đến tình trạng Bên bị ảnh hưởng không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Trách nhiệm của các Bên khi gặp sự kiện bất khả kháng: Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện Bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên còn lại phạt vi phạm, chấm dứt Hợp đồng hoặc áp dụng các chế tài khác của Hợp đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Thông báo cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng **bảy (07) ngày** sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trường hợp sự kiện bất khả kháng diễn ra liên tục vượt quá **ba mươi (30) ngày**, hai Bên sẽ thỏa thuận trong thời gian sớm nhất về việc tiếp tục thực hiện hoặc hủy bỏ Hợp đồng mà hai bên đều không có bất cứ khiếu nại, tranh chấp nào đối với nhau

#### **ĐIỀU 9. ĐIỀU KHOẢN CHUNG:**

- Nếu một điều khoản bất kỳ của hợp đồng này bị tuyên bố vô hiệu hoặc không thể thực hiện toàn bộ hay một phần, các điều khoản khác và phần còn lại của các điều khoản bị ảnh hưởng của hợp đồng này vẫn tiếp tục có hiệu lực.

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày hai bên ký và tự động thanh lý khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng.

- Mọi Phụ lục đính kèm và/hoặc các nội dung sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các quy định của hợp đồng phải được lập thành văn bản và có chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền của hai bên và là phần không tách rời của hợp đồng.



- Hợp đồng được lập thành 06 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi Bên giữ 03 bản để làm cơ sở thực hiện./.
- Hợp đồng được ký qua file scan hay fax đều có giá trị pháp lý như nhau.



**Nguyễn Trường Hải**



**Trương Ngọc Anh Tuấn**





**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGUYÊN TẮC**

**Số: 01/HĐNT/LP-THP**

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 20.. tháng 02.. năm 2025, tại Văn phòng Công Ty TNHH Vật Liệu Và Xây Dựng Lộc Phát Mekong, chúng tôi gồm:

**BÊN MUA (BÊN A) : CÔNG TY TNHH VẬT LIỆU VÀ XÂY DỰNG LỘC PHÁT MEKONG**

Người đại diện : Ông Nguyễn Trường Hải Chức vụ: Chủ tịch HĐQT  
Địa chỉ : 86 Đường số 2, Khu dân cư Sông Giồng, Khu phố 22, Phường An Phú, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại : 0333 979 839  
Mã số thuế : 0318821167  
Tài khoản : 7911 393939 tại Ngân hàng Quân Đội (MB)\_CN An Phú

**BÊN BÁN (BÊN B) : CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT**

Người đại diện : Ông Trương Ngọc Anh Tuấn Chức vụ: Giám đốc  
Địa chỉ : Tổ 10, Đường Lê Văn Lộc, Khu phố Tân Phú, Phường Phú Mỹ, Thị xã Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.  
Điện thoại : 0915 830 930  
Mã số thuế : 3502350772  
Tài khoản : 336666778 – NH Thương Mại Cổ Phần Á Châu PGD Nguyễn Thái Bình

Sau khi bàn bạc thống nhất, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng mua bán nguyên tắc với các điều khoản sau:

**ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG:**

Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán hàng hóa với số lượng, quy cách, chủng loại, chất lượng sẽ được quy định cụ thể trong Hợp đồng kinh tế hoặc Phụ lục hợp đồng giữa hai bên.

**ĐIỀU 2. QUY CÁCH, CHẤT LƯỢNG, XUẤT XỨ HÀNG HÓA:**

**2.1. Chất lượng và xuất xứ hàng hóa:**

- Bên B đảm bảo rằng hàng hóa sẽ: (a) phù hợp với các mô tả chi tiết trong điều 1 của hợp đồng này; (b) có chất lượng đạt yêu cầu và phù hợp với bất kỳ mục đích nào do bên A đề ra hoặc do bên A thông báo cho bên B; (c) hàng hóa mới và không có lỗi/hư hỏng.
- Xuất xứ hàng hóa: theo quy định tại Điều 1 của Hợp Đồng này, phù hợp với CO-CQ được cung cấp đi kèm hàng hóa.



### **2.1. Cung cấp và vận chuyển hàng hóa:**

Bên B tự chịu trách nhiệm về cách thức cung cấp và vận chuyển, đảm bảo số lượng/ khối lượng, chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển và bốc dỡ đúng yêu cầu của Bên A

## **ĐIỀU 3. ĐẶT HÀNG VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA:**

### **3.1. Đặt hàng:**

Khi có nhu cầu, bên A gửi đơn đặt hàng cho bên B bằng hình thức văn bản gửi trực tiếp/Fax/Email trong đó nêu rõ số lượng, chủng loại, thời gian giao hàng, người nhận hàng, địa điểm giao hàng. Bên B không được từ chối thực hiện đơn hàng nhận được từ bên A mà không đưa ra được lý do hợp lý và được bên A chấp thuận.

### **3.2. Xác nhận đơn hàng:**

- Bên B có trách nhiệm ký và đóng dấu xác nhận trên đơn hàng và gửi cho bên A bằng hình thức gửi trực tiếp/Fax/Email trong vòng 01 ngày sau khi nhận đơn hàng. Đơn hàng của bên A có xác nhận của bên B là phần không tách rời của hợp đồng này.

- Trường hợp thay đổi đơn hàng, bên A có trách nhiệm thông báo cho bên B chậm nhất là 02 ngày trước ngày giao hàng để bên B lên kế hoạch điều phối hàng hóa và phương tiện vận chuyển.

### **3.3. Địa điểm, thời gian giao hàng:**

- Địa điểm giao hàng: Theo thông báo của Bên A

- Thời gian: theo đơn đặt hàng của bên A.

### **3.4. Phương thức giao nhận hàng:**

- Trước khi giao hàng ít nhất 12 giờ bên B phải thông báo bằng điện thoại/mail/fax cho bên A được biết để chuẩn bị các thủ tục giao nhận.

- Tại thời điểm bên B giao hàng đến địa điểm do bên A chỉ định, đại diện hai bên sẽ cùng trực tiếp kiểm tra, kiểm đếm, giao nhận và ký xác nhận các Biên bản hoặc Phiếu giao nhận tại chỗ. Số lượng và chất lượng hàng hóa giao nhận thực tế được thể hiện tại Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

### **3.5. Kiểm tra và nghiệm thu hàng hóa:**

**Kiểm tra trước khi giao hàng:**

- Bên B có trách nhiệm kiểm tra số lượng, chất lượng hàng hóa trước khi giao hàng.

**Kiểm tra khi giao hàng:**

- Khi hàng hóa được giao đến địa điểm và/hoặc vị trí giao hàng cụ thể, hai bên cùng cử đại diện kiểm tra chủng loại, số lượng, chất lượng, xác nhận tình trạng và ký Biên bản bàn giao hàng hóa.

- Nếu phát hiện thừa hoặc thiếu số lượng hoặc không đúng chất lượng hàng hóa thì bên A có quyền lập biên bản tại chỗ yêu cầu đại diện bên B xác nhận, đồng thời bên A có quyền từ chối nhận hàng, bên B có trách nhiệm di dời số hàng hóa thừa và/hoặc không đáp ứng yêu cầu đi ngay lập tức và chuyển lại hàng hóa đảm bảo yêu cầu cho Bên A trong vòng 05 ngày. Nếu bên B không thực hiện hoặc không đáp ứng tiến độ yêu cầu của bên A thì bên A có quyền tự thực hiện hoặc thuê một bên thứ ba thực hiện, mọi chi phí phát sinh liên quan sẽ do bên B chịu.



## **ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:**

### **4.1. Hình thức thanh toán:**

- Chuyển khoản; hoặc
- Đối trừ công nợ tùy vào từng thời điểm do thỏa thuận của hai bên.

### **4.2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.**

**4.3. Tiến độ thanh toán:** sẽ được thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế hoặc Phụ lục hợp đồng giữa hai bên.

## **ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN A:**

- Kiểm tra số lượng, chất lượng hàng hóa do bên B giao.
- Có quyền lấy mẫu hàng do bên B cung cấp để kiểm tra chất lượng.
- Từ chối nhận hàng và/hoặc yêu cầu bên B cung cấp lại nếu hàng hóa do bên B cung cấp không đảm bảo về chất lượng, không đúng chủng loại, không có đầy đủ chứng chỉ chất lượng, xuất xứ theo quy định của hợp đồng và pháp luật.
- Quyền ngừng thanh toán/không thanh toán khi có bằng chứng về việc bên B lừa dối trong việc thực hiện hợp đồng và/hoặc hàng hóa bên B cung cấp đang là đối tượng bị tranh chấp và/hoặc hàng hóa bên B cung cấp không phù hợp theo quy định tại hợp đồng.
- Thông báo kịp thời khi có sự thay đổi đơn hàng hoặc kế hoạch nhận hàng cho bên B.
- Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho bên B bàn giao hàng hóa, chuẩn bị mặt bằng và cử người đại diện để kiểm tra, kiểm đếm, phối hợp với bên B bốc dỡ hàng hóa xuống kho bãi tại công trường, ký xác nhận Biên bản giao nhận hàng hóa.
- Cử nhân viên giao nhận kiểm tra và ký xác nhận các chứng từ giao nhận hàng kịp thời theo đúng số lượng, chất lượng thực tế theo đơn hàng và phiếu giao hàng.
- Thanh toán cho bên B theo quy định tại hợp đồng và/hoặc theo thỏa thuận của hai bên.

## **ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN B:**

- Quyền yêu cầu bên A thanh toán đúng thời hạn quy định của hợp đồng.
- Cung cấp hàng hóa đảm bảo số lượng, quy cách, chủng loại, chất lượng như đã thỏa thuận hợp đồng.
- Giao hàng cho bên A theo đúng kế hoạch, thời gian, địa điểm như đã thỏa thuận hợp đồng và tự chịu rủi ro trong quá trình vận chuyển giao hàng.
- Chịu mọi trách nhiệm về an toàn lao động, kỹ thuật, vệ sinh môi trường, an ninh khu vực trong suốt quá trình vận chuyển, lắp đặt, vận hành, tháo dỡ (nếu có).
- Chịu trách nhiệm về sai sót, khiếm khuyết của hàng hóa, đồng thời chịu trách nhiệm đổi trả, thay thế hàng hóa trong trường hợp hàng hóa kém chất lượng, không đúng chủng loại, mẫu mã, số lượng theo thỏa thuận của hai bên và/hoặc theo yêu cầu của bên A.
- Thông báo kịp thời cho bên A trong trường hợp không cấp được hàng hóa và/hoặc không đủ số lượng hàng hóa bên A yêu cầu. Khi đó, bên B phải có phương án cung cấp hàng bổ sung phù hợp cho bên A để đảm bảo việc cung cấp hàng hóa đầy đủ và đúng thời hạn được nêu trong Đơn đặt hàng. Nếu không thông báo cho bên A biết về việc không cấp được hàng hoặc không đủ số lượng hàng thì bị xem như bên B không giao hàng hoặc giao



hàng không đầy đủ và phải chịu trách nhiệm tương ứng do vi phạm nghĩa vụ giao hàng quy định trong hợp đồng.

- Cung cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các giấy tờ liên quan đến xuất xứ hàng hóa, chứng chỉ chất lượng, hóa đơn tài chính, hồ sơ thanh toán và chứng từ khác liên quan đến việc bán hàng hóa và dịch vụ liên quan cho bên A.

- Đảm bảo hàng hóa bên B cung cấp cho bên A thuộc quyền sở hữu của bên B, không phải là tài sản được thế chấp, đặt cọc, hay đảm bảo cho bất kỳ nghĩa vụ nào của bên B phát sinh trước, trong hoặc sau khi ký hợp đồng này. Nếu đề tranh chấp với bất kỳ bên thứ ba nào, bên B phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, hoàn trả lại toàn bộ số tiền bên A đã tạm ứng, thanh toán và bồi thường mọi thiệt hại cho bên A.

## **ĐIỀU 7. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:**

- Mọi tranh chấp (nếu có) liên quan đến hợp đồng này trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng trên cơ sở thiện chí và hợp tác giữa hai Bên.

- Trong trường hợp sau 30 ngày kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp, các bên không thể tự giải quyết, một trong hai bên có thể khởi kiện tại Tòa án nơi bên A đặt trụ sở để yêu cầu giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc thực hiện với các Bên. Toàn bộ chi phí giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua kiện chịu.

## **ĐIỀU 8: BẤT KHẢ KHÁNG:**

Sự kiện bất khả kháng là những sự kiện, biến cố xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được bao gồm: thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sự thay đổi của chính sách dẫn đến tình trạng Bên bị ảnh hưởng không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Trách nhiệm của các Bên khi gặp sự kiện bất khả kháng: Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện Bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên còn lại phạt vi phạm, chấm dứt Hợp đồng hoặc áp dụng các chế tài khác của Hợp đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Thông báo cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng bảy (07) ngày sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trường hợp sự kiện bất khả kháng diễn ra liên tục vượt quá ba mươi (30) ngày, hai Bên sẽ thỏa thuận trong thời gian sớm nhất về việc tiếp tục thực hiện hoặc hủy bỏ Hợp đồng mà hai bên đều không có bất cứ khiếu nại, tranh chấp nào đối với nhau.

## **ĐIỀU 9. ĐIỀU KHOẢN CHUNG:**

- Nếu một điều khoản bất kỳ của hợp đồng này bị tuyên bố vô hiệu hoặc không thể thực hiện toàn bộ hay một phần, các điều khoản khác và phần còn lại của các điều khoản bị ảnh hưởng của hợp đồng này vẫn tiếp tục có hiệu lực.



- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày hai bên ký và tự động thanh lý khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng.
- Mọi Phụ lục đính kèm và/hoặc các nội dung sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các quy định của hợp đồng phải được lập thành văn bản và có chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền của hai bên và là phần không tách rời của hợp đồng.
- Hợp đồng được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi Bên giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện./.

**BÊN MUA (BÊN A)**



*Nguyễn Trường Hải*

**BÊN BÁN (BÊN B)**



**GIÁM ĐỐC**  
*Trương Ngọc Anh Tuấn*





**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**HỢP ĐỒNG MUA BÁN NGUYÊN TẮC**

**Số: 01 /HDNT/THP-BAH**

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 05 năm 2025, tại Văn phòng Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tuấn Hải Phát, chúng tôi gồm:

**BÊN MUA (BÊN A): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN BẢO ANH HÙNG**

Người đại diện : Ông Đặng Văn Hùng Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ : Hẻm 2, tổ 26, KP4, Phường Trảng Dài, Thành Phố Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai. Việt Nam

Điện thoại : 0945396079

Mã số thuế : 3603176753

Tài khoản : 67896568 tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – PGD Gia Kiệm.

**BÊN BÁN (BÊN B): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT**

Người đại diện : Ông Trương Ngọc Anh Tuấn Chức vụ : Giám đốc.

Địa chỉ : Tổ 10, Đường Lê Văn Lộc, Khu phố Tân Phú, Phường Phú Mỹ ,  
Thị xã Phú Mỹ , Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Mã số thuế : 3502350772

Điện thoại : 0915830930

Tài khoản số : 336666778 – NH Thương Mại Cổ Phần Á Châu PGD Nguyễn Thái Bình

Sau khi bàn bạc thống nhất, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng mua bán nguyên tắc với các điều khoản sau:

**ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG:**

Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán hàng hóa với số lượng, quy cách, chủng loại, chất lượng sẽ được quy định cụ thể trong Hợp đồng kinh tế hoặc Phụ lục hợp đồng giữa hai bên.

**ĐIỀU 2. QUY CÁCH, CHẤT LƯỢNG, XUẤT XỨ HÀNG HÓA:**

**2.1. Chất lượng và xuất xứ hàng hóa:**

- Bên B đảm bảo rằng hàng hóa sẽ: (a) phù hợp với các mô tả chi tiết trong điều 1 của hợp đồng này; (b) có chất lượng đạt yêu cầu và phù hợp với bất kỳ mục đích nào do bên A đề ra hoặc do bên A thông báo cho bên B; (c) hàng hóa mới và không có lỗi/hư hỏng.

- Xuất xứ hàng hóa: theo quy định tại Điều 1 của Hợp Đồng này, phù hợp với CO-CQ được cung cấp đi kèm hàng hóa.

**2.1. Cung cấp và vận chuyển hàng hóa:**

Bên B tự chịu trách nhiệm về cách thức cung cấp và vận chuyển, đảm bảo số lượng/ khối lượng, chất lượng hàng hóa trong quá trình vận chuyển và bốc dỡ đúng yêu cầu của Bên A.



### **ĐIỀU 3. ĐẶT HÀNG VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA:**

#### **3.1. Đặt hàng:**

Khi có nhu cầu, bên A gửi đơn đặt hàng cho bên B bằng hình thức văn bản gửi trực tiếp/Fax/Email trong đó nêu rõ số lượng, chủng loại, thời gian giao hàng, người nhận hàng, địa điểm giao hàng. Bên B không được từ chối thực hiện đơn hàng nhận được từ bên A mà không đưa ra được lý do hợp lý và được bên A chấp thuận.

#### **3.2. Xác nhận đơn hàng:**

- Bên B có trách nhiệm ký và đóng dấu xác nhận trên đơn hàng và gửi cho bên A bằng hình thức gửi trực tiếp/Fax/Email trong vòng 01 ngày sau khi nhận đơn hàng. Đơn hàng của bên A có xác nhận của bên B là phần không tách rời của hợp đồng này.

- Trường hợp thay đổi đơn hàng, bên A có trách nhiệm thông báo cho bên B chậm nhất là 02 ngày trước ngày giao hàng để bên B lên kế hoạch điều phối hàng hóa và phương tiện vận chuyển.

#### **3.3. Địa điểm, thời gian giao hàng:**

- Địa điểm giao hàng: Theo thông báo của Bên A

- Thời gian: theo đơn đặt hàng của bên A.

#### **3.4. Phương thức giao nhận hàng:**

- Trước khi giao hàng ít nhất 12 giờ bên B phải thông báo bằng điện thoại/mail/fax cho bên A được biết để chuẩn bị các thủ tục giao nhận.

- Số lượng giao thực tế được tính bằng phương pháp đo thùng khi cập mạn và sang mạn.

- Tại thời điểm bên B giao hàng đến địa điểm do bên A chỉ định, đại diện hai bên sẽ cùng trực tiếp kiểm tra, kiểm đếm, giao nhận và ký xác nhận các Biên bản hoặc Phiếu giao nhận tại chỗ. Số lượng và chất lượng hàng hóa giao nhận thực tế được thể hiện tại Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

#### **3.5. Kiểm tra và nghiệm thu hàng hóa:**

Kiểm tra trước khi giao hàng:

- Bên B có trách nhiệm kiểm tra số lượng, chất lượng hàng hóa trước khi giao hàng.

Kiểm tra khi giao hàng:

- Khi hàng hóa được giao đến địa điểm và/hoặc vị trí giao hàng cụ thể, hai bên cùng cử đại diện kiểm tra chủng loại, số lượng, chất lượng, xác nhận tình trạng và ký Biên bản bàn giao hàng hóa.

- Nếu phát hiện thừa hoặc thiếu số lượng hoặc không đúng chất lượng hàng hóa thì bên A có quyền lập biên bản tại chỗ yêu cầu đại diện bên B xác nhận, đồng thời bên A có quyền từ chối nhận hàng, bên B có trách nhiệm di dời số hàng hóa thừa và/hoặc không đáp ứng yêu cầu đi ngay lập tức và chuyển lại hàng hóa đảm bảo yêu cầu cho Bên A trong vòng 05 ngày. Nếu bên B không thực hiện hoặc không đáp ứng tiến độ yêu cầu của bên A thì bên A có quyền tự thực hiện hoặc thuê một bên thứ ba thực hiện, mọi chi phí phát sinh liên quan sẽ do bên B chịu.

### **ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:**

#### **4.1. Hình thức thanh toán:**

- Chuyển khoản; hoặc tiền mặt

- Đối trừ công nợ tùy vào từng thời điểm do thỏa thuận của hai bên.

#### **4.2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam Đồng.**



**4.3. Tiến độ thanh toán:** sẽ được thỏa thuận trong hợp đồng kinh tế hoặc Phụ lục hợp đồng giữa hai bên.

**ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN A:**

- Kiểm tra số lượng, chất lượng hàng hóa do bên B giao.
- Có quyền lấy mẫu hàng do bên B cung cấp để kiểm tra chất lượng.
- Từ chối nhận hàng và/hoặc yêu cầu bên B cung cấp lại nếu hàng hóa do bên B cung cấp không đảm bảo về chất lượng, không đúng chủng loại, không có đầy đủ chứng chỉ chất lượng, xuất xứ theo quy định của hợp đồng và pháp luật.
- Quyền ngừng thanh toán/không thanh toán khi có bằng chứng về việc bên B lừa dối trong việc thực hiện hợp đồng và/hoặc hàng hóa bên B cung cấp đang là đối tượng bị tranh chấp và/hoặc hàng hóa bên B cung cấp không phù hợp theo quy định tại hợp đồng.
- Thông báo kịp thời khi có sự thay đổi đơn hàng hoặc kế hoạch nhận hàng cho bên B.
- Hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi cho bên B bàn giao hàng hóa, chuẩn bị mặt bằng và cử người đại diện để kiểm tra, kiểm đếm, phối hợp với bên B bốc dỡ hàng hóa xuống kho bãi tại công trường, ký xác nhận Biên bản giao nhận hàng hóa.
- Cử nhân viên giao nhận kiểm tra và ký xác nhận các chứng từ giao nhận hàng kịp thời theo đúng số lượng, chất lượng thực tế theo đơn hàng và phiếu giao hàng.
- Thanh toán cho bên B theo quy định tại hợp đồng và/hoặc theo thỏa thuận của hai bên.

**ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN B:**

- Quyền yêu cầu bên A thanh toán đúng thời hạn quy định của hợp đồng.
- Cung cấp hàng hóa đảm bảo số lượng, quy cách, chủng loại, chất lượng như đã thỏa thuận hợp đồng.
- Giao hàng cho bên A theo đúng kế hoạch, thời gian, địa điểm như đã thỏa thuận hợp đồng và tự chịu rủi ro trong quá trình vận chuyển giao hàng.
- Chịu mọi trách nhiệm về an toàn lao động, kỹ thuật, vệ sinh môi trường, an ninh khu vực trong suốt quá trình vận chuyển, lắp đặt, vận hành, tháo dỡ (nếu có).
- Chịu trách nhiệm về sai sót, khiếm khuyết của hàng hóa, đồng thời chịu trách nhiệm đổi trả, thay thế hàng hóa trong trường hợp hàng hóa kém chất lượng, không đúng chủng loại, mẫu mã, số lượng theo thỏa thuận của hai bên và/hoặc theo yêu cầu của bên A.
- Thông báo kịp thời cho bên A trong trường hợp không cấp được hàng hóa và/hoặc không đủ số lượng hàng hóa bên A yêu cầu. Khi đó, bên B phải có phương án cung cấp hàng bổ sung phù hợp cho bên A để đảm bảo việc cung cấp hàng hóa đầy đủ và đúng thời hạn được nêu trong Đơn đặt hàng. Nếu không thông báo cho bên A biết về việc không cấp được hàng hoặc không đủ số lượng hàng thì bị xem như bên B không giao hàng hoặc giao hàng không đầy đủ và phải chịu trách nhiệm tương ứng do vi phạm nghĩa vụ giao hàng quy định trong hợp đồng.
- Cung cấp và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các giấy tờ liên quan đến xuất xứ hàng hóa, chứng chỉ chất lượng, hóa đơn tài chính, hồ sơ thanh toán và chứng từ khác liên quan đến việc bán hàng hóa và dịch vụ liên quan cho bên A.
- Đảm bảo hàng hóa bên B cung cấp cho bên A thuộc quyền sở hữu của bên B, không phải là tài sản được thế chấp, đặt cọc, hay đảm bảo cho bất kỳ nghĩa vụ nào của bên B phát sinh trước, trong hoặc sau khi ký hợp đồng này. Nếu để tranh chấp với bất kỳ bên thứ ba nào, bên



B phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, hoàn trả lại toàn bộ số tiền bên A đã tạm ứng, thanh toán và bồi thường mọi thiệt hại cho bên A.

#### **ĐIỀU 7. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:**

- Mọi tranh chấp (nếu có) liên quan đến hợp đồng này trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng trên cơ sở thiện chí và hợp tác giữa hai Bên.

- Trong trường hợp sau 30 ngày kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp, các bên không thể tự giải quyết, một trong hai bên có thể khởi kiện tại Tòa án nơi bên A đặt trụ sở để yêu cầu giải quyết. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc thực hiện với các Bên. Toàn bộ chi phí giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua kiện chịu.

#### **ĐIỀU 8: BẤT KHẢ KHÁNG:**

Sự kiện bất khả kháng là những sự kiện, biến cố xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được bao gồm: thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sự thay đổi của chính sách dẫn đến tình trạng Bên bị ảnh hưởng không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

Trách nhiệm của các Bên khi gặp sự kiện bất khả kháng: Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện Bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên còn lại phạt vi phạm, chấm dứt Hợp đồng hoặc áp dụng các chế tài khác của Hợp đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

- Thông báo cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng **bảy (07) ngày** sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Trường hợp sự kiện bất khả kháng diễn ra liên tục vượt quá **ba mươi (30) ngày**, hai Bên sẽ thỏa thuận trong thời gian sớm nhất về việc tiếp tục thực hiện hoặc hủy bỏ Hợp đồng mà hai bên đều không có bất cứ khiếu nại, tranh chấp nào đối với nhau

#### **ĐIỀU 9. ĐIỀU KHOẢN CHUNG:**

- Nếu một điều khoản bất kỳ của hợp đồng này bị tuyên bố vô hiệu hoặc không thể thực hiện toàn bộ hay một phần, các điều khoản khác và phần còn lại của các điều khoản bị ảnh hưởng của hợp đồng này vẫn tiếp tục có hiệu lực.

- Hợp đồng có hiệu lực từ ngày hai bên ký và tự động thanh lý khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng.

- Mọi Phụ lục đính kèm và/hoặc các nội dung sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các quy định của hợp đồng phải được lập thành văn bản và có chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền của hai bên và là phần không tách rời của hợp đồng.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi Bên giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện./.





CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----★-----

**HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC MUA BÁN CÁT**

**Số: 01/HĐNT/PHN-THP**

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;
- Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành có liên quan;
- Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên.

Hôm nay, ngày      tháng      năm 2025, tại Văn phòng Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tuấn Hải Phát, chúng tôi gồm:

**BÊN MUA (BÊN A): CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHÚC HOÀNG NGUYỄN**

Người đại diện : Ông Nguyễn Đình Nam      Chức vụ: **Tổng Giám đốc**  
Địa chỉ : K77A/07 Lê Độ, phường Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng  
Điện thoại : 02363646306  
Mã số thuế : 0401000254

**BÊN BÁN (BÊN B): CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ TUẤN HẢI PHÁT**

Người đại diện : Ông Trương Ngọc Anh Tuấn      Chức vụ : **Giám đốc**  
Địa chỉ : Tổ 10, Đường Lê Văn Lộc, Khu phố Tân Phú, Phường Phú Mỹ, Thành phố Phú Mỹ, Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.  
Mã số thuế: 3502350772  
Điện thoại : 0915830930  
Tài khoản số : 336666778 – NH Thương Mại Cổ Phần Á Châu PGD Nguyễn Thái Bình

Sau khi bàn bạc thống nhất, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa với các điều khoản sau:





## **ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG:**

Bên A đồng ý mua và Bên B đồng ý bán hàng hóa với khối lượng, quy cách, chủng loại, chất lượng sẽ được quy định cụ thể trong Hợp đồng này giữa hai bên.

## **ĐIỀU 2. HÀNG HÓA MUA BÁN**

2.1. Bên B đồng ý Bán cho Bên A Hàng hóa là Cát nhập khẩu Campuchia với các thông số và khối lượng như sau:

| <b>Tên Hàng hóa</b>                   | <b>Khối lượng<br/>(m<sup>3</sup>)</b> |
|---------------------------------------|---------------------------------------|
| Cát nhập khẩu Campuchia<br>Modun 1.2+ | 500.000                               |
| Cát nhập khẩu Campuchia<br>Modun 1.4+ | 500.000                               |
| Cát nhập khẩu Campuchia<br>Modun 1.6+ | 500.000                               |
| Cát nhập khẩu Campuchia<br>Modun 1.8+ | 1.000.000                             |
| Cát nhập khẩu Campuchia<br>Modun 2.0+ | 500.000                               |

*\*Module theo bảng test*

- 2.2. Đơn giá được hai bên thống nhất thỏa thuận tại thời điểm ký hợp đồng chi tiết, Phụ lục hợp đồng hoặc Đơn hàng phù hợp với tình hình thị trường.
- 2.3. Giá cát được bình ổn trong khối lượng 100.000 m<sup>3</sup>.
- 2.4. Giá trị Hàng hóa thanh toán sẽ căn cứ theo khối lượng Hàng hóa thực tế đã giao nhận giữa hai Bên.
- 2.5. Khi có nhu cầu, Bên A thông báo cho Bên B kế hoạch cần cung cấp. Trên cơ sở yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ xác nhận và cung cấp theo đúng kế hoạch và thỏa thuận của 2 bên. Trước khi thực hiện giao nhận hàng hóa, các bên thông báo bằng văn bản, email, zalo,... cho nhau thông tin nhân sự đại diện cho các bên tiến hành giao nhận hàng hóa (nêu rõ tên, chức vụ, căn cước công dân, số điện thoại).

## **ĐIỀU 3. ĐỊA ĐIỂM VÀ PHƯƠNG THỨC GIAO NHẬN HÀNG HÓA:**

3.1. Địa điểm, thời gian giao hàng:



(a) Địa điểm giao hàng: Tại Cảng PTSC Đà Nẵng.

(b) Thời gian: Theo thông báo của Bên A theo từng đợt giao hàng.

### 3.2. Phương thức giao nhận hàng:

(a) Trước khi giao hàng ít nhất ba mươi sáu (36) giờ bên B phải thông báo bằng điện thoại/mail/fax cho bên A được biết để chuẩn bị các thủ tục giao nhận.

(b) Tại thời điểm bên B giao hàng đến địa điểm trên, đại diện hai bên sẽ cùng trực tiếp kiểm tra, kiểm đếm, giao nhận và ký xác nhận các Biên bản hoặc Phiếu giao nhận tại chỗ. Số lượng và chất lượng hàng hóa giao nhận thực tế được thể hiện tại Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

### 3.3. Kiểm tra và giao nhận hàng hóa:

(a) Kiểm tra trước khi giao hàng: Bên B có trách nhiệm kiểm tra số lượng, chất lượng hàng hóa trước khi giao hàng.

(b) Kiểm tra khi giao hàng:

(i). Khi hàng hóa được giao đến địa điểm và/hoặc vị trí giao hàng cụ thể, hai bên cùng cử đại diện kiểm tra chủng loại, số lượng, chất lượng, xác nhận tình trạng và ký Biên bản bàn giao hàng hóa.

(ii). Nếu phát hiện thừa hoặc thiếu số lượng hoặc không đúng chất lượng hàng hóa thì bên A có quyền lập biên bản tại chỗ yêu cầu đại diện bên B xác nhận, đồng thời bên A có quyền từ chối nhận hàng, bên B có trách nhiệm di dời số hàng hóa thừa và/hoặc không đáp ứng yêu cầu đi ngay lập tức và chuyển lại hàng hóa đảm bảo yêu cầu cho Bên A trong vòng 05 ngày. Nếu bên B không thực hiện hoặc không đáp ứng tiến độ yêu cầu của bên A thì bên A có quyền tự thực hiện hoặc thuê một bên thứ ba thực hiện, mọi chi phí phát sinh liên quan sẽ do bên B chịu.

(iii). Nghiệm thu khối lượng thực tế trên phương tiện vận chuyển theo phương thức hình học, học (chiều dài x chiều rộng x chiều cao). Trong trường hợp, phương tiện vận chuyển không thực hiện được phương thức nghiệm thu hình học, hai Bên thống nhất tính khối lượng bằng phương pháp cân tại cảng PTSC Đà Nẵng.

(iv). Module Cát được xác định theo bảng test.

3.4. Nghiệm thu hàng hóa: Hàng hóa được coi là nghiệm thu theo từng đợt giao hàng sau khi Bên A đã có kết quả kiểm định về chất lượng hàng hóa từ đơn vị kiểm định.

3.5. Phương tiện vận chuyển: Loại tàu chuyên dụng phù hợp với vận chuyển và xếp dỡ hàng hóa.

350235  
CÓN  
PACH NH  
LƯƠNG MA  
TUẤN H  
VY T.BA

1000.  
ÔNG  
Ô PH  
ÁP Đ  
HOANG P  
PHỒ



#### **ĐIỀU 4. PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN:**

**4.1. Tạm ứng:** Theo quy định của hợp đồng chi tiết, Phụ lục hợp đồng hoặc Đơn hàng.

(a) **Hồ sơ tạm ứng gồm:**

- (i). Giấy đề nghị tạm ứng;
- (ii). Hợp đồng đã ký giữa 02 bên;
- (iii). Giấy phép khai thác khoáng sản và Hợp đồng mua bán dẫn nguồn đến mỏ (bản sao công chứng).

(b) **Thu hồi tạm ứng:** Trừ trường hợp hợp đồng chi tiết, Phụ lục hợp đồng hoặc Đơn hàng quy định khác đi, tiền tạm ứng sẽ được hai bên quyết toán theo từng đợt giao hàng.

**4.2. Bảo lãnh thanh toán:** Áp dụng theo quy định tại hợp đồng chi tiết, Phụ lục hợp đồng hoặc Đơn hàng.

**4.3. Bảo lãnh hoàn trả tiền tạm ứng:** Áp dụng theo quy định tại hợp đồng chi tiết, Phụ lục hợp đồng hoặc Đơn hàng.

**4.4. Thanh toán:**

(a) **Phương thức thanh toán:**

- (i). Chuyển khoản; hoặc
- (ii). Đối trừ công nợ tùy vào từng thời điểm do thỏa thuận của hai bên.

(b) **Đồng tiền thanh toán:** Việt Nam Đồng.

(c) **Tiến độ thanh toán:** Thanh toán theo quy định tại hợp đồng chi tiết, Phụ lục hợp đồng hoặc Đơn hàng.

(d) **Hồ sơ thanh toán bao gồm:**

- (i). Đề nghị thanh toán của Bên B (bản copy).
- (ii). Biên bản nghiệm thu giá trị, khối lượng hoàn thành (bản copy).
- (iii). Biên bản giao nhận hàng hóa (bản copy).
- (iv). Hóa đơn GTGT hợp lệ (liên giao cho khách hàng).
- (v). Đối chiếu công nợ (nếu có)
- (vi). Các chứng từ liên quan khác, nếu có (bản gốc hoặc bản sao chứng thực).



## **ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN A:**

- 5.1. Cử người đại diện có thẩm quyền tiếp nhận, kiểm tra chất lượng và số lượng hàng hóa được giao, lập phiếu nhập kho và ký Biên bản giao nhận hàng sau khi đã nhận hàng từ Bên B.
- 5.2. Quyền không tiếp nhận hoặc trả lại những hàng hóa đã được Bên B giao khi hàng hóa không đúng mẫu đã duyệt hoặc không đáp ứng theo đúng yêu cầu về chủng loại, nguồn gốc xuất xứ. Đồng thời Bên B phải bồi thường toàn bộ các thiệt hại phát sinh có liên quan cho bên A.
- 5.3. Có quyền lấy mẫu hàng do Bên B cung cấp để kiểm tra chất lượng. Bên B chấp nhận kết quả kiểm định hàng hóa do Bên A cung cấp.
- 5.4. Quyền ngừng thanh toán/không thanh toán khi có bằng chứng về việc Bên B lừa dối trong việc thực hiện hợp đồng và/hoặc hàng hóa bên B cung cấp đang là đối tượng bị tranh chấp và/hoặc hàng hóa Bên B cung cấp không phù hợp theo quy định tại hợp đồng.
- 5.5. Thanh toán cho Bên B theo quy định tại Điều 4 của hợp đồng và/hoặc theo thỏa thuận của hai bên. Nếu tới thời hạn thanh toán mà Bên A vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Bên B thì Bên A phải chịu lãi phạt trả chậm được tính bằng lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng BIDV tại thời điểm phát sinh nợ quá hạn tính trên tổng số tiền chưa thanh toán.
- 5.6. Có trách nhiệm nhận hàng hóa do Bên B giao tại nơi được chỉ định và ký xác nhận biên bản giao nhận, nghiệm thu trong vòng 48 giờ trừ trường hợp hàng hóa không đúng khối lượng và/hoặc không đúng chất lượng. Nếu quá thời gian quy định trên, Bên A chịu phạt 25.000.000 đồng / ngày / tàu (chưa bao gồm VAT).
- 5.7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, hợp đồng này và theo thỏa thuận của các bên từng thời điểm.

## **ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ BÊN B:**

- 6.1. Quyền được thanh toán theo Điều 4 của Hợp đồng. Bên B có quyền tạm ngưng cấp hàng hoặc giữ lại tiền tạm ứng (nếu có) trong trường hợp Bên A chậm trễ thanh toán theo như Điều 4 của hợp đồng.
- 6.2. Cung cấp hàng hóa đúng chủng loại, số lượng, chất lượng, thời gian và địa điểm theo yêu cầu của Bên A.
- 6.3. Chịu trách nhiệm vận chuyển hàng hóa cập mạn tại Cảng PTSC Đà Nẵng cho đến khi hàng lên xe về vị trí tập kết.
- 6.4. Cung cấp Hồ sơ liên quan đến Hồ sơ pháp lý của mỏ khai thác hàng hóa: Giấy phép khai thác mỏ vật liệu; bằng chứng về việc đã đóng thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường,... theo yêu cầu của bên A, và chịu trách nhiệm trước bên A và



pháp luật về tính pháp lý của các tài liệu này. Bên B chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính pháp lý liên quan đến nguồn gốc, xuất xứ của hàng hóa cấp cho bên A.

- 6.5. Đối với hàng hóa bên B cấp không đạt nguồn gốc xuất xứ, chất lượng, bên B phải đổi lại hàng hóa đạt nguồn gốc xuất xứ, chất lượng hoặc nhận trả hàng theo yêu cầu bên A, trong vòng tối đa 3 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo của bên A. Bên B chịu trách nhiệm mọi chi phí phát sinh liên quan đến việc trả hoặc đổi lại lô hàng này.
- 6.6. Phối hợp với bên A trong việc cung cấp mẫu cát khi bên A yêu cầu.
- 6.7. Phối hợp, hỗ trợ với nhân viên của bên A trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng.
- 6.8. Đảm bảo hàng hóa bên B cung cấp cho bên A thuộc quyền sở hữu của bên B, không phải là tài sản được thế chấp, đặt cọc, hay đảm bảo cho bất kỳ nghĩa vụ nào của bên B phát sinh trước, trong hoặc sau khi ký hợp đồng này. Nếu để tranh chấp với bất kỳ bên thứ ba nào, bên B phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, hoàn trả lại toàn bộ số tiền bên A đã tạm ứng, thanh toán và bồi thường mọi thiệt hại cho bên A.
- 6.9. Bảo mật toàn bộ thông tin liên quan đến hợp đồng này, trường hợp bên B vi phạm sẽ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại thực tế gây ra cho bên A.
- 6.10. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, hợp đồng này và theo thỏa thuận của các bên từng thời điểm.

## **ĐIỀU 7. CHẤM DỨT VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG**

- 7.1. Trừ trường hợp vi phạm hợp đồng, các bên có quyền thông báo yêu cầu chấm dứt hợp đồng trước hạn trước 03 ngày và bên còn lại phải trả lời thông báo trong 03 ngày nếu không xem như là đồng ý chấm dứt hợp đồng.
- 7.2. Các điều kiện chấm dứt thực hiện hợp đồng: Vì nguyên nhân bất khả kháng và các trường hợp khác được các Bên thống nhất thỏa thuận đồng ý chấm dứt thực hiện hợp đồng.
- 7.3. Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng: Một bên có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và không phải bồi thường thiệt hại khi bên kia vi phạm hợp đồng là điều kiện để chấm dứt thực hiện hợp đồng mà các bên đã thỏa thuận hoặc, bên vi phạm hợp đồng phải bồi thường thiệt hại 5% nếu có.
- 7.4. Trước khi chấm dứt Hợp đồng, bên chấm dứt phải có văn bản thông báo với bên còn lại về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng và nêu rõ nguyên nhân, lý do chấm dứt hợp đồng.
- 7.5. Bên chấm dứt thực hiện hợp đồng phải thông báo bằng văn bản trước 03 ngày cho Bên kia biết về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng. Nếu không thông báo



mà gây thiệt hại cho bên kia, thì bên đơn phương chấm dứt hợp đồng phải bồi thường toàn bộ chi phí phát sinh liên quan.

- 7.6. Trong trường hợp hai bên thống nhất thanh lý hợp đồng, Bên A chỉ có trách nhiệm thanh toán đối với số lượng Hàng Hóa đã được Bên A kiểm tra nghiệm thu và trừ đi toàn bộ số tiền đã tạm ứng cho bên B, tiền đã thanh toán cho bên B, các khoản tiền phạt vi phạm, tiền bồi thường thiệt hại và các khoản phải trả khác thuộc về nghĩa vụ của Bên B (nếu có).
- 7.7. Trường hợp sau khi đối trừ, nếu số tiền Bên A phải thanh toán ít hơn số tiền bên B còn nắm giữ của bên A, thì bên B phải thanh toán phần chênh lệch đó cho Bên A. Ngược lại, nếu số tiền bên A phải thanh toán nhiều hơn số tiền bên B còn nắm giữ của bên A, thì bên A phải thanh toán thêm cho bên B. Thời hạn thanh toán trong vòng 05 ngày kể từ ngày hai bên xác nhận; nếu chậm thanh toán theo thời hạn quy định trên, bên vi phạm phải chịu lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Hợp Đồng tính trên số tiền và số ngày chậm trả.
- 7.8. Hợp đồng không còn hiệu lực và tự động thanh lý sau 30 ngày kể từ ngày được ký kết nhưng không phát sinh đơn đặt hàng hoặc giao dịch liên quan đến hợp đồng này.

#### **ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG:**

- 8.1. Sự kiện bất khả kháng là những sự kiện, biến cố xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được bao gồm: thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh hoặc theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, sự thay đổi của chính sách dẫn đến tình trạng Bên bị ảnh hưởng không thể khắc phục được mặc dù và sau khi Bên bị ảnh hưởng đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.
- 8.2. Trách nhiệm của các Bên khi gặp sự kiện bất khả kháng: Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện Bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên còn lại phạt vi phạm, chấm dứt Hợp đồng hoặc áp dụng các chế tài khác của Hợp đồng. Tuy nhiên, Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện Bất khả kháng có nghĩa vụ phải:
- (a) Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
  - (b) Thông báo cho Bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng bảy (07) ngày sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.
- 8.3. Trường hợp sự kiện bất khả kháng diễn ra liên tục vượt quá ba mươi (30) ngày, hai Bên sẽ thỏa thuận trong thời gian sớm nhất về việc tiếp tục thực hiện hoặc hủy bỏ Hợp đồng mà hai bên đều không có bất cứ khiếu nại, tranh chấp nào đối với nhau.



## ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

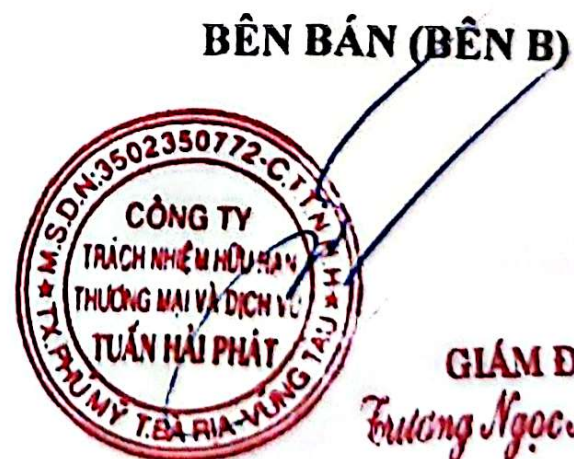
- 9.1. Mọi tranh chấp (nếu có) liên quan đến Hợp Đồng này trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng trên cơ sở thiện chí và hợp tác giữa hai Bên.
- 9.2. Trong trường hợp sau 30 ngày kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp, các bên không thể tự giải quyết, một trong hai bên có thể khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng và có tính chất bắt buộc thực hiện với các Bên. Toàn bộ chi phí giải quyết tranh chấp sẽ do bên thua kiện chịu.

## ĐIỀU 10. ĐIỀU KHOẢN CHUNG:

- 10.1. Nếu một điều khoản bất kỳ của hợp đồng này bị tuyên bố vô hiệu hoặc không thể thực hiện toàn bộ hay một phần, các điều khoản khác và phần còn lại của các điều khoản bị ảnh hưởng của hợp đồng này vẫn tiếp tục có hiệu lực.
- 10.2. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày hai bên ký và tự động thanh lý khi các bên hoàn thành các nghĩa vụ được quy định trong hợp đồng.
- 10.3. Mọi Phụ lục đính kèm và/hoặc các nội dung sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh các quy định của hợp đồng phải được lập thành văn bản và có chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền của hai bên và là phần không tách rời của hợp đồng.
- 10.4. Hợp đồng được lập thành 04 bản tiếng Việt có giá trị pháp lý ngang nhau, mỗi Bên giữ 02 bản để làm cơ sở thực hiện./.



**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Đình Nam*



**GIÁM ĐỐC**  
*Trương Ngọc Anh Tuấn*